

Số: 2399 /QĐ-VĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Căn cứ Luật Đấu thầu số: 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Nghị định số 63/2014/CP-NĐ ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ quyết định số 1596/QĐ-VĐ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ HSMT và HSDT của các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Báo cáo đánh giá HSDT ngày 25 / 11 /2020 của Tổ chuyên gia đấu thầu;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 25 / 11 /2020 của Tổ Thẩm định kết quả thầu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng VTTBYT và Trưởng phòng TCKT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay chuẩn y đề nghị của Tổ chuyên gia đấu thầu và Tổ thẩm định kết quả thầu về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

TT	Danh sách nhà thầu trúng thầu	Tổng số mặt hàng trúng thầu	Giá trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Gói thầu số 1: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao dùng trong phẫu thuật thần kinh					

1	Công ty TNHH thiết bị y tế Trảng Thi	02 mặt hàng	6.288.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y	07 mặt hàng	3.454.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty TNHH Điện Dương	02 mặt hàng	1.215.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty cổ phần Vietmedic	02 mặt hàng	3.225.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty cổ phần TTBYT Đức Tín	06 mặt hàng	4.844.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty cổ phần TTB y tế Cống Vàng	01 mặt hàng	1.386.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
7	Công ty cổ phần thiết bị y tế TDM	02 mặt hàng	925.605.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Gói thầu số 3: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao dùng trong phẫu thuật Tim mạch - Lồng Ngực

1	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật y tế Trường Sinh	13 mặt hàng	3.570.729.200	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	01 mặt hàng	708.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Handwritten signature

3	Công ty cổ phần Dược phẩm Thống Nhất	11 mặt hàng	768.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty cổ phần Sinh học Kim Hòa Phát	01 mặt hàng	363.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty cổ phần TBYT Việt Gia	07 mặt hàng	869.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty cổ phần Vietmedic	08 mặt hàng	796.650.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
7	Công ty cổ phần y tế Nhất Minh	04 mặt hàng	2.407.900.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
8	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	01 mặt hàng	846.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
9	Công ty TNHH đầu tư và phát triển thương mại Quỳnh Anh	14 mặt hàng	17.585.070.500	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
10	Công ty TNHH Thanh Phương	06 mặt hàng	3.624.168.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
11	Công ty TNHH thiết bị & dịch vụ công nghệ Cao Ngọc Mỹ	01 mặt hàng	165.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

me

12	Công ty TNHH thiết bị y tế Phương Đông	03 mặt hàng	2.490.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
13	Công ty TNHH Thiết bị y tế Thăng Long	02 mặt hàng	2.420.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
14	Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y	07 mặt hàng	4.968.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
15	Công ty TNHH Thông Minh Hoàng Hà	04 mặt hàng	399.240.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
16	Công ty TNHH thương mại Đầu tư Viễn Tây	04 mặt hàng	372.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
17	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp VINATRADING	18 mặt hàng	7.769.200.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Gói thầu số 4: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao dùng trong can thiệp tim mạch

1	Công ty cổ phần Sinh học Kim Hòa Phát	07 mặt hàng	5.751.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty cổ phần thiết bị y tế VNT	14 mặt hàng	5.599.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty cổ phần thương mại Cổng Vàng	04 mặt hàng	6.275.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Gia Hân	04 mặt hàng	1.541.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Đại Dương	10 mặt hàng	1.572.850.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty TNHH công nghệ An Pha	01 mặt hàng	2.360.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
7	Công ty TNHH Dược Phẩm Kim Thông	08 mặt hàng	2.445.250.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
8	Công ty TNHH Dược Phẩm và thiết bị y tế Long Bình	08 mặt hàng	3.220.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
9	Công ty TNHH Thanh Phương	03 mặt hàng	149.625.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
10	Công ty TNHH Thiên Việt	04 mặt hàng	845.259.500	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
11	Công ty TNHH Thiết bị y tế Thăng Long	09 mặt hàng	15.902.600.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
12	Công ty TNHH thương mại Tâm Hợp	04 mặt hàng	7.030.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

me

13	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại tổng hợp VINATRADING	22 mặt hàng	44.265.100.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
14	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Việt Thắng	17 mặt hàng	1.624.250.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
15	Công ty TNHH trang thiết bị y tế KTA	03 mặt hàng	153.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
16	Công ty TNHH tư vấn thương mại dịch vụ khoa học kỹ thuật Transmed	04 mặt hàng	1.414.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
17	Liên danh Công ty TNHH trang thiết bị y tế M-B Việt Nam và công ty cổ phần công nghệ kỹ thuật vật tư thiết bị y tế Hải Âu	04 mặt hàng	4.371.750.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Gói thầu số 5: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao dùng trong hồi sức tích cực

1	Công ty trách nhiệm hữu hạn KIGEN	04 mặt hàng	791.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty TNHH thiết bị y tế Phương Đông	06 mặt hàng	8.218.425.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trường Thủy	02 mặt hàng	2.160.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Gói thầu số 6: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao hỗ trợ điều trị bệnh nhân

Phu

1	Công ty cổ phần ACCUTECH Việt Nam	03 mặt hàng	350.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty cổ phần Alpha	01 mặt hàng	132.300.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty cổ phần HTP Việt Nam	03 mặt hàng	78.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đức Huy	03 mặt hàng	1.713.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Hà Nội	85 mặt hàng	10.511.178.800	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty trách nhiệm hữu hạn thông minh Hoàng Hà	02 mặt hàng	225.750.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
7	Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại tổng hợp An Phú Mỹ	01 mặt hàng	4.245.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Gói thầu số 7: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao nẹp vít dùng trong phẫu thuật sọ não

1	Công ty TNHH thương mại vật tư thiết bị kỹ thuật y tế	41 mặt hàng	19.068.665.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty cổ phần TTB y tế Cống Vàng	02 mặt hàng	71.250.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Handwritten signature

3	Công ty cổ phần công nghệ y tế Việt Đức	06 mặt hàng	1.326.675.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty cổ phần công nghệ Phan Anh	09 mặt hàng	2.043.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Gói thầu số 8: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao dùng trong phẫu thuật tạo hình hàm mặt thẩm mỹ

1	Công ty TNHH thương mại vật tư thiết bị kỹ thuật y tế	40 mặt hàng	14.276.715.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty cổ phần Dược Phẩm thiết bị y tế Hà Nội	01 mặt hàng	51.150.900	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty cổ phần quốc tế Hạ Long	02 mặt hàng	658.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty cổ phần công nghệ Phan Anh	04 mặt hàng	276.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty TNHH MTV Vimedimec Bình Dương	02 mặt hàng	1.557.902.500	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty TNHH phân phối Nha Khoa Rạng Đông	77 mặt hàng	4.174.945.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
7	Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y	22 mặt hàng	6.207.450.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

8	Công ty TNHH XNK TMTH An Phú Mỹ	02 mặt hàng	2.695.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
9	Công ty TNHH MTV Thương Mại Vân Thông	01 mặt hàng	640.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Gói thầu số 10: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình

1	Công ty cổ phần Alpha	143 mặt hàng	9.217.834.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty cổ phần Hà Nội Trường Sơn	10 mặt hàng	370.600.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty cổ phần Thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	49 mặt hàng	13.450.410.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty TNHH đầu tư công nghệ Bách Việt	54 mặt hàng	9.900.750.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty TNHH Hà Nội IEC	51 mặt hàng	2.162.640.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty TNHH Medison Việt Nam	50 mặt hàng	29.429.513.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
7	Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh	01 mặt hàng	6.840.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Handwritten signature

8	Công ty TNHH TM và DVKT Tài Lộc	14 mặt hàng	184.619.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
9	Công ty TNHH XNK TMTH An Phú Mỹ	89 mặt hàng	28.813.785.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
10	Liên danh Công ty cổ phần Trảng Thi và Công ty TNHH thiết bị y tế Hà Ninh	47 mặt hàng	4.058.150.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Gói thầu số 13: Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao dùng trong can thiệp mạch

1	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật y tế Trường Sinh	01 mặt hàng	220.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty cổ phần TBYT VNT	03 mặt hàng	717.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty cổ phần thương mại và giải pháp y tế Việt Linh	02 mặt hàng	286.200.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Đỗ Gia	01 mặt hàng	1.260.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Đại Dương	03 mặt hàng	6.048.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty cổ phần TTBYT Đức Tín	01 mặt hàng	1.780.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

me

7	Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Hoàng Nga	01 mặt hàng	990.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
8	Công ty cổ phần thương mại Công Vàng	04 mặt hàng	3.589.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
9	Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Trọng Minh	01 mặt hàng	320.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
10	Công ty TNHH Công nghệ An Pha	04 mặt hàng	5.685.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
11	Công ty TNHH dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức	09 mặt hàng	3.997.800.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
12	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Long Bình	08 mặt hàng	3.291.100.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
13	Công ty trách nhiệm hữu hạn KIGEN	02 mặt hàng	127.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
14	Công ty TNHH Sang Thu	05 mặt hàng	2.527.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
15	Công ty TNHH Thanh Phương	09 mặt hàng	6.057.337.900	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

me

16	Công ty TNHH Thiên Việt	13 mặt hàng	9.411.102.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
17	Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh	12 mặt hàng	8.519.500.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
18	Công ty TNHH thiết bị y tế Tất Thành	02 mặt hàng	408.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
19	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Việt Thắng	02 mặt hàng	647.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
20	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Minh Phương	17 mặt hàng	15.158.250.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
21	Công ty TNHH thương mại vật tư thiết bị kỹ thuật y tế	01 mặt hàng	2.838.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
22	Công ty TNHH tư vấn, TMDV KHKT Transmed	03 mặt hàng	451.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
23	Công ty TNHH Xuân Vy	02 mặt hàng	1.179.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
	Tổng cộng	1186 mặt hàng	430.558.585.300		
Bảng chữ: Bốn trăm ba mươi tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm đồng./.					

(Chi tiết danh mục hàng hoá trúng thầu như Phụ lục đính kèm Quyết định này)

Điều 2: Phòng VT-TBYT và phòng TCKT là các phòng chức năng được tiến hành thương thảo ký hợp đồng với các đơn vị trúng thầu để trình Ban Giám Đốc theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Các ông/ bà trưởng, phó phòng VT-TBYT, TCKT và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VT-TBYT, TC-KT

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
HỮU NGHỊ
VIỆT ĐỨC
Trần Bình Giang

me

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2293/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Trang Thi

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Bộ điện cực kích thích não sâu trong điều trị bệnh lý Parkinson vô căn loại không sạc được pin	Bộ	3					584,000,000	1,752,000,000
	1.1	Bộ điều khiển trung tâm kích thích não sâu	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ điều khiển trung tâm kích thích não sâu	37601 FC1020 FC1036 34680 3755-40 3550-67		
	1.2	Bộ lập chương trình bệnh nhân	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ lập chương trình bệnh nhân	37642		
	1.3	Bộ dây nối dài điện cực	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ dây nối dài điện cực	37086-60		
	1.4	Bộ đầu điện cực não sâu	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ đầu điện cực não sâu	3389S-40		
	1.5	Vải phủ vòng gá đầu	Cái		Mỹ	Integra	Vải phủ vòng gá đầu	ASD1B/ ASD1		
	1.6	Chấu cố định vòng gá đầu vào sọ	Cái		Mỹ	Integra	Chấu cố định vòng gá đầu vào sọ	DHRSL5/ DHRSS5		
2	2	Bộ điện cực kích thích não sâu trong điều trị bệnh lý Parkinson vô căn loại sạc pin	Bộ	6					756,000,000	4,536,000,000
	2.1	Bộ điều khiển trung tâm kích thích não sâu cho phép sạc pin qua da bệnh nhân và các phụ kiện đi kèm	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ điều khiển trung tâm kích thích não sâu cho phép sạc pin qua da bệnh nhân và các phụ kiện đi kèm	37612 FC1020 FC1036 34680 3755-40 3550-67		
	2.2	Bộ lập chương trình bệnh nhân	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ lập chương trình bệnh nhân	37642		
	2.3	Bộ dây nối dài điện cực	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ dây nối dài điện cực	37086-60		
	2.4	Bộ đầu điện cực não sâu	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ đầu điện cực não sâu	3389S-40		
	2.5	Bộ sạc pin	Bộ		Mỹ	Medtronic	Bộ sạc pin	37651		
	2.6	Vải phủ vòng gá đầu	Cái		Mỹ	Integra	Vải phủ vòng gá đầu	ASD1B/ ASD1		
	2.7	Chấu cố định vòng gá đầu vào sọ	Cái		Mỹ	Integra	Chấu cố định vòng gá đầu vào sọ	DHRSL5/ DHRSS5		
Tổng cộng : 02 Mặt hàng										6,288,000,000

Bảng chữ: Sau tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	8	Kéo sinh học và mạch máu và màng não loại II	Tuýp	220	Mỹ/Mexico	Integra LifeSciences Corporation	Kéo dẫn màng cứng sinh học tự tiêu 5ml	206520	8,200,000	1,804,000,000
2	12	Màng não nhân tạo [tái tạo loại I]	Miếng	20	Mỹ	Integra LifeSciences Corporation	Miếng và màng cứng tự dính cỡ 5x5cm	ID-2205 DP-10221	6,600,000	132,000,000
3	14	Màng não nhân tạo [tái tạo loại III]	Miếng	20	Mỹ	Integra LifeSciences Corporation	Miếng và màng cứng tự dính cỡ 2.5x 2.5cm	ID-1105 DP-10111	2,700,000	54,000,000
4	16	Van dẫn lưu não thất ổ bụng loại II	Bộ	50	Mỹ	Integra NeuroSciences PR	Bộ dẫn lưu dịch não tủy trong áp lực thấp, trung bình	NL850-4120 NL850-4121	5,100,000	255,000,000
5	19	Van dẫn lưu não thất ổ bụng loại V	Bộ	60	Mỹ	Integra NeuroSciences PR	Bộ dẫn lưu dịch não tủy trong loại có khoang kiểm soát anti-siphon	NL850-9311 NL850-9321	8,500,000	510,000,000
6	22	Que luồn dưới da dùng cho đặt dẫn lưu não thất - ổ bụng	Cái	330	Mỹ	Integra NeuroSciences PR	Que luồn (thuộc bộ dẫn lưu dịch não tủy trong)	NL850-2001	1,700,000	561,000,000
7	24	Van dẫn lưu não thất ra ngoài loại II	Bộ	40	Pháp; Mỹ	Integra NeuroSciences Implants (France) S.A.S; Integra NeuroSciences PR	Van dẫn lưu não thất ra ngoài (thuộc bộ dẫn lưu dịch não tủy)	910110A INS-4500 (INS-4000)	3,450,000	138,000,000
Tổng cộng: 07 Mặt hàng										3,454,000,000

Bảng chữ: Ba tỷ, bốn trăm năm mươi bốn triệu đồng chẵn./.

Minh

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Điện Dương

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	4	Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não loại I	Bộ	70	Đức	Raumedic AG	Catheter đo áp lực nội sọ	092946-001	12,500,000	875,000,000
2	25	Van dẫn lưu não thất ra ngoài loại III	Bộ	100	Đức	Raumedic AG	Catheter đo áp lực nội sọ	870772-001	3,400,000	340,000,000
Tổng cộng : 02 Mặt hàng										1,215,000,000
Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười lăm triệu đồng chẵn./.										

Phụ

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Vietmedic

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	7	Keo sinh học vá mạch máu và màng não loại I	Tuýp	90	Mỹ	Cryolife Inc	Keo sinh học vá mạch máu và màng não BioGlue 2ml	BG3502-5-G	7,500,000	675,000,000
2	9	Keo sinh học vá mạch máu và màng não loại III	Tuýp	300	Mỹ	Cryolife Inc	Keo sinh học vá mạch máu và màng não BioGlue 5ml	BG3515-5-G	8,500,000	2,550,000,000
Tổng cộng: 02 Mặt hàng										3,225,000,000
Bảng chữ: Ba tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn./.										

2/11

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 230/QĐ-VP ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần TTBVT Đức Tín

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	17	Van dẫn lưu não thất ổ bụng loại III	Cái	300	Mỹ/ Mexico/ Dominican	Medtronic Neurosurgery/ Medtronic Mexico S. de R.L. de CV/ PMC, LLC/ Covidien	PS Medical Delta Shunt Kit	25131-1/ 25131-5	8,200,000	2,460,000,000
2	18	Van dẫn lưu não thất ổ bụng loại IV	Bộ	48	Mỹ/ Mexico/ Dominican	Medtronic Neurosurgery/ Medtronic Mexico S. de R.L. de CV/ PMC, LLC/ Covidien	Strata Shunt	42856 + 41101 + 43103	27,000,000	1,296,000,000
3	20	Van dẫn lưu não thất ổ bụng phủ kháng sinh loại I	Bộ	30	Mỹ/ Mexico/ Dominican	Medtronic Neurosurgery/ Medtronic Mexico S. de R.L. de CV/ PMC, LLC/ Covidien	Delta Valve	42812/ 42813/ 42814/ 42324 + 95001	16,800,000	504,000,000
4	21	Van dẫn lưu não thất ổ bụng phủ kháng sinh loại II	Bộ	30	Mỹ/ Mexico/ Dominican	Medtronic Neurosurgery/ Medtronic Mexico S. de R.L. de CV/ PMC, LLC/ Covidien	CSF-Flow Control Valve	42312/ 42314 + 95001	14,000,000	420,000,000
5	26	Van dẫn lưu thất lưng ra ngoài	Bộ	25	Mỹ/ Mexico/ Dominican	Medtronic Neurosurgery/ Medtronic Mexico S. de R.L. de CV/ PMC, LLC/ Covidien	External Drainage and monitoring lumbar drainage kit	27303	5,800,000	145,000,000
6	27	Van dẫn lưu não thất - tim	Bộ	2	Mỹ/ Mexico/ Dominican	Medtronic Neurosurgery/ Medtronic Mexico S. de R.L. de CV/ PMC, LLC/ Covidien	CSF - Flow Control Valves	42312/ 42314 + 41101 + 43418/ 43103	9,500,000	19,000,000
Tổng cộng : 06 Mặt hàng										4,844,000,000

Bảng chữ: Bốn tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn./.

202

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/11/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần TTB y tế Công Vàng

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên (thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	23	Van dẫn lưu não thất ra ngoài loại I	Bộ	400	Đài Loan	WELLONG Instrument Co., Ltd	Van dẫn lưu não thất ra ngoài	06128; 06118	3,465,000	1,386,000,000
Tổng cộng : 01 Mặt hàng										1,386,000,000
Bảng chữ: Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu đồng chẵn										

22

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần thiết bị y tế TDM

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	10	Kẹp túi phình mạch máu não vĩnh viễn, các cỡ loại I	Cái	90	Đức	Peter	Kẹp túi phình mạch máu não vĩnh viễn, các cỡ loại I	6xxxxx	4,489,500	404,055,000
2	11	Kẹp túi phình mạch máu não vĩnh viễn, các cỡ loại II	Cái	90	Nhật	Mizuho	Kẹp túi phình mạch máu não vĩnh viễn, các cỡ loại II	17-xxx-xx 1x-xxx-xx 0x-xxx-xx	5,795,000	521,550,000
Tổng cộng: 02 Mặt hàng										925,605,000
Bảng chữ: Chín trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm linh năm nghìn đồng chẵn./.										

Handwritten mark

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật y tế Trường Sinh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Mạch máu nhân tạo dạng chữ Y loại I	Cái	55	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Uni Graft	1104608, 1104560, 1104586	8,498,880	467,438,400
2	4	Mạch máu nhân tạo dạng chữ Y loại phủ bạc	Cái	25	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Silver graft, Bifurcations	1108015, 1108016	25,070,000	626,750,000
3	6	Mạch máu nhân tạo thẳng loại II	Cái	8	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Uni Graft	1101129, 1101145, 1101161, 1101188, 1101200, 1101226, 1101242	6,184,880	49,479,040
4	7	Mạch máu nhân tạo thẳng loại III	Cái	45	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Uni Graft	1104209, 1104225, 1104241	6,976,320	313,934,400
5	8	Mạch máu nhân tạo thẳng loại IV	Cái	72	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Uni Graft	1104080, 1104063	8,894,080	640,373,760
6	10	Mạch máu nhân tạo thẳng loại VI	Cái	45	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Uni Graft	1102192, 1102206, 1102214	9,700,000	436,500,000
7	17	Mạch máu nhân tạo thẳng loại XII	Cái	10	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Uni Graft	1104411, 1104403, 1104420	12,147,200	121,472,000
8	35	Mạch máu nhân tạo thẳng có tráng bạc loại I	Cái	5	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Silver graft Straight	1108012, 1108014	19,500,000	97,500,000
9	36	Mạch máu nhân tạo thẳng có tráng bạc loại II	Cái	5	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Silver graft Straight	1108006, 1108007, 1108008	19,600,000	98,000,000
10	37	Mạch máu nhân tạo thẳng có tráng bạc, có vòng xoắn ngoài chống gấp loại I	Cái	5	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Silver graft Straight	1108022, 1108023	44,000,000	220,000,000
11	38	Mạch máu nhân tạo thẳng có tráng bạc, có vòng xoắn ngoài chống gấp loại II	Cái	5	Đức/ Ba Lan	Aesculap AG/ Aesculap Chifa Sp.zo.o	Silver graft Straight	1108024, 1108025	44,000,000	220,000,000
12	40	Miếng vá [tìm mạch loại II]	Miếng	15	Đức	Aesculap AG	Vascular patch	1107348	3,344,640	50,169,600
13	41	Miếng vá [tìm mạch loại III]	Miếng	100	Đức	Aesculap AG	Neuro patch	1064045	2,291,120	229,112,000
Tổng cộng: 13 mặt hàng										3,570,729,200

Bảng chữ: Ba tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm đồng./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu : Công ty cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	92	Thanh náng ngực loại III	Cái	60	Hàn Quốc	CareTech Co., Ltd	Thanh náng ngực - Pectus bar TIS1031	CareTech Co., Ltd - Korea. TIS1031	11,800,000	708,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										708,000,000
Bảng chữ: Bảy trăm linh tám triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2299/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Dược phẩm Thống Nhất

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	3	Mạch máu nhân tạo dạng chữ Y loại III	Cái	10	Đức	Jotec Gmbh	FlowNit Bioseal	35BI1608 35BI1809 35BI2010	13,100,000	131,000,000
2	5	Mạch máu nhân tạo thẳng loại I	Cái	5	Đức	Jotec Gmbh	FlowLine Bipore	10TW1005N	5,000,000	25,000,000
3	9	Mạch máu nhân tạo thẳng loại V	Cái	5	Đức	Jotec Gmbh	FlowWeave Bioseal	45ST1508 45ST1512	9,000,000	45,000,000
4	11	Mạch máu nhân tạo thẳng loại VII	Cái	5	Đức	Jotec Gmbh	FlowWeave Bioseal	45ST1510	9,000,000	45,000,000
5	12	Mạch máu nhân tạo thẳng loại VIII	Cái	5	Đức	Jotec Gmbh	FlowWeave Bioseal	45ST1512	9,000,000	45,000,000
6	13	Mạch máu nhân tạo thẳng loại IX	Cái	5	Đức	Jotec Gmbh	FlowWeave Bioseal	45ST1508	9,000,000	45,000,000
7	14	Mạch máu nhân tạo thẳng loại X	Cái	5	Đức	Jotec Gmbh	FlowNit Bioseal	35ST1506	9,000,000	45,000,000
8	15	Mạch máu nhân tạo loại thẳng loại XI	Cái	5	Đức	Jotec Gmbh	FlowLine Bipore	10TW2006N 10TW2007N 10TW2008N 10TW4005N 10TW5006N 10TW5007N 10TW5008N	10,000,000	50,000,000
9	19	Mạch máu nhân tạo thẳng loại XIV	Cái	5	Đức	Jotec Gmbh	FlowWeave Bioseal	45ST3026 45ST3028 45ST3030	13,500,000	67,500,000
10	24	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp loại I	Cái	10	Đức	Jotec Gmbh	FlowLine Bipore	10TW5006S 10TW5007S 10TW4005S 10TW5008S 10SW5006S 10SW5008S 15SW5006S 15SW5007S 15SW5008S	12,000,000	120,000,000
11	27	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp loại IV	Cái	10	Đức	Jotec Gmbh	FlowLine Bipore	10TW7005S 10TW8006S 10TW8007S 10TW8008S 10SW8006S 10SW8007S 10SW8008S	15,000,000	150,000,000
Tổng cộng: 11 mặt hàng										768,500,000

Bảng chữ: Bảy trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.

me

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 29/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Sinh học Kim Hòa Phát

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	100	Đệm PTFE lạng cường thành động mạch	Cái	200	Đức	Santec Medicalprodukte GmbH	PTFE Pledget- L	276, PTFE Pledget- L	1,815,000	363,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										363,000,000
Bảng chữ: Ba trăm sáu mươi ba triệu đồng chẵn./.										

22

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 230/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án đầu tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần TBYT Việt Gia

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	16	Mạch máu nhân tạo thẳng loại XI	Cái	5	Mỹ	Atrium/ Maquet	4 x 50, SW, ADVANTA VXT	21015	10,500,000	52,500,000
2	29	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp loại VI	Cái	5	Mỹ	Atrium/ Maquet	5 x 80, SW, H, ADVANTA VXT	21074	21,000,000	105,000,000
3	30	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp loại VII	Cái	5	Mỹ	Atrium/ Maquet	8 x 40, TW, H, ADVANTA VXT, GDS	22209	21,000,000	105,000,000
4	31	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp loại VIII	Cái	5	Mỹ	Atrium/ Maquet	7 x 70, SW, H, ADVANTA VXT, GDS	22071	21,000,000	105,000,000
5	32	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng làm cầu nối thận nhân tạo	Cái	5	Mỹ	Atrium/ Maquet	4-6 x 45, SW, ST, ADVANTA VXT, GDS	22114	12,300,000	61,500,000
6	94	Bình khí HeLi dùng cho máy bơm bóng đối xung động mạch chủ	Cái	10	Mỹ	Datascope/ Maquet	Refillable Helium Cylinder	0075-00-0034-XX	13,300,000	133,000,000
7	95	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ loại I	Bộ	15	Mỹ	Datascope/ Maquet	Linear 7.5Fr. IAB Catheter	0684-00-0478-01 0684-00-0479-01 0684-00-0480-01	20,500,000	307,500,000
Tổng cộng: 07 mặt hàng										869,500,000

Bảng chữ: Tám trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VP ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án thầu thuộc dự án Công cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Vietmedic

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	18	Mạch máu nhân tạo thẳng loại XIII	Cái	10	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 5mm x 50cm, không vòng xoắn	R05050	12,980,000	129,800,000
2	20	Mạch máu nhân tạo thẳng loại XV	Cái	5	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 5,6,7,8mm x 80cm, không vòng xoắn	R05080; R06080; R07080; R08080	13,500,000	67,500,000
3	21	Mạch máu nhân tạo thẳng loại XVI	Cái	5	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 8mm x 50cm, không vòng xoắn	R08050	12,980,000	64,900,000
4	25	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp loại II	Cái	10	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 8mm x 50cm, có vòng xoắn toàn phần	R08050C50	14,200,000	142,000,000
5	26	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp loại III	Cái	10	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 6mm x 50cm, có vòng xoắn toàn phần	R06050C50	14,200,000	142,000,000
6	28	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn ngoài chống gấp loại V	Cái	10	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 7mm x 80cm, có vòng xoắn toàn phần	R07080C80	18,000,000	180,000,000
7	39	Miếng vá [tim mạch loại I]	Miếng	2	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc	Miếng vá sinh học, vá tim, và mạch máu cỡ 4x6cm	4P6	10,250,000	20,500,000
8	43	Miếng vá [tạo hình van động mạch chủ loại II]	Miếng	5	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc	Miếng vá sinh học, vá tim, và mạch máu cỡ 4x4cm	4P4	9,990,000	49,950,000
Tổng cộng: 08 mặt hàng										796,650,000

Bảng chữ: Bảy trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 12/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần y tế Nhất Minh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	45	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ	Cái	15	Mỹ/ Puerto Rico	St. Jude Medical (Abbott)	Regent™ Mechanical Heart Valve	Ký mã hiệu: xxAGN-751 (xx: là kích cỡ hàng hóa)	35,900,000	538,500,000
2	47	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ/hai lá loại II	Cái	30	Mỹ/ Puerto Rico	St. Jude Medical (Abbott)	Masters Series Mechanical Heart Valve	Ký mã hiệu: xxAJ-501/ xxMJ-501 (xx: là kích cỡ hàng hóa)	26,100,000	783,000,000
3	50	Ống van động mạch chủ cơ học loại I	Cái	3	Mỹ/ Puerto Rico	St. Jude Medical (Abbott)	Masters HPT™ Valved Graft with Gelweave Valsalva™ Technology	Ký mã hiệu: xxVA VGJ-515 (xx: là kích cỡ hàng hóa)	62,800,000	188,400,000
4	54	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ/hai lá loại I	Cái	20	Mỹ/Brazil/ Costa Rica	St. Jude Medical (Abbott)	Biocor™ Stented Tissue Valve	Ký mã hiệu: B100- xxA/BSP100-xx/B100-xxM (xx: là kích cỡ hàng hóa)	44,900,000	898,000,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										2,407,900,000

Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm linh bảy triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn./.

22

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần thương mại Công Vàng

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	107	Bộ thay van động mạch chủ qua da	Bộ	2	Án Độ	Meril	Myval	MVLxxx, Myval	423,000,000	846,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										846,000,000
Bảng chữ: Tám trăm bốn mươi sáu triệu sáu triệu đồng chẵn./.										

2/2

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH đầu tư và phát triển thương mại Quỳnh Anh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	42	Miếng vá [tạo hình van động mạch chủ loại I]	Miếng	5	Úc	Admedus	Miếng vá tạo hình van động mạch chủ/vá màng tim làm từ màng ngoài tim bò cỡ 2x2cm	UC0202	10,181,000	50,905,000
2	44	Miếng vá [tạo hình van động mạch chủ loại III]	Miếng	8	Úc	Admedus	Miếng vá tạo hình van động mạch chủ/vá màng tim làm từ màng ngoài tim bò cỡ 5x8cm	UC0508	25,881,000	207,048,000
3	46	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ/ hai lá loại I	Cái	140	Ý	Sorin Group /LivaNova	Van tim nhân tạo cơ học Bicarbon động mạch chủ/ hai lá Slimline/ Fitline/ Overline	ARTxxLFA/ ARTxxLSA/ ARTxxLOV/ MTRxxLFM	27,381,000	3,833,340,000
4	48	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ/ hai lá loại III	Cái	35	Ý	Sorin Group /LivaNova	Van tim nhân tạo cơ học Carbomedic động mạch chủ/ hai lá TopHat/ Optiform	S5-xxx/ F7-xxx	41,068,100	1,437,383,500
5	51	Ống van động mạch chủ cơ học loại II	Cái	5	Ý	Sorin Group /LivaNova	Van tim nhân tạo cơ học kèm đoạn động mạch chủ lên Carbomedics Carbo Seal Valsalva	CP-xxx	61,881,000	309,405,000
6	53	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ	Cái	3	Ý - Canada	Sorin Group /LivaNova	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ Perceval S	PVSxx	219,881,000	659,643,000
7	55	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ/ hai lá loại II	Cái	110	Ý - Canada	Sorin Group /LivaNova	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ/ hai lá Sorin chất liệu màng ngoài tim bó Mitroflow/Crown PRT/ PeriCarbon More	DLAxx/ CNAxx/ PSxx	44,681,000	4,914,910,000
8	59	Vòng van tim nhân tạo ba lá loại I	Cái	85	Ý	Sorin Group /LivaNova	Vòng van tim nhân tạo ba lá loại mềm Sovereign	SBxxT	16,810,000	1,428,850,000
9	63	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại II	Cái	30	Ý	Sorin Group /LivaNova	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại mềm, hở kín các cỡ Memo 3D	SMDxx	17,181,000	515,430,000
10	66	Bộ phổi nhân tạo có phù hợp tương thích sinh học kèm dây chạy máy	Bộ	120	Ý - Singapore	Sorin Group /LivaNova - CSS	Phổi nhân tạo có phù hợp tương thích sinh học PHISIO kèm dây dẫn cho hàng cần	Phổi nhân tạo: 05xxxx/D100/D101/ Inspire 6/ Inspire 8 Bộ dây dẫn: Ký hiệu: 35-xxxx-Revx	12,781,000	1,533,720,000
11	71	Bộ phổi nhân tạo tích hợp phân lọc động mạch có phù hợp tương thích sinh học tích hợp phân lọc động mạch kèm dây chạy máy	Bộ	100	Ý - Singapore	Sorin Group /LivaNova - CSS	Phổi nhân tạo tích hợp phân lọc động mạch có phù hợp tương thích sinh học kèm dây dẫn cho các hàng cần 20-50kg, trên 50kg	Phổi nhân tạo: 050715/ 050716/ Inspire 6F/ Inspire 8F Bộ dây dẫn: 35-xxxx-Revx	15,181,000	1,518,100,000
12	75	Quả lọc máu chạy kiểu Modified	Bộ	350	Ý	Sorin Group/ LivaNova	Quả lọc máu người lớn/trẻ em	05xxxx 05019/ 05020/ 05326/ 05327	2,500,000	875,000,000
13	93	Canyn động mạch, tĩnh mạch đùi dùng trong phẫu thuật tim mạch nhỏ	Cái	6	Ý/ Mỹ	Sorin Group/ LivaNova	Canyn động mạch, tĩnh mạch đùi dùng trong phẫu thuật tim mạch nhỏ các cỡ	FV-xxx/ FA-xxx/ xxx-xxx	7,881,000	47,286,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
14	108	Bộ kit cho máy lọc máu hoán hồi loại I	Bộ	50	Ý	Sorin Group/ LivaNova	Bộ lọc máu hoán hồi Xtra Procedure Sets TX	04xxx	5,081,000	254,050,000
Tổng cộng: 14 mặt hàng										
Bảng chữ: Mười bảy tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, không trăm bảy mươi nghìn, năm trăm đồng./.										
17,585,070,500										

22

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thanh Phương

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	67	Bộ phổi nhân tạo phù hợp chống bám dính tiểu cầu kèm dây chạy máy loại I	Bộ	135	Nhật Bản (Phối) & Singapore (dây)	TERUMO (Phối) & CSS (dây)	Capiox RX 15 + Tubing Pack	Capiox RX 15 + Tubing Pack	12,220,000	1,649,700,000
2	68	Bộ phổi nhân tạo phù hợp chống bám dính tiểu cầu kèm dây chạy máy loại II	Bộ	6	Nhật Bản (Phối) & Singapore (dây)	TERUMO (Phối) & CSS (dây)	Capiox RX 05 + Tubing Pack	Capiox RX 05 + Tubing Pack	12,220,000	73,320,000
3	69	Bộ phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch kèm dây chạy máy loại I	Bộ	80	Nhật Bản (Phối) & Singapore (dây)	TERUMO (Phối) & CSS (dây)	Capiox FX15 + Tubing Pack	Capiox FX15 + Tubing Pack	15,791,000	1,263,280,000
4	70	Bộ phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch kèm dây chạy máy loại II	Bộ	8	Nhật Bản (Phối) & Singapore (dây)	TERUMO (Phối) & CSS (dây)	Capiox FX25 + Tubing Pack	Capiox FX25 + Tubing Pack	15,791,000	126,328,000
5	74	Quả lọc máu rút nước dùng trong mổ tim	Quả	190	Nhật Bản	TERUMO	Capiox Hemoconcentrator	Capiox Hemoconcentrator	2,500,000	475,000,000
6	88	Dụng cụ nội soi tự động lấy mạch máu nối cầu động mạch vành	Cái	2	Nhật Bản	Olympus	VirtuoSaph Plus	VirtuoSaph Plus	18,270,000	36,540,000
Tổng cộng: 06 mặt hàng										3,624,168,000

Bảng chữ: Ba tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 21/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thiết bị & dịch vụ công nghệ Cao Ngoc Mỹ

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	96	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ loại II	Bộ	10	Nhật Bản	ZEON MEDICAL INC.	Bóng đối xung động mạch chủ XEMEX IABP Balloon BPGL2570(E) : 25cc Bóng đối xung động mạch chủ XEMEX IABP Balloon Plus BPGL3580-SH(E) * : 35cc Bóng đối xung động mạch chủ XEMEX IABP Balloon Plus BPGL4080-SH(E) * : 40cc	BPGL2570E BPGL3580-SH(E) * BPGL4080-SH(E) *	16,500,000	165,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										165,000,000
Bảng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn./.										

Mr

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VD ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thiết bị y tế Phương Đông

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	85	Canuyn động mạch	Cái	20	Nhật Bản	Terumo Corporation	Canuyn động mạch	CX*EB16ALX	13,500,000	270,000,000
2	86	Canuyn tĩnh mạch	Cái	20	Nhật Bản	Terumo Corporation	Canuyn tĩnh mạch	CX*EB21VLX	13,500,000	270,000,000
3	87	Phổi nhân tạo ECMO	Bộ	30	Nhật Bản	Ashtaka Factory of Terumo Corporation	Phổi nhân tạo cấp cứu	CX*XSA0171	65,000,000	1,950,000,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										2,490,000,000
Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm chín mươi triệu đồng chẵn./.										

2/2

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Thăng Long

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	2	Mạch máu nhân tạo dạng chữ Y loại II	Cái	20	Anh	Vascutek (thuộc Terumo Aortic)	Gelweave™ Vascular Bifurcates Prothese	73...	16,000,000	320,000,000
3	34	Mạch máu nhân tạo nhiều nhánh loại II	Bộ	6	Anh	Vascutek (thuộc Terumo Aortic)	Thoraflex™ Hybrid	THP... x ...B	350,000,000	2,100,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										2,420,000,000
Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.										

Ph

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	89	Ống dẫn lưu ngực điều chỉnh áp lực	Bộ	40	Israel	Biometrix Ltd.	Bộ dẫn lưu ngực điều chỉnh áp lực cỡ 2300ml	NC-5512	1,850,000	74,000,000
2	91	Thanh nâng ngực loại II	Cái	110	Mỹ	Biomet Microfixation	Thanh nâng ngực cỡ lẻ (thuộc bộ cố định và chỉnh hình lồng ngực)	01-3708-05;01-3709-05; 01-3710-05;01-3711-05; 01-3712-05;01-3713-05; 01-3714-05;01-3715-05; 01-3716-05	14,000,000	1,540,000,000
3	101	Van dẫn lưu nhân tạo	Bộ	50	Israel	Biometrix Ltd.	Van dẫn lưu nhân tạo (thuộc bộ dẫn lưu ngực)	NP-0010	550,000	27,500,000
4	102	Nẹp xương sườn thẳng loại 8 lỗ	Cái	50	Mỹ	Biomet Microfixation	Nẹp xương sườn thẳng, 8 lỗ (thuộc bộ cố định và chỉnh hình xương sườn)	76-2601	3,600,000	180,000,000
5	104	Nẹp xương sườn uốn sẵn loại 16 lỗ	Cái	20	Mỹ	Biomet Microfixation	Nẹp xương sườn uốn sẵn, 16 lỗ (thuộc bộ cố định và chỉnh hình xương sườn)	76-2603	5,800,000	116,000,000
6	105	Nẹp xương sườn uốn sẵn loại 24 lỗ	Cái	50	Mỹ	Biomet Microfixation	Nẹp xương sườn uốn sẵn, 24 lỗ (thuộc bộ cố định và chỉnh hình xương sườn)	76-2604	7,700,000	385,000,000
7	106	Vít xương sườn loại có khóa, tự khoan	Cái	2520	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít xương sườn loại có khóa, tự khoan (thuộc bộ cố định và chỉnh hình xương sườn)	76-2407;76-2408;76-2410;76-2412;76-2414;76-2416	1,050,000	2,646,000,000
Tổng cộng: 07 mặt hàng										4,968,500,000

Bảng chữ: Bốn tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.

239

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công Ty TNHH Thông Minh Hoàng Hà

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	110	Bột cầm máu tự tiêu loại I	Kit	30	Đức	BioCer Entwicklungs	Bột cầm máu tự tiêu HaemoCer™ Plus loại 1g	- Ký hiệu: HFP201 + HFZ101 - Nhãn mác sản phẩm: Haemocer TM plus Haemostatic powder + Haemocer - Universal Applicator	2,205,000	66,150,000
2	111	Bột cầm máu tự tiêu loại II	Kit	30	Đức	BioCer Entwicklungs	Bột cầm máu tự tiêu HaemoCer™ Plus loại 2g	- Ký hiệu: HFP202 + HFZ101 - Nhãn mác sản phẩm: Haemocer TM plus Haemostatic powder + Haemocer - Universal Applicator	3,087,000	92,610,000
3	112	Bột cầm máu tự tiêu loại III	Kit	30	Đức	BioCer Entwicklungs	Bột cầm máu tự tiêu HaemoCer™ Plus loại 3g	- Ký hiệu: HFP203 + HFZ101 - Nhãn mác sản phẩm: Haemocer TM plus Haemostatic powder + Haemocer - Universal Applicator	3,312,000	99,360,000
4	113	Bột cầm máu tự tiêu loại IV	Kit	30	Đức	BioCer Entwicklungs	Bột cầm máu tự tiêu HaemoCer™ Plus loại 5g	- Ký hiệu: HFP205 + HFZ101 - Nhãn mác sản phẩm: Haemocer TM plus Haemostatic powder + Haemocer - Universal Applicator	4,704,000	141,120,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										399,240,000

Bảng chữ: Ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.

ph

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 12/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thương mại Đầu tư Viễn Tây

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	58	Van tìm nhân tạo sinh học hai lá	Cái	4	Mỹ/Thụy Sĩ	Edwards	Van ngoại tâm mạc/hai lá sinh học nhân tạo	6900P	52,500,000	210,000,000
2	97	Vòng học vết mổ loại I	Cái	10	Mỹ	Covidien	Miếng bảo vệ vết thương cỡ vừa, chiều dài vết rạch 5- 9cm	WPMID-509	2,200,000	22,000,000
3	98	Vòng bọc vết mổ loại II	Cái	70	Mỹ	Covidien	Miếng bảo vệ vết thương cỡ nhỏ, chiều dài vết rạch 2,5- 6cm	WPSM-256	1,600,000	112,000,000
4	99	Vòng bọc vết mổ loại II	Cái	10	Mỹ	Covidien	Miếng bảo vệ vết thương cỡ to, chiều dài vết rạch 9-14cm	WPLG-914	2,800,000	28,000,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										372,000,000
Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp VINATRADING

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	49	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ/hai lá loại IV	Cái	40	Mỹ; Mexico	Medtronic	Van tim nhân tạo cơ học ATS	500xxxx	39,900,000	1,596,000,000
2	52	Ống van động mạch chủ sinh học	Cái	3	Mỹ; Mexico	Medtronic	Hancock Conduit	HC1xx-xx	103,000,000	309,000,000
3	56	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ/hai lá loại III	Cái	20	Mỹ; Mexico	Medtronic	Hancock II	T5xxxxx /T5xxxxxx	58,000,000	1,160,000,000
4	57	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ	Cái	3	Mỹ; Mexico	Medtronic	Avalus	400	125,000,000	375,000,000
5	60	Vòng van tim nhân tạo ba lá loại II	Cái	20	Mỹ; Mexico	Medtronic	Duran Ancore	620Rxxx/ 620Bxxx	17,200,000	344,000,000
6	62	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại I	Cái	30	Mỹ; Mexico	Medtronic	Duran Ancore/ CG Future	638Rxxx/638Bxxx/ 620Rxxx/ 620Bxxx	17,200,000	516,000,000
7	65	Bộ phổi nhân tạo kèm dây chạy máy	Bộ	110	Phổi: Mỹ Dây: Malaysia /Singapore	Phổi: Medtronic Dây: Aurum/ CSS	Phổi nhân tạo có phủ Trillium	Mã phổi: 5xxx Mã dây: 22-1040-xx/ 35-000819-00REV.C/ 35-001425-xx	14,200,000	1,562,000,000
8	72	Bộ tim phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch và bypass khí bao gồm cả bộ dây dẫn cho tim phổi nhân tạo	Bộ	50	Phổi: Mỹ Dây: Malaysia /Singapore	Phổi: Medtronic Dây: Aurum/ CSS	Bộ tim phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch và bypass khí bao gồm cả bộ dây dẫn cho tim phổi nhân tạo	Mã phổi: BBxxx Mã dây: 22-1040-xx/ 35-000819-00REV.C/ 35-001425-xx	15,800,000	790,000,000
9	73	Bộ tim phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch dùng cho trẻ em	Bộ	10	Phổi: Mỹ Dây: Malaysia /Singapore	Phổi: Medtronic Dây: Aurum/ CSS	Phổi nhân tạo Affinity Pixie	Mã phổi: BBPxxx Mã dây: 22-1069-xx/ 35-0001340-00xxxx	15,100,000	151,000,000
10	76	Cannula tĩnh mạch đùi/ động mạch đùi dành cho trẻ em	Cái	5	Mỹ; Mexico	Medtronic	Biomedicus Next gen	96830-xxx/ 96820-xxx	11,600,000	58,000,000
11	77	Cannula động mạch đùi cho người lớn	Cái	5	Mỹ; Mexico	Medtronic	Biomedicus Next gen	96570-xxx	11,650,000	58,250,000
12	78	Cannula tĩnh mạch đùi cho người lớn	Cái	5	Mỹ; Mexico	Medtronic	Biomedicus Next gen	96670-xxx	11,650,000	58,250,000
13	79	Cảm biến theo dõi khí máu	Cái	10	Mỹ; Mexico	Medtronic	Cảm biến theo dõi khí máu	TMCxx	760,000	7,600,000
14	80	Cảm biến lưu lượng	Cái	10	Mỹ; Mexico	Medtronic	Cảm biến lưu lượng	DP38/ DP38P	1,260,000	12,600,000
15	81	Đầu bơm ly tâm	Cái	10	Mỹ; Mexico	Medtronic	Đầu bơm ly tâm	CBBPX-80/ BP50/ CBBP50/ CBAP40/ AP40/ BBAP40	11,400,000	114,000,000
16	82	Bộ dây sử dụng cho hệ thống ECMO	Bộ	10	Mỹ; Mexico; Đức, Malaysia	Medtronic/ Aurum	Bộ dây sử dụng cho hệ thống ECMO	CBI Qxxx/ 22-1040-xx	14,800,000	148,000,000
17	84	Bộ đặt canyyn dùng cho bộ phổi Ecmo	Bộ	5	Mỹ; Mexico	Medtronic	Bộ đặt canyyn	96550/ 96552	3,900,000	19,500,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
18	109	Bộ kit cho máy lọc máu hoán hồi loại II	Bộ	100	Mỹ, Mexico	Medtronic	Bộ kit cho máy lọc máu hoán hồi	ALTSxx	4,900,000	490,000,000
Tổng cộng: 18 mặt hàng Bảng chú: Bảy tỷ, bảy trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn./.										7,769,200,000

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Sinh học Kim Hòa Phát

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	50	Khung giá đỡ (Stent) động mạch vành bọc thuốc loại I	Cái	50	Israel	Medinol Ltd	EluNIR Ridaforolimus Eluting Coronary Stent System	Israel LUNxxxxxxx	42,000,000	2,100,000,000
2	71	Bóng nong mạch ngoại vi loại V	Cái	10	Thụy Sĩ	Rontis Corporation S.A	Cronus Advanced – Peripheral Balloon Catheter - OTW	Thụy Sĩ Caxxxx-xxx	7,800,000	78,000,000
3	79	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc loại II	Cái	30	Đức	Cardionovum GmbH	LEGFLOW RX/OTW Paclitaxel Releasing Peripheral Balloon Dilatation Catheter	Đức Lxx-xxxRX/Lxx-xxxOTW/Lxxxx-xxx	25,000,000	750,000,000
4	84	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi tự bung loại I	Cái	20	Thụy Sĩ	Rontis Corporation S.A	Zeus SX – Nitinol Self Expanding Peripheral Stent System- OTW	Thụy Sĩ ZXxxxx-xxx	26,000,000	520,000,000
5	112	Khung giá đỡ (stent) có màng bọc, Cover stent) các loại, các cỡ dùng cho động mạch chủ	Cái	20	Đức	Bentley Innomed GmbH	BeGraft	Đức BGxxxxx_x	65,000,000	1,300,000,000
6	129	Ống thông đốt tĩnh mạch bằng sóng cao tần loại I	Cái	40	Bỉ	Feare Systems NV	Cx45i	Bỉ CR45i	11,150,000	446,000,000
7	132	Ống thông laser [điều trị tĩnh mạch giãn lớn] loại III	Cái	50	Israel	G.N.S NeoLaser	Corona 360	Israel Ofxxxxxx	11,150,000	557,500,000
Tổng cộng: 07 mặt hàng										5,751,500,000

Bảng chữ: Năm tỷ, bảy trăm năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.

12/1

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2293/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần thiết bị y tế VNT

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	67	Bóng nong mạch ngoại vi loại I	Cái	20	Medtronic/Invatec	Mexico/ Italia	Bóng nong mạch ngoại vi Pacific Plus/ Pacific Xtreme	Pacific Plus/ Pacific Xtreme	8,000,000	160,000,000
2	68	Bóng nong mạch ngoại vi loại II	Cái	20	Ev3	Mỹ	Bóng nong mạch ngoại vi Nanocross	Nanocross	8,000,000	160,000,000
3	73	Bóng nong mạch ngoại vi loại VII	Cái	100	Ev3	Mỹ	Bóng nong mạch ngoại vi Evercross	Evercross	7,000,000	700,000,000
4	74	Bóng nong mạch ngoại vi loại VIII	Cái	30	Medtronic/Invatec	Mexico/ Italia	Bóng nong mạch ngoại vi Pacific Plus	Pacific Plus	8,000,000	240,000,000
5	80	Bóng nong mạch ngoại vi phù thuộc loại III	Cái	40	Medtronic	Ireland	Bóng nong mạch ngoại vi phù thuộc In.Pact Admiral	In.Pact Admiral	28,000,000	1,120,000,000
6	81	Bóng nong mạch ngoại vi phù thuộc loại IV	Cái	30	Medtronic	Ireland	Bóng nong mạch ngoại vi phù thuộc In.Pact Pacific	In.Pact Pacific	28,000,000	840,000,000
7	85	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi tự bung loại II	Cái	30	Ev3	Mỹ	Giá đỡ (stent) mạch ngoại vi Protégé GPS, Protégé Everflex	Protégé GPS, Protégé Everflex	22,000,000	660,000,000
8	86	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi tự bung loại III	Cái	10	Ev3	Mỹ	Giá đỡ (stent) mạch ngoại vi Protégé Everflex	Protégé Everflex	22,000,000	220,000,000
9	87	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi tự bung loại IV	Cái	10	Ev3	Mỹ	Giá đỡ (stent) mạch ngoại vi Everflex Entrust/ Protégé Everflex	Everflex Entrust/ Protégé Everflex	22,000,000	220,000,000
10	90	Khung giá đỡ (stent) động mạch cảnh tự bung các loại	Cái	10	Ev3	Mỹ	Giá đỡ (stent) mạch cảnh Protégé RX	Protégé RX	26,500,000	265,000,000
11	91	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi tự bung bằng bóng	Cái	20	Ev3	Mỹ	Giá đỡ (stent) mạch ngoại vi nở bằng bóng Visi-Pro	Visi-Pro	31,000,000	620,000,000
12	128	Dây đo áp lực cao	Cái	20	USM Healthcare	Việt Nam	Dây nối áp lực cao USM SM Pressure Line	USM SM Pressure Line	200,000	4,000,000
13	142	Dụng cụ lấy dị vật loại I	Cái	20	Mỹ	Ev3	Dụng cụ lấy dị vật Gooseneck Microsnare	Gooseneck Microsnare	15,000,000	300,000,000
14	143	Dụng cụ lấy dị vật loại II	Cái	10	Mỹ	Ev3	Dụng cụ lấy dị vật Gooseneck Snare	Gooseneck Snare	9,000,000	90,000,000
Tổng cộng: 14 mặt hàng										5,599,000,000

Bảng chữ: Năm tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn/.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần thương mại Công Vàng

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	99	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ ngực, loại III	Bộ	10	Đức	Jotec GmbH	E - Vita Thoracic 3G	70SOxxxxxx-xx 70STxxxxxx-xx, E - Vita Thoracic 3G	265,000,000	2,650,000,000
2	105	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ bụng loại IV	Bộ	10	Đức	Jotec GmbH	E-Tegra	93MBxxxxxx-xx 93CLxxxxxx, 93AExxxxxx E-Tegra	290,000,000	2,900,000,000
3	108	Stent Graft phụ dùng cho động mạch chủ bụng loại III	Bộ	5	Đức	Jotec GmbH	E-Tegra Contralateral leg/ Aortic extension	93CLxxxxxx 93AExxxxxx E-Tegra Contralateral leg/ Aortic extension	75,000,000	375,000,000
4	111	Stent Graft phụ dùng cho động mạch chủ ngực loại II	Bộ	5	Đức	Jotec GmbH	E - Vita Thoracic 3G Twin Stent - Straight Cut	70STxxxxxx-xx E - Vita Thoracic 3G Twin Stent - Straight Cut	70,000,000	350,000,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										6,275,000,000
Bảng chữ: Sáu tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn./.										

23

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Gia Hân

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	30	Dù ống động mạch	Cái	30	Trung Quốc	Lifetech Scientific (Shenzhen) Co.,Ltd	HeartR TM PDA Occluder	XJFD	17,600,000	528,000,000
2	31	Dù bít thông liên nhĩ	Cái	20	Trung Quốc	Lifetech Scientific (Shenzhen) Co.,Ltd	HeartR TM ASD Occluder	XJFS	35,500,000	710,000,000
3	32	Dù bít thông liên thất	Cái	5	Trung Quốc	Lifetech Scientific (Shenzhen) Co.,Ltd	HeartR TM VSD Occluder	XJFVM/XJFVJ	35,500,000	177,500,000
4	33	Bộ dụng cụ thả dù	Bộ	20	Trung Quốc	Lifetech Scientific (Shenzhen) Co.,Ltd	SteerEase TM Introducer	SFP/SFA	6,300,000	126,000,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										1,541,500,000
Bảng chữ: Một tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.										

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Đại Dương

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	16	Dù bit Cùn ống đóng mạch loại I	Cái	10	Mỹ	AGA Medical- Abbott Medical	Amplatzer Duct Occluder	9-PDA-xxx	22,800,000	228,000,000
2	17	Dù bit Cùn ống đóng mạch loại II	Cái	10	Mỹ	AGA Medical- Abbott Medical	Amplatzer Duct Occluder II	9-PDA2-xxx	23,900,000	239,000,000
3	18	Dù bit Cùn ống đóng mạch loại III	Cái	10	Mỹ	AGA Medical- Abbott Medical	Amplatzer Duct Occluder II Additional size	9-PDA2AS-xxx	23,900,000	239,000,000
4	20	Bộ thả dù đóng lỗ thông ống động mạch, thông liên nhĩ	Cái	15	Mỹ	AGA Medical- Abbott Medical	Amplatzer TorqVue Delivery Systems	9-ITVxxxxxxx/ 9-ITVxxxxxxxxx/ 9-TVL Pxxxxxxx/ 9-EITVxxxxxxxxx	8,610,000	129,150,000
5	21	Dây dẫn đường hỗ trợ can thiệp can thiệp tim bẩm sinh	Cái	10	Mỹ- Ireland	AGA Medical- Abbott Medical- Lake Region Medical	Amplatzer Guide Wire	9-GW-xxx	1,260,000	12,600,000
6	25	Bóng nang van đóng mạch phổi các cỡ loại I	Cái	10	Nhật Bản	Tokai	TMP PED	PVxxxxxxxxx/ PVxxxxxxxxxxx	12,600,000	126,000,000
7	27	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ	Cái	10	Mỹ	AGA Medical- Abbott Medical	Amplatzer Sizing Balloon	9-SB-xxx	3,570,000	35,700,000
8	28	Bộ dụng cụ bít thông liên nhĩ	Cái	10	Mỹ- Costa Rica	AGA Medical- Abbott Medical- ST. Jude Medical Costa Rica	Amplatzer Septal Occluder	9-ASD-xxx	43,300,000	433,000,000
9	29	Dù bit lỗ thông động tĩnh mạch	Cái	5	Mỹ	AGA Medical- Abbott Medical	Amplatzer Vascular Plug	9-PLUG-xxx	10,960,000	54,800,000
10	36	Ví ống thông trợ giúp can thiệp	Cái	10	Nhật Bản	Tokai	Tokai Microcatheter Camelian Support	MCPxxx-x	7,560,000	75,600,000
Tổng cộng: 10 mặt hàng										1,572,850,000

Bảng chữ: Một tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn/.

Handwritten mark

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 29/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH công nghệ An Pha

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	131	Ống thông laser [điều trị tĩnh mạch hiển lớn] loại I	Cái	200	Mỹ	Angiodynamics	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch Nevertouch Direct	11403101	11,800,000	2,360,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										2,360,000,000
Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./.										

2/2

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 230/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Dược Phẩm Kim Thông

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	44	Bóng nong động mạch vành	Cái	10	Án Độ	SMT	Wilma NC	FGNWxxxxxx	6,100,000	61,000,000
2	45	Bóng nong động mạch vành chuyên dụng đối với tổn thương tắc hoàn toàn mãn tính	Cái	20	Nhật Bản	Kaneka	Ikazuchi Zero	ZE-6-100P ZE-xx-xxx	7,500,000	150,000,000
3	47	Bóng nong động mạch vành loại giãn nở	Cái	20	Nhật Bản	Kaneka	Ikazuchi Zero	ZE-6-100P ZE-xx-xxx	7,500,000	150,000,000
4	52	Khung giá đỡ (Stent) động mạch vành bọc thuốc loại III	Cái	50	Án Độ	SMT	Terrilimus	FCTLxxxxxx	37,500,000	1,875,000,000
5	62	Bộ bơm bóng nong động mạch vành áp lực cao loại I	Cái	30	Đức	Medk GmbH	Bộ bơm bóng áp lực cao Medk	98221xxxxxx	1,350,000	40,500,000
6	63	Bộ bơm bóng nong động mạch vành áp lực cao loại II	Cái	5	Đức	Medk GmbH	Bộ bơm bóng áp lực cao Medk	98221xxxxxx	1,350,000	6,750,000
7	113	Bộ bơm áp lực cao để nong bóng loại I	Cái	100	Đức	Medk GmbH	Bộ bơm bóng áp lực cao Medk	98221xxxxxx	1,350,000	135,000,000
8	114	Bộ bơm áp lực cao để nong bóng loại II	Bộ	20	Đức	Medk GmbH	Bộ bơm bóng áp lực cao Medk	98221xxxxxx	1,350,000	27,000,000
Tổng cộng: 08 mặt hàng										2,445,250,000

Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 238/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Dược Phẩm và Thiết bị y tế Long Bình

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	48	Bóng nong động mạch vành loại đầu to đầu nhỏ	cái	10	Thụy Sĩ	Conic Vascular Technology S.A	Conic One	C1-xxx/xxxXxx	8,500,000	85,000,000
2	76	Bóng nong mạch ngoại vi loại X	cái	20	Ireland	ClearStream Technologies Ltd	UltraVerse® 014 PTA Balloon Dilatation Catheter; UltraVerse® 018 PTA Balloon Dilatation Catheter; UltraVerse® 035 PTA Dilatation Catheter	U4xxxxHxx; U4xxxxxx; U4xxxxxx; U8xxxxHxx; U8xxxxxx; U8xxxxxx; U8xxxxHxx; U8xxxxxx; U35xxxxxx; U35xxxxxx; U35xxxxxx	8,400,000	168,000,000
3	82	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc loại V	cái	20	Mỹ	Lutonix Inc.	LUTONIX 014 Drug Coated Balloon PTA Catheter; LUTONIX 035 Drug Coated Balloon PTA Catheter	9020xxxx xxxxxx; 9090xxxx xxxxxx	27,700,000	554,000,000
4	126	Bộ dụng cụ lấy huyết khối	bộ	10	Đức	QualiMed Innovative Mediziprodukte GmbH	POLLUX Aspiration Catheter	VXxHI3	8,500,000	85,000,000
5	138	Bóng nong hẹp cầu nối và mạch ngoại biên	cái	20	Mexico	Bard Reynosa S.A. DE C.V.,	Conquest 40® PTA Dilatation Catheter	CQFxxxxx; CQFxxxx,	9,400,000	188,000,000
6	139	Ống thông hỗ trợ đúng trong can thiệp mạch máu nhỏ ngoại biên	cái	20	Mỹ	Bard Peripheral Vascular, Inc	Seeker® Crossing Support Catheter	SKxxxxxx; SKxxxx; SKxxxxM; SKxxxxM	6,500,000	130,000,000
7	140	Stent nội mạch có màng bọc loại tự bung	cái	10	Đức	Angiomed GmbH & Co. Medizintechnik	Fluency Plus Vascular Stent Graft	FVLxxxxxx; FVMxxxxxx;	67,000,000	670,000,000
8	141	Stent nội mạch có màng bọc loại bung bằng bóng	cái	20	Ireland	ClearStream Technologies Ltd.,	Lifestream™ Balloon Expandable Vascular Covered Stent	LSMxxxxxxx	67,000,000	1,340,000,000
Tổng cộng: 08 mặt hàng										3,220,000,000

Bảng chữ: Ba tỷ, hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thanh Phương

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	11	Ống thông chụp mạch đốt sóng	Cái	5	Việt Nam	TERUMO	Radifocus Optitorque	Radifocus Optitorque	945,000	4,725,000
2	12	Ống thông dẫn đường sử dụng chụp động mạch gan, từ cung loại thẳng	Cái	20	Nhật Bản	TERUMO	Radifocus Glidecath	Radifocus Glidecath	945,000	18,900,000
3	34	Dây dẫn đường cho bóng và stent loại đầu mềm	Cái	50	Nhật Bản	TERUMO	Runthrough NS	Runthrough NS	2,520,000	126,000,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										149,625,000

Bảng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Mr

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thiên Việt

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	3	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài (Long sheat) loại I	Cái	20	Đức	Optimed	Epsylar	Optimed - Đức; Epsylar, 1224-xxxx	4,200,000	84,000,000
2	70	Bóng nong mạch ngoại vi loại IV	Cái	10	Đức	Optimed	Mars	Optimed - Đức; Mars; 1751-xxxx; 1750-xxxx;	7,000,000	70,000,000
3	89	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi tự bung loại VI	Cái	20	Đức	Optimed	Stent Sinus - SuperFlex 635	Optimed - Đức; Stent Sinus-SuperFlex 635; 86xx-xxxx	20,000,000	400,000,000
4	147	Vi dây dẫn chọc tách huyết khối các loại	Cái	10	Mỹ	Penumbra	Separator 3; Separator 5; Separator 6; Separator 8;	Penumbra - Mỹ; Separator 3; Separator 5; Separator 6; Separator 8; Sep5, Sep6, Sep8;	29,125,950	291,259,500
Tổng cộng: 04 mặt hàng										845,259,500
Bảng chữ: Tám trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm đồng./.										

2/2

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2338/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Thăng Long

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	2	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Cái	50	Mỹ	Umbra Medical	CL-ELITE	099...; 093...	450,000	22,500,000
2	6	Ống thông chụp động mạch vành loại I	Cái	60	Mỹ	Umbra Medical	OSPREE	754...; 755...; 76...; 75...; 77...; 55...; 74...	455,000	27,300,000
3	39	Ống thông trợ giúp can thiệp [Guiding Catheter] loại I	Cái	30	Mỹ	Umbra Medical	FALCON	78...	2,000,000	60,000,000
4	78	Bóng nong mạch ngoại vi phù thuộc loại I	Cái	30	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices (LVD) Biotech S.L - (Vascular)	LUMINOR	BP DPC...	23,500,000	705,000,000
5	88	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi tự bung loại V	Cái	40	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices (LVD) Biotech S.L - (Vascular)	IVOLUTION	SPN BC...	22,000,000	880,000,000
6	98	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ ngực, loại II	Bộ	30	Mỹ	Bolton Medical (Thuộc TERUMO AORTIC)	RELAY PRO/RELAY PLUS/RELAY NBS PLUS	28-M3...; 28-N2...; 28-M4...; 28-N4...	259,500,000	7,785,000,000
7	103	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ bụng loại II	Bộ	20	Mỹ	Bolton Medical (Thuộc TERUMO AORTIC)	TREO/TREO AUI	28-B2...; 28-A1...	280,000,000	5,600,000,000
8	107	Stent Graft phụ dùng cho động mạch chủ ngực hoặc động mạch chủ bụng loại II	Bộ	10	Mỹ	Bolton Medical (Thuộc TERUMO AORTIC)	RELAY PRO/RELAY PLUS/RELAY NBS PLUS - TREO/TREO AUI	28-M3...; 28-N2...; 28-M4...; 28-N4...; 28-L2...; 28-C2...; 28-P1...	65,000,000	650,000,000
9	149	Dụng cụ tập thở	Bộ	360	Tây Ban Nha	LEVENTON	SPIRO BALL	L259000259 L25913000 L25913003	480,000	172,800,000
Tổng cộng: 09 mặt hàng										15,902,600,000

Bảng chữ: Mười lăm tỷ, chín trăm linh hai triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn./.

12/12

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 238/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thương mại Tâm Hợp

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	100	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ ngực, loại IV	Bộ	10	Đan Mạch	William Cook Europe ApS	Zenith TX2 Dissection Endovascular Graft/ Zenith Alpha Thoracic Endovascular Graft	ZDEG-P-xx-yyy-PF/ ZDEG-PT-xx-yyy-PF/ZTA-P-xx-yyy/ ZTA-PT-xx-yy-zzz	273,000,000	2,730,000,000
2	104	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ bụng loại III	Bộ	10	Đan Mạch	William Cook Europe ApS	Zenith Alpha Abdominal Endovascular Graft, Zenith Alpha Spiral-Z Endovascular Leg	ZIMB-xx-yy/ ZISL-xx-yyy	350,000,000	3,500,000,000
3	109	Stent Graft phụ dùng cho động mạch chủ bụng loại IV	Cái	5	Đan Mạch	William Cook Europe ApS	Zenith Low Profile AAA Endovascular/ Zenith Alpha Spiral-Z Endovascular Leg	ZLBE-xx-yy/ ZILC-xx-yy/ ZISL-xx-yyy	80,000,000	400,000,000
4	110	Stent Graft phụ dùng cho động mạch chủ ngực loại I	Cái	5	Đan Mạch	William Cook Europe ApS	Zenith Alpha Thoracic Endovascular Graft/ Zenith Dissection Endovascular Stent	ZTA-D-xx-yyy/ ZDES-xx-yyy	80,000,000	400,000,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										7,030,000,000

Bảng chữ: Bảy tỷ, không trăm ba mươi triệu đồng chẵn./.

22

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Liên danh Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp VINATRADING - Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thanh Phương

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	9	Ống thông chụp động mạch vành loại IV	Cái	20	Mỹ, Mexico	Medtronic	DxTerity Diagnostic Catheters	DXT, TRA, TAN, UNI	500,000	10,000,000
2	14	Dây dẫn đường cho Catheter loại II	Cái	60	Mỹ	Medtronic	Angiographic Guide Wire	00xxxx	500,000	30,000,000
3	42	Ống thông trợ giúp can thiệp [Guiding Catheter] loại IV	Cái	30	Mỹ	Medtronic	Launcher Guiding Catheter	LA	2,000,000	60,000,000
4	53	Khung giá đỡ (Stent) động mạch vành bọc thuốc loại IV	Cái	40	Ireland	Medtronic	Endeavor Resolute	ERESxxxxX	40,000,000	1,600,000,000
5	97	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ ngực loại I	Bộ	55	Ireland	Medtronic	Valiant Captivia	VAMxxxxxCxxxTE, VAMxxxxxCxxxTE	280,000,000	15,400,000,000
6	101	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ ngực, loại V	Bộ	2	Ireland	Medtronic	Valiant Navion	VNMxxxxxCxxxTE, VNMxxxxxCxxxTE	325,000,000	650,000,000
7	102	Bộ Stent Graft cho động mạch chủ bụng loại I	Bộ	30	Ireland	Medtronic	Endurant II/Is	ExxxxxxCxxxEE, ExxxxxxCxxxEE	340,000,000	10,200,000,000
8	106	Stent Graft phụ dùng cho động mạch chủ ngực hoặc động mạch chủ bụng loại I	Cái	15	Ireland	Medtronic	Valiant Captivia hoặc Endurant II/Is	VAMCxxxxxCxxxTE, VAMCxxxxxCxxxTE hoặc ETxxxxxCxxxEE, ETxxxxxCxxxEE	85,000,000	1,275,000,000
9	116	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, có quán lý tạo nhịp, tự động kiểm tra ngưỡng kích thích, ngưỡng nhận cảm và trở kháng dây. Một bộ bao gồm:	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Sphera SR Sensia SR	SPSR01, SESR01	60,000,000	300,000,000
	116.1	01 Thân máy chính								
	116.2	01 Dây điện cực								
	116.3	01 Kim chọc								
10	117	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số chụp được cộng hưởng từ toàn thân. Một bộ bao gồm:	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Attest SR	ATSR01	72,000,000	360,000,000
	117.1	01 Thân máy chính								
	117.2	01 Dây điện cực								
	117.3	01 Kim chọc								

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
11	118	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR chuyên dùng cho trẻ em có quản lý tạo nhịp, tự động kiểm tra ngưỡng kích thích, ngưỡng nhận cảm và trễ kháng dấy. Một bộ bao gồm:	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Sphera SR Sensia SR (điện cực thượng tâm mạc)	SPSR01, SESR01 (điện cực thượng tâm mạc)	79,270,000	396,350,000
	118.1	01 Thân máy chính								
	118.2	01 Dây điện cực								
12	119	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số có phần mềm giúp giảm tạo nhịp thất, giám sát tim, tự động kiểm tra ngưỡng kích thích, ngưỡng nhận cảm và trễ kháng dấy. Một bộ bao gồm:	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Sphera DR Sensia DR	SPDxxx, SEDxxx	101,700,000	508,500,000
	119.1	01 Thân máy chính								
	119.2	02 Dây điện cực								
	119.3	02 Kim chọc								
13	120	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số chụp được cộng hưởng từ toàn thân. Một bộ bao gồm:	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Autesta DR	ATDxxx	135,950,000	679,750,000
	120.1	01 Thân máy chính								
	120.2	02 Dây điện cực								
	120.3	02 Kim chọc								
14	121	Bộ máy tạo nhịp phá rung tim 1 buồng có phần mềm xác định rung thất bằng thuật toán	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Mirro VR Primo VR	DVMxxxx	360,000,000	1,800,000,000
15	122	Bộ máy tạo nhịp phá rung tim 2 buồng có phần mềm xác định rung thất bằng thuật toán	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Mirro DR	DDMxxxx	568,500,000	2,842,500,000
16	123	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ cơ tim 3 buồng có tính năng theo dõi tình trạng suy tim và phần mềm quản lý nhịp nhanh nhĩ, nhịp thất phải. Một bộ bao gồm:	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Solara CRTP	WxTR06	287,600,000	1,438,000,000
	123.1	01 Thân máy chính								
	123.2	02 Dây điện cực								
	123.3	01 Dây điện cực xoang vành chuyên dụng								

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	123.4	01 Dây lái hỗ trợ đặt điện cực xoang vành								
	123.5	01 Bộ bóng chụp								
	123.6	03 Kim chọc								
17	124	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim có phá rung tim có phân mềm xác định rung thất bằng thuật toán	Bộ	5	Mỹ, Thụy Sĩ, Singapore	Medtronic	Compia CRTD	DTMCxxx	613,800,000	3,069,000,000
18	125	Bộ máy tạo nhịp không dây I buồng có đáp ứng tần số chụp được cộng hưởng từ toàn thân. Một bộ bao gồm:	Bộ	5	Ireland	Medtronic	Micra	MC1VRxx	378,000,000	1,890,000,000
	125.1	01 Thân máy chính								
	125.2	01 Bộ kim chọc								
19	134	Bộ đầu đốt đơn cực và lưỡng cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Cái	10	Mỹ	Medtronic	Bộ đầu đốt đơn cực và lưỡng cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	60832	54,000,000	540,000,000
20	135	Dụng cụ phẫu thuật sử dụng sóng cao tần điều trị rung nhĩ loại lưỡng cực	Cái	20	Mỹ	Medtronic	Dụng cụ phẫu thuật sử dụng sóng cao tần điều trị rung nhĩ loại lưỡng cực	60831	32,550,000	651,000,000
21	136	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần loại I	Cái	20	Mỹ	Medtronic	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần loại I	608xx	24,000,000	480,000,000
22	144	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành	Cái	10	Mỹ	Medtronic	Export Advance	ADVANCECE	8,500,000	85,000,000
Tổng cộng: 22 mặt hàng										44,265,100,000

Bảng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng chẵn./.

22

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 27/11/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Thắng

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	15	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành và mạch ngoại vi	Cái	40	Ireland	Lake Region Medical Limited	Starter Guidewire	Starter Guidewire M001491xxx; M001492xxx; ...	545,000	21,800,000
2	40	Ống thông trợ giúp can thiệp [Guiding Catheter] loại II	Cái	30	Mexico	Availmed S.A. De C.V	Mach 1 Guide Catheter	Mach 1 Guide Catheter H7493435xxxx; H7493435xxxx; H7493435xxxx; ...	2,400,000	72,000,000
3	41	Ống thông trợ giúp can thiệp [Guiding Catheter] loại III	Cái	5	Mỹ	Boston Scientific Corporation	CrossBoss Coronary Crossing Catheter	CrossBoss Coronary Crossing Catheter H749M2000Bx; H749M2000Ax; ...	36,500,000	182,500,000
4	43	Ống thông [hỗ trợ can thiệp tác động mạch vành mạn tính]	Cái	5	Mỹ	Boston Scientific	Guidezilla II Catheter	Guidezilla II Catheter H74939335150xxx; H74939335150xxx; ...	14,000,000	70,000,000
5	54	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp động mạch vành, động mạch cảnh	Cái	10	Costa Rica	Boston Scientific	FilterWire EZ	FilterWire EZ H74920105xxxx; H74920100xxxx; H74939142xxxx; H74939071xxxx; ...	31,000,000	310,000,000
6	55	Dụng cụ can thiệp	Cái	5	Mỹ	Boston Scientific Corporation	Stingray Catheter/ Stingray LP Catheter	Stingray Catheter/ Stingray LP Catheter H749393130SRx; H749M1000Bx; H749393120SRx; H749M1000Ax; ...	28,000,000	140,000,000
7	56	Dây dẫn can thiệp loại I	Cái	5	Mỹ	Lake Region Medical	Stingray Guidewire	Stingray Guidewire H749M3004xx; H749M3012xx; ...	15,000,000	75,000,000
8	57	Dây dẫn can thiệp loại II	Cái	5	Mỹ	Lake Region Medical	Stingray Guidewire Extension	Stingray Guidewire Extension H749M3010Bx; H749M3010Ax; ...	5,450,000	27,250,000
9	58	Dây dẫn can thiệp mạch máu nhỏ và động mạch thần	Cái	10	Mỹ	Lake Region Medical	Thruway Guidewire	Thruway Guidewire M0014927xx; M0014928xx; M0014929xx; ...	3,000,000	30,000,000

27/11/2020

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
10	64	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại vi ái nước loại I	Cái	40	Costa Rica	Boston Scientific	V-18 Control Wire Guidewire	V-18 Control Wire Guidewire M001468xxx; ...	2,780,000	111,200,000
11	65	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại vi ái nước loại II	Cái	15	Costa Rica	Boston Scientific	V-14 Control Wire Guidewire	V-14 Control Wire Guidewire H749392167xxxxx; H749392169xxxxx; ...	3,000,000	45,000,000
12	66	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại vi ái nước loại III	Cái	10	Mỹ	Lake Region Medical	ZIPwire Guidewire	ZIPwire Guidewire M00146xxxBx; ...	3,000,000	30,000,000
13	69	Bóng nong mạch ngoại vi loại III	Cái	15	Mỹ	Boston Scientific	Sterling	H74939031xxxxxx; H74939032xxxxxx; H74939147xxxxxx; H74939148xxxxxx; ...	8,000,000	120,000,000
14	75	Bóng nong mạch ngoại vi loại IX	Cái	20	Ireland	Boston Scientific	Mustang	H749391710xxxxx; H749391711xxxxx; ...	7,400,000	148,000,000
15	77	Bóng nong mạch ngoại vi loại có gắn lưới dao nhỏ	Cái	5	Ireland	Boston Scientific	Peripheral Cutting Balloon	Peripheral Cutting Balloon M001BPxxx20Bx; M001BPMxx15140Fx; M001PCBMxx15140Fx; M001PCBOxx15140Fx; M001PCBxxxxxxx; ...	22,000,000	110,000,000
16	83	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi các loại	Cái	5	Ireland	Boston Scientific	Express Vascular LD	Express Vascular LD H74938046xxxxxx; H74938047xxxxxx; H74938162xxxxxx; ...	23,000,000	115,000,000
17	96	Ông thông [hỗ trợ trong can thiệp CTO ngoại vi]	Cái	5	Mỹ	Boston Scientific Corporation	Rubicon	H74939240035xxx; H74939239018xxx; H74939212014xxx; ...	3,300,000	16,500,000
Tổng cộng: 17 mặt hàng										1,624,250,000

Bảng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

2/

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/11/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế KTA

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay	Bộ	150	Mỹ	Umbra Medical	Radialstat	xxxxxHC	480,000	72,000,000
2	8	Ống thông chụp động mạch vành loại III	Cái	50	Mỹ	Umbra Medical	Osprey	76xx-xx, 75xx-xx, 77xx-xx, 55xx-xxx	490,000	24,500,000
3	35	Dây dẫn đường cho bóng và stent loại thường	Cái	30	Mỹ	Umbra Medical	Eagle	194xx-1, 150xx-1	1,900,000	57,000,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										153,500,000

Bảng chữ: Một trăm năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH tư vấn thương mại dịch vụ khoa học kỹ thuật Transmed

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	19	Dù bít lỗ thông động tĩnh mạch	Cái	55	Mỹ	Abbott Medical	Amplatzer Vascular Plug	Ký mã hiệu: 9-PLUG-xxx Nhãn mác: Amplatzer Vascular Plug	10,700,000	588,500,000
2	23	Dù bít tuần hoàn bằng hệ, bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác loại I	Cái	40	Mỹ	Abbott Medical	Amplatzer Vascular Plug	Ký mã hiệu: 9-PLUG-xxx Nhãn mác: Amplatzer Vascular Plug	10,700,000	428,000,000
3	24	Dù bít tuần hoàn bằng hệ, bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác loại II	Cái	20	Mỹ	Abbott Medical	Amplatzer Vascular Plug II	Ký mã hiệu: 9-VP2-xxx Nhãn mác: Amplatzer Vascular Plug II	17,200,000	344,000,000
4	29	Dù bít lỗ thông động tĩnh mạch	Cái	5	Mỹ	Abbott Medical	Amplatzer Vascular Plug	Ký mã hiệu: 9-PLUG-xxx Nhãn mác: Amplatzer Vascular Plug	10,700,000	53,500,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										1,414,000,000
Bảng chữ: Một tỷ, bốn trăm mười bốn triệu đồng chẵn./.										

2

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ Khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Liên danh Công ty TNHH trang thiết bị y tế M-B Việt Nam và công ty cổ phần công nghệ kỹ thuật vật tư thiết bị y tế Hải Âu

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	26	Bóng nong van động mạch phổi các cỡ loại II	Cái	10	Đức	Andra Tec GmbH	Altosa-XL PTA Balloon/ Altosa T18 PTA Balloon	AL-xx-xx TL-xx-xx	12,000,000	120,000,000
2	51	Khung giá đỡ (Stent) động mạch vành bọc thuốc loại II	Cái	70	Án Độ	Multimedics	Eliminator™	Exxxxxxx	36,000,000	2,520,000,000
3	115	Bộ kết nối manifolds nhiều cổng	Cái	400	Án Độ	Frisch Medical	Unite	Unxxxxxx	150,000	60,000,000
4	133	Ống thông laser[điều trị tĩnh mạch giãn lớn] loại II	Cái	150	Pháp	LSO Medical	Ringlight Radial Fiber	ORLF0000x	11,145,000	1,671,750,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										4,371,750,000

Bảng chữ: Bốn tỷ, ba trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty trách nhiệm hữu hạn KIGEN

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành Tiền (VNĐ)
1	1	Bộ dây truyền dịch loại 2 bóng	Bộ	12	Mỹ	Zoll	Bộ dây truyền dịch loại 2 bóng	CL - 2295 AE	17,700,000	212,400,000
2	2	Bộ dây truyền dịch loại 3 bóng	Bộ	5	Mỹ	Zoll	Bộ dây truyền dịch loại 3 bóng	IC- 3893 AE	24,700,000	123,500,000
3	3	Bộ dây truyền dịch loại xoắn	Bộ	5	Mỹ	Zoll	Bộ dây truyền dịch loại xoắn	SL - 2593 AE	34,700,000	173,500,000
4	4	Bộ bẫy khí và kết nối dung dịch muối với dây truyền dịch	Bộ	22	Mỹ	Zoll	Bộ bẫy khí và kết nối dung dịch muối với dây truyền dịch	CG - 500D	12,800,000	281,600,000
Tổng cộng : 04 Mặt Hàng										791,000,000
Bảng chữ: Bảy trăm chín mươi một triệu đồng chẵn./.										

2399

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 230/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thiết bị y tế Phương Đông

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành Tiền (VNĐ)
1	5	Quả lọc máu liên tục dùng cho người lớn	Bộ	700	Pháp	Gambro Industries	Prismaflex M100 Set	106697	7,650,000	5,355,000,000
2	6	Quả lọc máu liên tục dùng cho trẻ em	Bộ	30	Pháp	Gambro Industries	Prismaflex M60 Set	106696	6,914,000	207,420,000
3	7	Quả lọc tách huyết tương	Bộ	138	Pháp	Gambro Industries	Prismaflex TPE 2000 Set	107144	12,470,000	1,720,860,000
4	8	Túi thải dịch lọc	Cái	115	Slovenia	Bioleks D.O.O. T/A Bioprod D.O.O sản xuất cho Gambro Dasco S.p.A	Túi đựng dịch thải 5L- Prismaflex	115959	235,000	27,025,000
5	9	Bộ quả lọc máu liên tục lọc cả nội tổ và ngoại tổ	Bộ	50	Pháp	Gambro Industries	Oxiris Set	112016	17,300,000	865,000,000
6	10	Catheter 2 nồng độ 12F	Bộ	80	Trung Quốc	Guangdong Baihe Medical Technology Co.,Ltd	Catheter 2 nồng độ 12F	FR-2226	539,000	43,120,000
Tổng cộng : 06 Mặt Hàng										8,218,425,000

Bảng chữ: Tám tỷ, hai trăm mười tám triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn/.

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trường Thủy

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành Tiền
1	11	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	Bộ	180	Đức	Pulsion Medical Systems SE	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	PV2015L20-A	9,000,000	1,620,000,000
2	12	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Bộ	180	Đức	Pulsion Medical Systems SE	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	PV8215	3,000,000	540,000,000
Tổng cộng : 02 Mặt Hàng										2,160,000,000
Bảng chữ: Hai tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./										

Ph

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399 /QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần ACCUTECH Việt Nam

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	105	Dây dẫn đường đặt sonde JJ	Cái	50	Mỹ	Seplou Medical, Inc.	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản	SPGWxxx	1,500,000	75,000,000
2	107	Dây dẫn đường dùng cho niệu quản loại II	Cái	50	Mỹ	Seplou Medical, Inc.	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản	SPGWxxx	1,500,000	75,000,000
3	112	Dụng cụ cắt khâu bao quy đầu dùng một lần	Cái	80	Trung Quốc	Dongguan ZSR Biomedical Technology Co., Ltd	Dụng cụ cắt bao quy đầu	ZSR-DCA-xxx	2,500,000	200,000,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										350,000,000
Bảng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Alpha

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	81	Băng bó bột sợi thủy tinh loại IX	Mét	3600	Hàn Quốc	BL Tech	Băng bó bột sợi thủy tinh 15cm	NPS-6F-WH BL Tech	36,750	132,300,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										132,300,000
Bảng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn./.										

Ngày

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần HTP Việt Nam

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	93	Bộ dẫn lưu kín áp lực âm loại II	Bộ	30	Ningbo Luke Medical Devices Co.,Ltd	Trung Quốc	Bộ dẫn lưu kín áp lực âm	SDS401030; PDS40010	100,000	3,000,000
2	103	Sonde JJ loại để trong cơ thể 1 năm	Cái	75	Marflow AG	Thụy Sĩ	Stent niệu quản (Xông JJ Sonde)	SOT-S-626; SOT-S-726	980,000	73,500,000
3	108	Giấy in nhiệt	Cuộn	20	Hải Anh	Việt Nam	Giấy in nhiệt		100,000	2,000,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										78,500,000
Bảng chữ: Bảy mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.										

Phụ

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đức Huy

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	92	Bộ dẫn lưu kín áp lực âm loại I	Bộ	14000	Trung Quốc	Conod Medical Co., Limited	Quả dẫn lưu dịch áp lực âm, loại 200 ml x 10Fr	B20010	110,000	1,540,000,000
2	99	Dây dẫn đường niệu quản dài khoảng 150cm	Cái	20	Thổ Nhĩ Kỳ	DLRMEDIKAL	Dây dẫn đường Superglide dùng đặt Sonde JJ các cỡ 0,025"; 0,035"; 0,038"; loại thẳng và cong	3042515; 3043515; 3043815; 3052515; 3053515; 3053815;	1,400,000	28,000,000
3	106	Dây dẫn đường dùng cho niệu quản loại I	Cái	100	Thổ Nhĩ Kỳ	DLRMEDIKAL	Dây dẫn đường Superglide dùng đặt Sonde JJ các cỡ 0,018, 0,025, 0,028, 0,032, 0,035, 0,038 inch, dài 150cm, loại thẳng, đầu mềm	3041815; 3042515; 3042815; 3043215; 3043515; 3043815; 3051815; 3052515; 3052815; 3053215; 3053515; 3053815	1,450,000	145,000,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										1,713,000,000
Bảng chữ: Một tỷ, bảy trăm mười ba triệu đồng chẵn./.										

Handwritten mark

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần thương mại được vật tư y tế Hà Nội

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Áo nẹp cột sống loại I	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Áo cột sống ORBE	334	330,000	6,600,000
2	2	Áo nẹp cột sống loại II	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Áo cột sống ORBE	335	330,000	6,600,000
3	3	Áo nẹp cột sống loại III	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Áo cột sống ORBE	336	330,000	6,600,000
4	4	Áo nẹp cột sống loại IV	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Áo cột sống ORBE	337	330,000	6,600,000
5	5	Áo nẹp vùng lưng loại I	Cái	900	Việt Nam	ORBE	Áo vùng lưng H1	220	290,000	261,000,000
6	6	Áo nẹp vùng lưng loại II	Cái	2340	Việt Nam	ORBE	Áo vùng lưng H3	320	480,000	1,123,200,000
7	7	Băng cố định khớp vai loại I	Cái	840	Việt Nam	ORBE	Băng cố định khớp vai H1	110; 120	155,000	130,200,000
8	8	Băng cố định khớp vai loại II	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Băng cố định khớp vai ORBE	131	90,000	1,800,000
9	9	Băng thun cổ chân	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Ankle support (Ốn định cổ chân)	750	35,000	700,000
10	10	Băng thun cổ tay	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Băng thun cổ tay ORBE	820	22,000	440,000
11	11	Băng thun gối	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Băng thun gối H1	740	95,000	1,900,000
12	12	Băng thun gối loại có thanh nẹp	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Băng thun gối H2	742	110,000	2,200,000
13	13	Đai cố định khớp vai tư thế dạng	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Băng cố định khớp vai tư thế dạng	130	205,000	4,100,000
14	14	Đai hỗ trợ cơ bụng	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai hỗ trợ cơ bụng H1	310	85,000	1,700,000
15	15	Đai thắt lưng co giãn	Cái	85	Việt Nam	ORBE	Đai thắt lưng cao cấp - Olumba	250	275,000	23,375,000
16	16	Đai thắt lưng loại I	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai thắt lưng H1	290	130,000	2,600,000
17	17	Đai thắt lưng loại II	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai thắt lưng H2	292	130,000	2,600,000
18	18	Đai xương đòn	Cái	980	Việt Nam	ORBE	Đai số 8 H1	100	88,000	86,240,000
19	19	Đai xương sườn dùng cho nam giới	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai xương sườn nam	302	82,000	1,640,000
20	20	Đai xương sườn dùng cho nữ giới	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai xương sườn nữ	301	82,000	1,640,000
21	21	Đệm nẹp nhôm chân loại dài	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đệm nẹp chân dài	730	11,000	220,000

21

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
22	22	Đệm nệm nhóm chân loại ngắn	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đệm nệm chân ngắn	729	11,000	220,000
23	23	Gối cổ	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Gối cổ	050	300,000	6,000,000
24	24	Nệm băng thun gối có khớp	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Băng thun gối H5	742	230,000	4,600,000
25	25	Nệm bóng chày	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm bóng chày	830	11,000	220,000
26	26	Nệm căng tay	Cái	180	Việt Nam	ORBE	Nệm căng tay H4	560; 570	105,000	18,900,000
27	27	Nệm căng tay chức năng	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm căng tay H5	580; 590	110,000	2,200,000
28	28	Nệm cánh tay	Cái	590	Việt Nam	ORBE	Nệm cánh tay H3	540; 550	185,000	109,150,000
29	29	Nệm chân	Cái	410	Việt Nam	ORBE	Nệm chân H1	726	265,000	108,650,000
30	30	Nệm chống xoay	Cái	220	Việt Nam	ORBE	Nệm chống xoay ngắn H1	724; 722	180,000	39,600,000
31	31	Nệm chống xoay đến bên	Cái	4900	Việt Nam	ORBE	Nệm chống xoay dài H2	725; 723	200,000	980,000,000
32	32	Nệm cổ bàn tay	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm cổ bàn tay H1	630; 640	110,000	2,200,000
33	33	Nệm cổ bàn tay loại chun	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm cổ bàn tay chun H2	650; 660	60,000	1,200,000
34	34	Nệm cổ loại cứng	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm cổ cứng H1	010	92,000	1,840,000
35	35	Nệm cổ loại cứng, có lỗ luân ống nội khí quản	Cái	1320	Việt Nam	ORBE	Nệm cổ cứng ORBE	020	130,000	171,600,000
36	36	Nệm cổ loại mềm	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm cổ mềm Universal	030	42,000	840,000
37	37	Nệm cổ tay	Cái	60	Việt Nam	ORBE	Nệm cổ tay H1	400; 410	110,000	6,600,000
38	38	Nệm cổ tay loại chun	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm cổ tay chun H1	800; 810	60,000	1,200,000
39	39	Nệm cổ định tay	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm colles	500; 501	110,000	2,200,000
40	40	Nệm đệm	Cái	240	Việt Nam	ORBE	Nệm đệm	734; 735; 737	170,000	40,800,000
41	41	Nệm gối 3 mảnh loại I	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm gối H2 dài 40cm	713	230,000	4,600,000
42	42	Nệm gối 3 mảnh loại II	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm gối H2 dài 50cm	714	240,000	4,800,000
43	43	Nệm gối 3 mảnh loại III	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm gối H2 dài 60cm	715	250,000	5,000,000
44	44	Nệm gối có khớp	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nệm gối chức năng H1	720	550,000	11,000,000
45	45	Nệm gối kín	Cái	38	Việt Nam	ORBE	Nệm gối H5	771; 772; 773; 774	250,000	9,500,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
46	46	Nẹp gối loại I	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Olego (Nẹp gối H3) dài 40cm	760	210,000	4,200,000
47	47	Nẹp gối loại II	Cái	40	Việt Nam	ORBE	Olego (Nẹp gối H3) dài 50cm	770	210,000	8,400,000
48	48	Nẹp gối loại III	Cái	3340	Việt Nam	ORBE	Olego (Nẹp gối H3) dài 60cm	780	210,000	701,400,000
49	49	Nẹp gối loại IV	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Olego (Nẹp gối H3) dài 70cm	790	210,000	4,200,000
50	50	Nẹp máng căng tay loại I	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp máng căng tay nhỏ (ORBEFORM 931)	931	105,000	2,100,000
51	51	Nẹp máng căng tay loại II	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp máng căng tay (ORBEFORM 930)	930	145,000	2,900,000
52	52	Nẹp máng cánh tay loại I	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp máng cánh tay nhỏ (ORBEFORM 921)	921	150,000	3,000,000
53	53	Nẹp máng cánh tay loại II	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp máng cánh tay (ORBEFORM 920)	920	205,000	4,100,000
54	54	Nẹp máng đùi loại I	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp máng đùi lớn (ORBEFORM 910)	910	315,000	6,300,000
55	55	Nẹp máng đùi loại II	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp máng đùi nhỏ (ORBEFORM 911)	911	230,000	4,600,000
56	56	Nẹp ngón tay cái	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp ngón tay cái H1	460; 470	130,000	2,600,000
57	57	Nẹp cổ định ngón tay	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp Iselin	821	10,000	200,000
58	58	Nẹp nhôm chân loại dài	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp nhôm chân dài	728	240,000	4,800,000
59	59	Nẹp nhôm chân loại ngắn	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp nhôm chân ngắn	727	190,000	3,800,000
60	60	Túi treo tay dạng lưới	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Túi treo tay H1	600	32,000	640,000
61	61	Túi treo tay dạng vải	Cái	340	Việt Nam	ORBE	Túi treo tay H2	610	38,000	12,920,000
62	62	Băng thun khuy tay	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Băng thun khuy tay	670	80,000	1,600,000
63	63	Dây hỗ trợ	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Dây Tennis	751	40,000	800,000
64	64	Đai xương bánh chè	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai xương bánh chè	741	40,000	800,000
65	65	Đai thoát vị bẹn 2 bên	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai thoát vị bẹn 2 bên	255	120,000	2,400,000
66	66	Đai thoát vị bẹn 1 bên	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai thoát vị bẹn 1 bên	253; 254	90,000	1,800,000
67	67	Nẹp bán chân khoèo	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Nẹp giấy H1	736	150,000	3,000,000
68	68	Đai thắt lưng điều trị 2 cấp độ	Cái	20	Việt Nam	ORBE	Đai thắt lưng điều trị 2 cấp độ	249	1,050,000	21,000,000
69	73	Băng bó bột sợi thủy tinh loại I	Mét	234	Việt Nam	ORBE	Băng bột tổng hợp 10cm x 3,6m	OC10360	27,000	6,318,000

1

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
70	74	Băng bó bột sợi thủy tinh loại II	Mét	2322	Việt Nam	ORBE	Băng bột tổng hợp 7,5cm x 3,6m	OC75360	21,400	49,690,800
71	75	Băng bó bột sợi thủy tinh loại III	Mét	1825	Việt Nam	ORBE	Băng bột tổng hợp 7,5cm x 3,65m	OC75365	21,400	39,055,000
72	76	Băng bó bột sợi thủy tinh loại IV	Mét	39060	Việt Nam	ORBE	Băng bột tổng hợp 10cm x 3,6m	OC10360	27,000	1,054,620,000
73	77	Băng bó bột sợi thủy tinh loại V	Mét	18250	Việt Nam	ORBE	Băng bột tổng hợp 10cm x 3,65m	OC10365	27,000	492,750,000
74	78	Băng bó bột sợi thủy tinh loại VI	Mét	93600	Việt Nam	ORBE	Băng bột tổng hợp 12,5cm x 3,6m	OC125360	32,000	2,995,200,000
75	79	Băng bó bột sợi thủy tinh loại VII	Mét	18250	Việt Nam	ORBE	Băng bột tổng hợp 12,5cm x 3,65m	OG125365	32,000	584,000,000
76	80	Băng bó bột sợi thủy tinh loại VIII	Mét	20000	Việt Nam	ORBE	Băng bó bột sợi thủy tinh loại VIII		32,000	640,000,000
77	82	Nẹp nhựa tổng hợp	Mét	210	Việt Nam	ORBE	Nẹp nhựa tổng hợp 10cm x 75cm	OC100750	560,000	117,600,000
78	83	Nẹp bột tổng hợp	Mét	169	Việt Nam	ORBE	Nẹp bột tổng hợp 12,5cm x 65cm	OC125650	640,000	108,160,000
79	84	Nẹp nhựa tổng hợp 10cm x 35cm	Mét	35	Việt Nam	ORBE	Nẹp nhựa tổng hợp 10cm x 35cm	OC100350	570,000	19,950,000
80	85	Nẹp nhựa tổng hợp 12,5 cm x 90cm	Mét	90	Việt Nam	ORBE	Nẹp nhựa tổng hợp 12,5cm x 90cm	OC125900	500,000	45,000,000
81	86	Ống lót bó bột loại I	Mét	6000	Việt Nam	ORBE	Ống lót bó bột 6,5cm x 25m	OS6525	14,400	86,400,000
82	87	Ống lót bó bột loại II	Mét	11350	Việt Nam	ORBE	Ống lót bó bột 10cm x 25m	OS1025	15,600	177,060,000
83	88	Ống lót bó bột loại III	Mét	4550	Việt Nam	ORBE	Ống lót bó bột 10cm x 10m	OS1010	15,600	70,980,000
84	89	Bóng lót 10 cm	Mét	3600	Việt Nam	ORBE	Bóng lót bó bột 10cm x 360cm	BE10360	2,800	10,080,000
85	90	Bóng lót 15 cm	Mét	3600	Việt Nam	ORBE	Bóng lót bó bột 15cm x 360cm	BE15360	3,300	11,880,000
Tổng cộng: 85 mặt hàng										10,511,178,800

Bảng chữ: Mười tỷ, năm trăm mười một triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm đồng./.

2/2

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty trách nhiệm hữu hạn thông minh Hoàng Hà

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	102	Sonde JJ dùng cho trẻ em [bao gồm dây dẫn]	Cái	150	Thổ Nhĩ Kỳ	Geotek Medikal	Ống thông niệu quản DJ (Sonde JJ)	- Ký hiệu: GDJP...-BEO/ GDJ...-BEO - Nhãn mác sản phẩm: Double Pigtail + Pusher	315,000	47,250,000
2	104	Rọ lấy sỏi	Cái	85	Thổ Nhĩ Kỳ	Geotek Medikal	Rọ lấy sỏi	- Ký hiệu: GSBN.... / GSBZ.... - Nhãn mác sản phẩm: Stone Basket, nitinol / Stone Basket, nitinol, Zero tip	2,100,000	178,500,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										225,750,000
Bảng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.										

Handwritten mark

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH XNK TMTH An Phú Mỹ

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	94	Bộ dẫn lưu kín áp lực âm loại III	Bộ	11320	Hàn Quốc	Moohan Enterprise Co., LTD	Bộ dẫn lưu áp lực âm Smart dạng lò xo	PP400M/ PP400L (M-VAC)	375,000	4,245,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										4,245,000,000
Bảng chữ: Bốn tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng chẵn./.										

Mr

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thương mại vật tư thiết bị kỹ thuật y tế

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Nẹp xương sọ hình tròn loại I	Cái	50	Hàn Quốc	JEIL Medical	Nẹp tròn sọ não đk 8,15mm 12-CV-002, 12-CV-001, 16-CV-006	12-CV-002, 12-CV-001; 16-CV-006	636,000	31,800,000
2	2	Vít xương tự khoan, tự taro	Cái	300	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) đk 1.6,2.0x4,5,6,8, 10, 12mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 16-AT-010, 16-AT-012, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008, 20-AT-010, 20-AT-012	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 16-AT-010, 16-AT-012, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008, 20-AT-010, 20-AT-012	149,900	44,970,000
3	3	Nẹp xương sọ hình tròn loại II	Cái	4000	Hàn Quốc	JEIL Medical	Nẹp tròn sọ não đk 15mm 16-CV-006	16-CV-006	636,000	2,544,000,000
4	4	Vít xương tự khoan, tự taro	Cái	24000	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) đk 1.6,2.0x5,6, 8mm 16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008	16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008	149,900	3,597,600,000
5	5	Nẹp xương sọ hình tròn loại III	Cái	50	Hàn Quốc	JEIL Medical	Nẹp tròn sọ não đk 14,3, 15mm 20-CV-126, 16-CV-006	20-CV-126, 16-CV-006	636,000	31,800,000
6	6	Vít xương tự khoan, tự taro	Cái	300	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) đk 1.6,2.0x5,6, 8mm 16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008	16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008	149,900	44,970,000
7	7	Nẹp xương sọ hình tròn loại IV	Cái	1350	Hàn Quốc	JEIL Medical	Nẹp tròn sọ não đk 15, 20,8mm 16-CV-006, 20-CV-026	16-CV-006, 20-CV-026	636,000	858,600,000
8	8	Vít xương tự khoan, tự taro	Cái	8100	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) đk 1.6,2.0x5,6, 8mm 16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008	16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008	149,900	1,214,190,000
9	9	Nẹp đóng khoảng nắp gât	Cái	200	Hàn Quốc	JEIL Medical	Nẹp tròn sọ não đk 15, 20,8mm 16-CV-006, 20-CV-026-VI	16-CV-006, 20-CV-026-VI	636,000	127,200,000
10	10	Vít xương tự khoan, tự taro	Cái	1200	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) đk 1.6,2.0x5,6, 8mm 16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008	16-AT-005, 16-AT-006, 16-AT-008, 20-AT-005, 20-AT-006, 20-AT-008	149,900	179,880,000
11	11	Nẹp mini thẳng loại 18 lỗ	Cái	1000	Hàn Quốc	JEIL Medical	Nẹp Mini thẳng 18 lỗ 20-ST-018-R	20-ST-018-R	636,000	636,000,000
12	12	Vít tự khoan, tự taro	Cái	18000	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương Mini đk 2.0x6,8,10,12mm 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012	20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012	120,000	2,160,000,000
13	27	Miếng vá sọ loại VIII	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương sọ não 50x36mm 16-ME-001	16-ME-001	2,498,000	12,490,000
14	28	Vít tự khoan tự taro	Cái	150	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) đk 1.6,2.0x4, 5,6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	22,485,000
15	29	Miếng vá sọ loại IX	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương sọ não 74x50mm 16-ME-002	16-ME-002	2,700,000	13,500,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
16	30	Vít tự khoan tự taro	Cái	150	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	22,485,000
17	31	Miếng vá sọ loại X	Cái	130	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương sọ não 125x75mm 20-ME-018	20-ME-018	5,248,000	682,240,000
18	32	Vít tự khoan tự taro	Cái	3900	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	584,610,000
19	33	Miếng vá sọ loại XI	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương sọ não 101.7x128mm 20-ME-031	20-ME-031	5,448,000	27,240,000
20	34	Vít tự khoan tự taro	Cái	150	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	22,485,000
21	35	Miếng vá sọ loại XII	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương sọ não 157.7x156.9mm 20-ME-038	20-ME-038	9,800,000	49,000,000
22	36	Vít tự khoan tự taro	Cái	150	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	22,485,000
23	37	Miếng vá sọ loại XIII	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương sọ não 205.7x205.9mm 20-ME-050	20-ME-050	13,500,000	67,500,000
24	38	Vít tự khoan tự taro	Cái	150	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	22,485,000
25	39	Miếng vá sọ loại XIV	Cái	260	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương 3D 106.9x105.5mm NS-3ME-100-06	NS-3ME-100-06	9,798,000	2,547,480,000
26	40	Vít tự khoan tự taro	Cái	7800	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	1,169,220,000
27	41	Miếng vá sọ loại XV	Cái	50	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương 3D 150.2x150.5mm NS-3ME-150-06	NS-3ME-150-06	12,000,000	600,000,000
28	42	Vít tự khoan tự taro	Cái	1500	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	224,850,000
29	43	Miếng vá sọ loại XVI	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương 3D 210.8x205.5mm NS-3ME-200-06	NS-3ME-200-06	21,000,000	105,000,000
30	44	Vít tự khoan tự taro	Cái	150	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	22,485,000
31	45	Miếng vá sọ loại XVII	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương 3D 55.0x55.5mm NS-3ME-060-06	NS-3ME-060-06	7,500,000	37,500,000
32	46	Vít tự khoan tự taro	Cái	150	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	22,485,000
33	47	Miếng vá sọ đúc tạo hình hộp sọ loại I	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương đúc 3D	3ML(L,W,H,T)	38,000,000	190,000,000

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
34	48	Vít tự khoan tự taro	Cái	300	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	44,970,000
35	49	Miếng vá sọ đúc tạo hình hộp sọ loại II	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương đúc 3D	3ME(L,W,H,T)	48,000,000	240,000,000
36	50	Vít tự khoan tự taro	Cái	300	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	44,970,000
37	51	Miếng vá sọ đúc tạo hình hộp sọ loại III	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương đúc 3D	3MX(L,W,H,T)	58,000,000	290,000,000
38	52	Vít tự khoan tự taro	Cái	300	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	44,970,000
39	53	Miếng vá sọ đúc tạo hình hộp sọ loại IV	Cái	5	Hàn Quốc	JEIL Medical	Mesh xương đúc 3D	3MV(L,W,H,T)	80,000,000	400,000,000
40	54	Vít tự khoan tự taro	Cái	300	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít xương tự bắt (tự khoan, tự taro) dk 1.6.2.0x4.5, 6mm 16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	16-AT-004, 16-AT-005, 16-AT-006, 20-AT-004, 20-AT-005, 20-AT-006	149,900	44,970,000
41	55	Vít cố định hàm	Cái	50	Hàn Quốc	JEIL Medical	Vít cố định hàm dk 2.0mm chiều dài 8, 10, 12mm 20-AH-008, 20-AH-010, 20-AH-012	20-AH-008, 20-AH-010, 20-AH-012	395,000	19,750,000
Tổng cộng: 41 mặt hàng										19,068,665,000

Bảng chữ: Mười chín tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

22

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần TTB y tế Công Vàng

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	25	Miếng vá sọ loại VII	Cái	5	Đức	Anton Hipp	Miếng vá sọ Anton Hipp kích thước 90x90mm	12.180.06	6,750,000	33,750,000
2	26	Vít tự khoan tự taro	Cái	150	Đức	Anton Hipp	Vít tự khoan tự taro Anton Hipp	12.5XX.XX	250,000	37,500,000
Tổng cộng: 02 Mặt hàng										71,250,000
Bảng chữ: Bảy mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.										

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần công nghệ y tế Việt Đức

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	56	Vật liệu tạo hình hộp sọ [vá xương] loại I	Miếng	150	Singapore	Osteopore International Pte Ltd	OSTEOPLUG C	CHBP-1205-P	2,467,500	370,125,000
2	57	Vật liệu tạo hình hộp sọ [vá xương] loại II	Miếng	150	Singapore	Osteopore International Pte Ltd	OSTEOPLUG	NEBP-1205-P	2,310,000	346,500,000
3	58	Vật liệu tạo hình hộp sọ [vá xương] loại III	Miếng	20	Singapore	Osteopore International Pte Ltd	OSTEOSTRIP 4x3.5mm	PTSH-100-004-003-P5	10,342,500	206,850,000
4	59	Tấm lót sản loại I	Miếng	20	Singapore	Osteopore International Pte Ltd	OSTEOMESH 25X25X1.25MM	PTSH-025-025-001-P2	3,780,000	75,600,000
5	60	Tấm lót sản loại II	Miếng	20	Singapore	Osteopore International Pte Ltd	OSTEOMESH 50X50X1.25MM	PTSH-050-050-001-P2	7,245,000	144,900,000
6	61	Tấm lót sản loại III	Miếng	20	Singapore	Osteopore International Pte Ltd	OSTEOMESH 50X50X2MM	PTSH-050-050-002-P	9,135,000	182,700,000
Tổng cộng: 06 mặt hàng										1,326,675,000

Bảng chữ: Một tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2322/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần công nghệ Phan Anh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Giá KH	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	13	Miếng và sọ loại I	8,500,000	Miếng	70	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Lưới và sọ titanium 1.6mm các cỡ	KB-147-002	8,500,000	595,000,000
2	14	Vít tự khoan tự taro	275,000	Cái	1440	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Vít tự khoan 1.6mm các cỡ	KB-516-0xx	250,000	360,000,000
3	15	Miếng và sọ loại II	12,000,000	Miếng	15	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Lưới và sọ titanium 1.6mm các cỡ	KB-147-003	12,000,000	180,000,000
4	16	Vít tự khoan tự taro	275,000	Cái	450	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Vít tự khoan 1.6mm các cỡ	KB-516-0xx	250,000	112,500,000
5	17	Miếng và sọ loại III	5,000,000	Cái	50	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Lưới và sọ titanium 1.6mm các cỡ	KB-140-006	4,910,000	245,500,000
6	18	Vít tự khoan tự taro	275,000	Cái	1500	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Vít tự khoan 1.6mm các cỡ	KB-516-0xx	250,000	375,000,000
7	20	Vít tự khoan tự taro	275,000	Cái	60	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Vít tự khoan 2.0mm các cỡ	KC-516-00x	250,000	15,000,000
8	23	Miếng và sọ loại VI	14,000,000	Miếng	8	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Lưới và sọ titanium 2.0mm các cỡ	KC-140-006	12,500,000	100,000,000
9	24	Vít tự khoan tự taro	250,000	Cái	240	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Vít tự khoan 2.0mm các cỡ	KC-516-00x	250,000	60,000,000
Tổng cộng: 09 mặt hàng											2,043,000,000

Bảng chữ: Hai tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn./.

2/2

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thương mại tư thiết bị kỹ thuật y tế

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Nẹp thẳng 18 lỗ	Cái	35	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Micro, Mini thẳng 18 lỗ 12-ST-018, 20-ST-018-R	12-ST-018, 20-ST-018-R	636,000	22,260,000
2	2	Vít tự bắt loại 1.2mm	Cái	630	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Micro, Mini đk 1.2 x 4, 6, 8mm 12-MC-004, 12-MC-006, 12-MC-008	12-MC-004, 12-MC-006, 12-MC-008	118,000	74,340,000
3	29	Nẹp thẳng 10 lỗ dùng vít 1.6mm	Cái	25	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mid thẳng 10 lỗ 16-ST-010	16-ST-010	620,000	15,500,000
4	30	Vít tự bắt loại 1.6mm	Cái	250	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mid, Mini đk 1.6 x 6, 8, 10, 12mm 16-MD-006, 16-MD-008, 16-MD-010	16-MD-006, 16-MD-008, 16-MD-010	120,000	30,000,000
5	31	Nẹp thẳng 12 lỗ dùng vít 1.6mm	Cái	130	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mid thẳng 12 lỗ 16-ST-012	16-ST-012	620,000	80,600,000
6	32	Vít tự bắt loại 1.6mm	Cái	1560	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mid, Mini đk 1.6 x 6, 8, 10, 12mm 16-MD-006, 16-MD-008, 16-MD-010	16-MD-006, 16-MD-008, 16-MD-010	120,000	187,200,000
7	41	Nẹp thẳng 4 lỗ dùng vít 2.0mm loại II	Cái	145	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 4 lỗ 20-ST-004-R, 20-ST-104-R	20-ST-004-R, 20-ST-104-R	498,000	72,210,000
8	42	Vít xương tự khóa loại 2.0mm	Cái	580	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	69,600,000
9	47	Nẹp thẳng 6 lỗ dùng vít 2.0mm loại II	Cái	60	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 6 lỗ 20-ST-006-R	20-ST-006-R	498,000	29,880,000
10	48	Vít xương tự khóa loại 2.0mm	Cái	360	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	43,200,000
11	53	Nẹp thẳng 8 lỗ dùng vít 2.0mm loại II	Cái	105	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 8 lỗ 20-ST-008-R	20-ST-008-R	498,000	52,290,000
12	54	Vít xương tự khóa loại 2.0mm	Cái	840	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	100,800,000
13	57	Nẹp thẳng 10 lỗ dùng vít 2.0mm loại I	Cái	150	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 10 lỗ 20-ST-010-R	20-ST-010-R	555,000	83,250,000
14	58	Vít tự bắt loại 2.0mm	Cái	1500	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16mm 20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-016	20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-016	120,000	180,000,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
15	59	Nẹp thẳng 10 lỗ dùng vít 2.0mm loại II	Cái	260	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 10 lỗ 20-ST-010-R	20-ST-010-R	555,000	144,300,000
16	60	Vít xương tự khóa loại 2.0mm	Cái	2600	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	312,000,000
17	63	Nẹp thẳng 16 lỗ dùng vít 2.0mm loại I	Cái	70	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 16 lỗ 20-ST-016-R	20-ST-016-R	605,000	42,350,000
18	64	Vít tự bắt loại 2.0mm	Cái	1120	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16mm 20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-016	20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-016	120,000	134,400,000
19	65	Nẹp thẳng 16 lỗ dùng vít 2.0mm loại II	Cái	210	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 16 lỗ 20-ST-016-R	20-ST-016-R	605,000	127,050,000
20	66	Vít xương tự khóa loại 2.0mm	Cái	3360	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	403,200,000
21	67	Nẹp thẳng 16 lỗ dùng vít 2.0mm loại III	Cái	10	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 16 lỗ 20-ST-016-R	20-ST-016-R	605,000	6,050,000
22	68	Vít tiêu chuẩn loại 2.0mm	Cái	160	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	19,200,000
23	69	Nẹp thẳng 18 lỗ dùng vít 2.0mm loại I	Cái	1920	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 18 lỗ 20-ST-018-R	20-ST-018-R	636,000	1,221,120,000
24	70	Vít tự bắt loại 2.0mm	Cái	34560	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16mm 20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-016	20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-016	120,000	4,147,200,000
25	71	Nẹp thẳng 18 lỗ dùng vít 2.0mm loại II	Cái	1500	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini thẳng 18 lỗ 20-ST-018-R	20-ST-018-R	636,000	954,000,000
26	72	Vít xương tự khóa loại 2.0mm	Cái	27000	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	3,240,000,000
27	83	Nẹp chữ L quay trái, quay phải góc 110 độ, dùng vít 2.0mm loại I	Cái	80	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini chữ L 4 lỗ quay trái, phải 20-LL-304-R, 20-LR-304-R	20-LL-304-R, 20-LR-304-R	448,000	35,840,000
28	84	Vít xương tự khóa loại 2.0mm	Cái	320	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini đk 2.0 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	38,400,000

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
29	93	Nẹp 4 lỗ tạo hình cầm dùng vít 2.0mm	Cái	10	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Mini / hình cầm 2, 4, 6, 8, 10, 12mm 4 lỗ 20-CH-002, 20-CH-004, 20-CH-006, 20-CH-008, 20-CH-010, 20-CH-012	20-CH-002, 20-CH-004, 20-CH-006, 20-CH-008, 20-CH-010, 20-CH-012	620,000	6,200,000
30	94	Vít tiêu chuẩn loại 2.0mm	Cái	40	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Mini dk 2.0 x 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20mm 20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-016, 20-MN-018, 20-MN-020	20-MN-004, 20-MN-005, 20-MN-006, 20-MN-008, 20-MN-010, 20-MN-012, 20-MN-014, 20-MN-016, 20-MN-018, 20-MN-020	120,000	4,800,000
31	95	Nẹp thẳng 4 lỗ dùng vít 2.4mm loại I	Cái	470	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Maxi thẳng 4 lỗ 24-ST-104	24-ST-104	740,000	347,800,000
32	96	Vít tự bắt loại 2.4mm	Cái	1880	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Maxi dk 2.4 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20mm 24-MX-004, 24-MX-006, 24-MX-008, 24-MX-010, 24-MX-012, 24-MX-014, 24-MX-016, 24-MX-018, 24-MX-020	24-MX-004, 24-MX-006, 24-MX-008, 24-MX-010, 24-MX-012, 24-MX-014, 24-MX-016, 24-MX-018, 24-MX-020	125,800	236,504,000
33	99	Nẹp thẳng 6 lỗ dùng vít 2.4mm loại I	Cái	45	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Maxi thẳng 6 lỗ 24-ST-006	24-ST-006	840,000	37,800,000
34	100	Vít tự bắt loại 2.4mm	Cái	270	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Maxi dk 2.4 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20mm 24-MX-004, 24-MX-006, 24-MX-008, 24-MX-010, 24-MX-012, 24-MX-014, 24-MX-016, 24-MX-018, 24-MX-020	24-MX-004, 24-MX-006, 24-MX-008, 24-MX-010, 24-MX-012, 24-MX-014, 24-MX-016, 24-MX-018, 24-MX-020	125,800	33,966,000
35	111	Nẹp tái tạo 20 lỗ quay phải dùng vít 2.4mm	Cái	5	Hàn Quốc	Jeil Medical	Nẹp Maxi giữ chỗ 20 lỗ quay phải, trái 24-RR-020, 24-RL-020	24-RR-020, 24-RL-020	2,899,000	14,495,000
36	112	Vít tự khoan, tự tạo đường kính 2.4mm	Cái	100	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít xương Maxi dk 2.4 x 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20mm 24-MX-004, 24-MX-006, 24-MX-008, 24-MX-010, 24-MX-012, 24-MX-014, 24-MX-016, 24-MX-018, 24-MX-020	24-MX-004, 24-MX-006, 24-MX-008, 24-MX-010, 24-MX-012, 24-MX-014, 24-MX-016, 24-MX-018, 24-MX-020	125,800	12,580,000
37	227	Vít treo chặn trong chỉnh răng	Cái	20	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít mô neo Dual Top 1.6x6,8,10mm 16-JB-006, 16-JB-008, 16-JB-010, 16-JA-006 H, 16-JA-008 H, 16-JA-010 H, 16-G2-006, 16-G2-008, 16-G2-010	16-JB-006, 16-JB-008, 16-JB-010, 16-JA-006 H, 16-JA-008 H, 16-JA-010 H, 16-G2-006, 16-G2-008, 16-G2-010	205,000	4,100,000
38	251	Vít buộc hàm loại I	Cái	100	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít cố định hàm dk 2.0x8,10,12,14, 16mm 20-AH-008, 20-AH-010, 20-AH-012, 20-AH-014, 20-AH-016	20-AH-008, 20-AH-010, 20-AH-012, 20-AH-014, 20-AH-016	395,000	39,500,000
39	252	Vít buộc hàm loại II	Cái	4000	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít cố định hàm dk 2.0x8,10,12mm 20-AH-008, 20-AH-010, 20-AH-012	20-AH-008, 20-AH-010, 20-AH-012	395,000	1,580,000,000
40	253	Vít treo chặn trong chỉnh răng	Cái	400	Hàn Quốc	Jeil Medical	Vít mô neo Dual Top 1.6, 2.0 x 6, 8, 10, 12mm 16-JB-006, 16-JB-008, 16-JB-010, 16-G2-006, 16-G2-008, 16-G2-010, 20-JB-008, 20-JB-010, 20-JB-012, 20-G2-008, 20-G2-010, 20-G2-012	16-JB-006, 16-JB-008, 16-JB-010, 16-G2-006, 16-G2-008, 16-G2-010, 20-JB-008, 20-JB-010, 20-JB-012, 20-G2-008, 20-G2-010, 20-G2-012	205,000	82,000,000
Tổng cộng: 40 mặt hàng										14,265,985,000

Bảng chữ: Mười bốn tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2.393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Dược Phẩm thiết bị y tế Hà Nội

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	248	Keo dán da	Ống	300	Mỹ	Ethicon, LLC	Keo dán da Dermabond - AHV12	AHV12	170,503	51,150,900
Tổng cộng: 01 mặt hàng										51,150,900
Bảng chữ: Năm mươi một triệu, một trăm năm mươi nghìn, chín trăm đồng./.										

Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần quốc tế Hạ Long

STT	STT trong HSMI	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	134	Nep thẳng tự tiêu 8 lỗ loại III	Cái	50	CHLB Đức	KLS Martin	Nep tự tiêu 8 lỗ	52-075-08-04	3,800,000	190,000,000
2	135	Vít tự tiêu	Cái	400	CHLB Đức	KLS Martin	Vít tự tiêu	52-621-xx-04	1,170,000	468,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										658,000,000
Bảng chữ: Sáu trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Công nghệ Phan Anh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	35	Nẹp xương sọ hình tròn loại II	Cái	100	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Nẹp tròn và sọ các loại các cỡ	KB-100-018	1,200,000	120,000,000
2	36	Vít tự khoan tự tào loại I 1.6mm	Cái	500	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Vít tự khoan tự tào 1.6mm	KB-516-0xx	250,000	125,000,000
3	73	Nẹp thẳng 18 lỗ dùng vít 2.0mm loại III	Cái	5	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Nẹp thẳng 2.0 các cỡ	KC-000-020	1,700,000	8,500,000
4	74	Vít tự khoan tự tào loại 2.0mm dùng cho nẹp thẳng 18 lỗ loại III.	Cái	90	CHLB Đức	Stema Medizintechnik GmbH	Vít tự khoan tự tào 2.0mm	KC-516-0xx	250,000	22,500,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										276,000,000
Bảng chữ: Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn./.										

Phan Anh

Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	246	Kéo sinh học và mạch máu loại II	Bộ	100	Mỹ	Baxter Healthcare Corporation	Coseal Surgical Sealant 4ml	934074, Coseal Surgical Sealant 4ml	9,419,025	941,902,500
2	247	Kéo dán cầm máu	Bộ	80	Mỹ	Baxter Healthcare Corporation	Floseal Hemostatic Matrix 5ml	1501825, Floseal Hemostatic Matrix 5ml	7,700,000	616,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										1,557,902,500

Bảng chữ: Một tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm linh hai nghìn, năm trăm đồng/.

Bảng chữ: Một tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm linh hai nghìn, năm trăm đồng./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH phân phối Nha Khoa Rạng Đông

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	7	Nẹp thẳng 4 lỗ dùng vít 1.3mm	Cái	20	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FST304M04A	FST304M04A	540,000	10,800,000
2	8	Vít tự bắt loại 1.3mm	Cái	80	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F130xx	F130xx	120,000	9,600,000
3	9	Nẹp thẳng 6 lỗ dùng vít 1.3mm	Cái	20	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FST304M06A	FST304M06A	540,000	10,800,000
4	10	Vít tự bắt loại 1.3mm	Cái	120	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F130xx	F130xx	120,000	14,400,000
5	11	Nẹp thẳng 12 lỗ dùng vít 1.3mm	Cái	20	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FST304M12A	FST304M12A	650,000	13,000,000
6	12	Vít tự bắt loại 1.3mm	Cái	240	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F130xx	F130xx	120,000	28,800,000
7	13	Nẹp thẳng 4 lỗ dùng vít 1.5mm	Cái	15	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FST307M04	FST307M04	535,500	8,032,500
8	14	Vít xương hàm mặt, tự bắt loại 1.5mm	Cái	60	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F150xx	F150xx	120,000	7,200,000
9	15	Nẹp vòng cung 6 lỗ dùng vít 1.5mm	Cái	15	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FOR307M06	FOR307M06	650,000	9,750,000
10	16	Vít xương hàm mặt, tự bắt loại 1.5mm	Cái	90	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F150xx	F150xx	120,000	10,800,000
11	17	Nẹp thẳng 8 lỗ dùng vít 1.5mm	Cái	20	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FST307M08A	FST307M08A	535,500	10,710,000
12	18	Vít xương hàm mặt, tự bắt loại 1.5mm	Cái	160	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F150xx	F150xx	120,000	19,200,000
13	19	Nẹp vòng cung 8 lỗ dùng vít 1.5mm	Cái	15	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FOR307M08A	FOR307M08A	750,000	11,250,000
14	20	Vít xương hàm mặt, tự bắt loại 1.5mm	Cái	120	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F150xx	F150xx	120,000	14,400,000
15	23	Nẹp thẳng 20 lỗ dùng vít 1.5mm	Cái	15	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FST307M20A	FST307M20A	800,000	12,000,000
16	24	Vít xương hàm mặt, tự bắt loại 1.5mm	Cái	300	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F150xx	F150xx	120,000	36,000,000
17	25	Nẹp Lefort quay trái, phải các cỡ dùng vít 1.5mm	Cái	10	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định FBRxxxLxx FBRxxxRxx	FBRxxxLxx FBRxxxRxx	1,350,000	13,500,000
18	26	Vít xương hàm mặt, tự bắt loại 1.5mm	Cái	110	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định F150xx	F150xx	120,000	13,200,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
19	39	Nẹp thẳng 4 lỗ dùng vít 2.0mm loại I	Cái	125	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định OSTxxxM04	OSTxxxM04	535,500	66,937,500
20	40	Vít tự bắt loại 2.0mm	Cái	500	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định O190xx	O190xx	120,000	60,000,000
21	79	Nẹp chữ L quay trái, quay phải góc 90 độ, dùng vít 2.0mm loại I	Cái	220	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định OLD310	OLD310	465,000	102,300,000
22	80	Vít tự bắt loại 2.0mm	Cái	880	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định O190xx	O190xx	120,000	105,600,000
23	81	Nẹp chữ L quay trái, quay phải góc 90 độ, dùng vít 2.0mm loại II	Cái	50	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định OPL208xxx OPR208xxx	OPL208xxx OPR208xxx	1,176,000	58,800,000
24	82	Vít tự bắt loại 2.0mm	Cái	200	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định O190xx	O190xx	120,000	24,000,000
25	87	Nẹp chữ X, 4 lỗ dây 0.6mm vít 2.0mm	Cái	10	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định OXC306x04	OXC306x04	1,500,000	15,000,000
26	88	Vít tự bắt loại 2.0mm	Cái	40	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định O190xx	O190xx	120,000	4,800,000
27	97	Nẹp thẳng 4 lỗ dùng vít 2.4mm loại II	Cái	130	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định MST315M04	MST315M04	920,000	119,600,000
28	98	Vít tự khoan, tự taro đường kính 2.4mm	Cái	520	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định M240xx	M240xx	135,000	70,200,000
29	101	Nẹp thẳng 6 lỗ dùng vít 2.4mm loại II	Cái	15	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định MST315M06	MST315M06	980,000	14,700,000
30	102	Vít tự khoan, tự taro đường kính 2.4mm	Cái	90	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định M240xx	M240xx	135,000	12,150,000
31	103	Nẹp tái tạo thẳng 17 lỗ dùng vít 2.4mm	Cái	5	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định MST326M17	MST326M17	2,650,000	13,250,000
32	104	Vít tự khoan, tự taro đường kính 2.4mm	Cái	85	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định M240xx	M240xx	135,000	11,475,000
33	105	Nẹp tái tạo thẳng 23 lỗ dùng vít 2.4mm	Cái	5	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định MST326M23	MST326M23	2,950,000	14,750,000
34	106	Vít tự khoan, tự taro đường kính 2.4mm	Cái	115	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định M240xx	M240xx	135,000	15,525,000
35	107	Nẹp tái tạo thẳng 28 lỗ dùng vít 2.4mm	Cái	5	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định MST326M28	MST326M28	3,150,000	15,750,000
36	108	Vít tự khoan, tự taro đường kính 2.4mm	Cái	140	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định M240xx	M240xx	135,000	18,900,000
37	109	Nẹp tái tạo 16 lỗ quay phải dùng vít 2.4mm	Cái	5	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định MRR326M16 MRL326M16	MRR326M16 MRL326M16	2,650,000	13,250,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
38	110	Vít tự khoan, tự taro đường kính 2.4mm	Cái	80	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định M240xx	M240xx	135,000	10,800,000
39	113	Nẹp tái tạo đa chức năng 27 lỗ, dày 2.6mm, dùng vít 2.4mm	Cái	5	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định MRB326M27	MRB326M27	4,900,000	24,500,000
40	114	Vít tự khoan, tự taro đường kính 2.4mm	Cái	135	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định M240xx	M240xx	135,000	18,225,000
41	115	Nẹp tái tạo đa chức năng 34 lỗ, dày 2.6mm vít 2.4mm	Cái	5	Hàn Quốc	Osteonic	Nẹp cố định MRB326M34	MRB326M34	5,500,000	27,500,000
42	116	Vít tự khoan, tự taro đường kính 2.4mm	Cái	170	Hàn Quốc	Osteonic	Vít cố định M240xx	M240xx	135,000	22,950,000
43	174	Cây vận tinh lực	Cái	5	Israel	Mis	Cây vận tinh lực MT-R1040	MT-R1040	4,085,000	20,425,000
44	175	Vật liệu cấy ghép chân răng loại I	Cái	100	Đức/Israel	Mis	Vật liệu cấy ghép chân răng C1	C1-xxxxx	4,650,000	465,000,000
45	176	Vật liệu cấy ghép chân răng loại II	Cái	40	Đức/Israel	Mis	Vật liệu cấy ghép chân răng C1B+	C1B-xxxxx	4,890,000	195,600,000
46	177	Implant răng loại III	Cái	40	Đức/Israel	Mis	Vật liệu cấy ghép chân răng V3B	V3B-xxxxx	5,990,000	239,600,000
47	178	Thần trụ răng loại I	Cái	60	Israel	Mis	Thần trụ răng C1 platform hẹp các loại	CN-MAXxx/Axxxx/CPKxxx	1,854,000	111,240,000
48	179	Thần trụ răng loại II	Cái	40	Israel	Mis	Thần trụ răng C1 platform rộng các loại	CW-ATxxx/CPKxxx/xxxxx	1,854,000	74,160,000
49	180	Thần trụ răng loại III	Cái	70	Israel	Mis	Thần trụ răng C1/V3 platform tiêu chuẩn các loại	CS-Axxxx/Mxxxx/CPKxxx VS-Axxxx/Mxxxx/CPKxxx	1,854,000	129,780,000
50	181	Thần trụ răng loại IV	Cái	40	Israel	Mis	Thần trụ răng kết nối dạng bi cho implant V3 các loại	CN-Bxxxx/CS-Bxxxx	1,854,000	74,160,000
51	182	Thần trụ răng kết nối dạng bi loại I	Cái	40	Israel	Mis	Thần trụ răng kết nối dạng bi cho Implant C1 các loại	CN-Bxxxx/CS-Bxxxx/CW-Bxxxx	1,854,000	74,160,000
52	183	Thần trụ răng kết nối dạng bi loại II	Cái	20	Israel	Mis	Thần trụ răng kết nối dạng bi cho implant V3 các loại	CN-Bxxxx/CS-Bxxxx	1,854,000	37,080,000
53	184	Thần trụ răng kết nối hình bán cầu kết nối côn	Cái	20	Israel	Mis	Thần trụ răng kết nối hình bán cầu kết nối côn	CK-NOEx CK-SOEx CK-WOEx	1,950,000	39,000,000
54	185	Trụ phục hình cho thần trụ răng đa hướng, kết nối côn, nghiêng	Cái	15	Israel	Mis	Trụ phục hình cho thần trụ răng đa hướng, kết nối côn, nghiêng	CM-SOxxx CM-WOxxx	2,438,000	36,570,000
55	186	Trụ phục hình cho thần trụ răng đa hướng, kết nối côn, thẳng	Cái	15	Israel	Mis	Trụ phục hình cho thần trụ răng đa hướng, kết nối côn, thẳng	CM-Nxxxx CM-Sxxxx CM-Wxxxx	1,930,000	28,950,000
56	187	Bán sao chân răng cấy ghép kết nối côn loại hẹp	Cái	70	Israel	Mis	Bán sao chân răng cấy ghép kết nối côn	CN/CS-RSM10	779,000	54,530,000
57	188	Bán sao chân răng cấy ghép kết nối côn loại rộng	Cái	70	Israel	Mis	Bán sao chân răng cấy ghép kết nối côn loại rộng	CW-RSM10	779,000	54,530,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
58	189	Bán sao thân răng cấy ghép khay đóng kết nối côn loại hẹp	Cái	70	Israel	Mis	Bán sao thân răng cấy ghép khay đóng kết nối côn	CN/CS-ITxxx	962,000	67,340,000
59	190	Bán sao thân răng cấy ghép khay đóng kết nối côn loại rộng	Cái	70	Israel	Mis	Bán sao thân răng cấy ghép khay đóng kết nối côn loại rộng	CW-ITxxx	962,000	67,340,000
60	191	Bán sao thân răng cấy ghép khay mở kết nối côn	Cái	70	Israel	Mis	Bán sao thân răng cấy ghép khay mở kết nối côn các cỡ	CN/CS/CW-10xxx CN/CS/CW-10xxx CN/CS/CW-10xxx	962,000	67,340,000
61	192	Nắp chụp lành thương các cỡ	Cái	150	Israel	Mis	Nắp chụp lành thương C1/V3 các cỡ	CN-HSxxx/ CN-HAxxx CS-HAxxx/ VS-HSxxx CW-HSxxx/ CW-HAxxx	742,000	111,300,000
62	193	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn loại I	Lọ	20	Pháp	Biomatlante ZA les Quatre Nations	Sản phẩm cấy ghép tái tạo xương hư tổn 4bone 0.5cc	BS-4BS01	1,978,000	39,560,000
63	194	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn loại II	Lọ	10	Pháp	Biomatlante ZA les Quatre Nations	Sản phẩm cấy ghép tái tạo xương hư tổn 4bone 1.0cc	BS-4BSIS	2,967,000	29,670,000
64	198	Màng cấy ghép tái tạo xương hư tổn liên kết chéo loại I	Cái	25	Israel	Datum Dental	Màng cấy ghép tái tạo xương hư tổn liên kết chéo góc đường 15x25mm	OXPI525	2,392,000	59,800,000
65	199	Màng cấy ghép tái tạo xương hư tổn liên kết chéo loại II	Cái	15	Israel	Datum Dental	Màng cấy ghép tái tạo xương hư tổn liên kết chéo góc đường 25x30mm	OXPI2530	3,600,000	54,000,000
66	200	Màng cấy ghép tái tạo xương hư tổn liên kết chéo loại III	Cái	15	Israel	Datum Dental	Màng cấy ghép tái tạo xương hư tổn liên kết chéo góc đường 30x40mm	OXPI3040	4,785,000	71,775,000
67	201	Màng PTFE không tiêu loại I	Cái	15	Hàn Quốc	Purgo	Màng PTFE không tiêu Opentex 02	OpenTex_0205	1,248,000	18,720,000
68	202	Màng PTFE không tiêu loại II	Cái	15	Hàn Quốc	Purgo	Màng PTFE không tiêu Opentex 01	OpenTex_0105	1,802,000	27,030,000
69	203	Màng PTFE không tiêu khung Titanium loại I	Cái	15	Hàn Quốc	Purgo	Màng PTFE không tiêu khung titanium Opentex TR 01	OpenTex-TR_01	4,158,000	62,370,000
70	204	Màng PTFE không tiêu khung Titanium loại II	Cái	20	Hàn Quốc	Purgo	Màng PTFE không tiêu khung titanium Opentex TR 02	OpenTex-TR_02	4,782,000	95,640,000
71	205	Màng PTFE không tiêu khung Titanium loại III	Cái	15	Hàn Quốc	Purgo	Màng PTFE không tiêu khung titanium Opentex TR 06	OpenTex-TR_06	4,020,000	60,300,000
72	206	Màng PTFE không tiêu khung Titanium loại IV	Cái	20	Hàn Quốc	Purgo	Màng PTFE không tiêu khung titanium Opentex TR 07	OpenTex-TR_07	5,590,000	111,800,000
73	207	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn loại I	Cái	30	Hàn Quốc	Purgo	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn BG-A25	BG-A25	1,860,000	55,800,000
74	208	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn loại II	Cái	30	Hàn Quốc	Purgo	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn BG-A05	BG-A05	2,922,000	87,660,000
75	209	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn loại III	Cái	30	Hàn Quốc	Purgo	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn BG-A10	BG-A10	4,782,000	143,460,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
76	210	Chi PTFE không tiêu, đơn sợi	Cái	100	Hàn Quốc	Purgo	Chi không tiêu BTxxxx	BT3016; BT3019 BT4016; BT4013; BT4019 BT5016; BT5013; BT5019	210,000	21,000,000
77	213	Xương xóp dạng hạt loại III	Cái	30	Mỹ	Collagen Matrix, Inc	Xương xóp dị loại dạng hạt 5099003	5099003	5,795,000	173,850,000
Tổng cộng: 77 mặt hàng										
Bảng chữ: Bốn tỷ, một trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn./.										
4,174,945,000										

202

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 28/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	121	Miếng và sọ tự tiêu loại I	Miếng	15	Mỹ	Biomet Microfixation	Miếng và sọ tự tiêu cỡ 25x25mm (thuộc bộ cố định và chỉnh hình sọ hàm mặt bằng vật liệu tự tiêu)	915-2410	4,150,000	62,250,000
2	122	Vít tự tiêu 1.5mm	Cái	225	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 1.5mm	915-2346 915-2226	1,000,000	225,000,000
3	123	Vít tự tiêu 2.0mm	Cái	25	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 2.0mm	915-2321	1,350,000	33,750,000
4	124	Miếng và sọ tự tiêu loại II	Miếng	15	Mỹ	Biomet Microfixation	Miếng và sọ tự tiêu cỡ 50x50mm (thuộc bộ cố định và chỉnh hình sọ hàm mặt bằng vật liệu tự tiêu)	915-2412	6,200,000	93,000,000
5	125	Vít tự tiêu 1.5mm	Cái	300	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 1.5mm	915-2346 915-2226	1,000,000	300,000,000
6	126	Vít tự tiêu 2.0mm	Cái	50	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 2.0mm	915-2321	1,350,000	67,500,000
7	128	Vít tự tiêu 1.5mm	Cái	125	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 1.5mm	915-2346 915-2226	1,000,000	125,000,000
8	129	Vít tự tiêu 2.0mm	Cái	25	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 2.0mm	915-2321	1,350,000	33,750,000
9	130	Nẹp thẳng tự tiêu 8 lỗ loại I	Cái	50	Mỹ	Biomet Microfixation	Nẹp đóng sọ hàm mặt thẳng tự tiêu 8 lỗ, cỡ 1.5mm	915-2417	3,800,000	190,000,000
10	131	Vít tự tiêu 1.5mm	Cái	400	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 1.5mm	915-2346 915-2226	1,000,000	400,000,000
11	132	Nẹp thẳng tự tiêu 8 lỗ loại II	Cái	60	Mỹ	Biomet Microfixation	Nẹp đóng sọ hàm mặt thẳng tự tiêu 8 lỗ, cỡ 2.0mm	915-2108	3,800,000	228,000,000
12	133	Vít tự tiêu 2.0mm	Cái	480	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 2.0mm	915-2321	1,350,000	648,000,000
13	136	Nẹp thẳng tự tiêu loại 20 lỗ loại I	Cái	30	Mỹ	Biomet Microfixation	Nẹp đóng sọ hàm mặt thẳng tự tiêu 20 lỗ, cỡ 1.5mm	915-2419 915-2429	6,800,000	204,000,000
14	137	Vít tự tiêu 1.5mm	Cái	600	Mỹ	Biomet Microfixation	Vít đóng sọ hàm mặt tự tiêu 1.5mm	915-2346 915-2226	1,000,000	600,000,000

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
15	140	Miếng ghép thay thế thể tích nhân cầu	Miếng	10	Mỹ	Matrix Surgical USA	Miếng ghép thay thế thể tích nhân cầu (thuộc miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt)	OP6316 OP6326 OP6327 OP6317 OP6322	14,500,000	145,000,000
16	141	Vật liệu cấy ghép tai	Cái	40	Mỹ	Matrix Surgical USA	Vật liệu cấy ghép tai (thuộc miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt)	OP8330 OP8331 OP8328 OP8329	30,000,000	1,200,000,000
17	142	Vật liệu độn tạo hình ổ mắt các cỡ	Cái	65	Mỹ	Matrix Surgical USA	Vật liệu độn tạo hình ổ mắt các cỡ (thuộc miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt)	OP8438;OP7212; OP8312;OP9312; OP6330;OP9562; OP6331;OP9530	17,000,000	1,105,000,000
18	143	Vật liệu độn tạo hình mũi	Cái	10	Mỹ	Matrix Surgical USA	Vật liệu độn tạo hình mũi (thuộc miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt)	OP9519 OP9520 OP9525 OP9526	10,000,000	100,000,000
19	144	Vật liệu độn tạo hình sọ mặt	Cái	10	Mỹ	Matrix Surgical USA	Vật liệu độn tạo hình sọ mặt (thuộc miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt)	OP6335 OP6336 OP6338 OP6339	17,000,000	170,000,000
20	157	Vật liệu cấy ghép vùng mặt bằng polyethylene xốp loại II	Cái	10	Mỹ	Matrix Surgical USA	Vật liệu cấy ghép vùng mặt cỡ 38 x 50 x 0.85mm (thuộc miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt)	OP7210	10,000,000	100,000,000
21	158	Vật liệu cấy ghép vùng mặt bằng polyethylene xốp loại III	Cái	10	Mỹ	Matrix Surgical USA	Vật liệu cấy ghép vùng mặt cỡ 50 x 76 x 0.85mm (thuộc miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt)	OP7212	17,000,000	170,000,000
22	250	Khung Erich Arch	Cái	40	Mỹ	Biomet Microfixation	Cung Erich Arch (thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật)	01-0295	180,000	7,200,000
Tổng cộng: 22 mặt hàng										6,207,450,000

Bảng chữ: Sáu rý, hai trăm linh bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

202

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/10/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH XNK TMTH An Phú Mỹ

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	33	Nẹp xương sọ hình tròn loại I	Cái	900	Đức	O&M Medical - Đức	Nẹp mini titan tròn sử dụng vít 1.6mm	O&M Medical - Đức 16.100.xx	1,745,000	1,570,500,000
2	34	Vít tự khoan tự taro loại 1.6mm	Cái	4500	Đức	O&M Medical - Đức	Vít mini titan tự khoan, tự taro 1.6mm	O&M Medical - Đức 16.510.xx/ 16.516xx/ 20.510.xx/ 20.516.xx/	250,000	1,125,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										2,695,500,000
Bảng chữ: Hai tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.										

2399

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH MTV Thương Mại Vạn Thông

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	249	Ghim khâu da	Bảng	2000	Trung Quốc	Changzhou Lookmed Medical Instrument Co., Ltd	Ghim khâu da	LMPE-35W/LMPF-W	320,000	640,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										640,000,000
Bảng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kính theo Quyết định số: 2339/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021
bảng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Alpha

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	3	Nẹp khóa mắt xích các cỡ loại II.	Cái	60	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa mắt xích các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-51404 đến 11-51414 AF Medical	5,000,000	300,000,000
2	4	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	480	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	204,000,000
3	5	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	240	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	48,000,000
4	29	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ loại II	Cái	60	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-61406 đến 11-61414 AF Medical	4,000,000	240,000,000
5	30	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	540	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60420 đến 16-60490 AF Medical	425,000	229,500,000
6	31	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại II	Cái	180	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 4.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-0400 đến 16-0488 AF Medical	200,000	36,000,000
7	55	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ loại II	Cái	60	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-51204 đến 11-51212 AF Medical	3,700,000	222,000,000
8	56	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	480	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	204,000,000
9	57	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	120	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	24,000,000
10	83	Nẹp khóa bán rộng các cỡ loại II	Cái	60	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa bán rộng các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-61606 đến 11-61620 AF Medical	5,770,000	346,200,000
11	84	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	720	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60420 đến 16-60490 AF Medical	425,000	306,000,000
12	85	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại II	Cái	240	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 4.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-0400 đến 16-0488 AF Medical	200,000	48,000,000
13	106	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ loại II	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-54103 đến 11-54134 AF Medical	6,400,000	32,000,000
14	107	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	15	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50206 đến 16-50240 AF Medical	400,000	6,000,000
15	108	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	25	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	10,625,000
16	109	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	2,000,000
17	110	Nẹp khóa lồi cầu xương cánh tay loại III	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài, mặt ngoài có móc các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-54143 đến 11-54175 Từ 11-54183 đến 11-54215 AF Medical	6,400,000	32,000,000
18	111	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	15	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50206 đến 16-50240 AF Medical	400,000	6,000,000
19	112	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	25	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	10,625,000

Handwritten signature

STT	STT trong HSMST	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
20	113	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	2,000,000
21	143	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ loại II	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-54003 đến 11-54012 AF Medical	6,600,000	132,000,000
22	144	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	120	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	51,000,000
23	145	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	40	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	8,000,000
24	185	Nẹp khóa móm khuỷu loại I	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa móm khuỷu các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-54324 đến 11-54352 AF Medical	6,800,000	68,000,000
25	186	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	80	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	34,000,000
26	187	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	4,000,000
27	203	Nẹp khóa xương đòn có móc loại VI	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa xương đòn có móc các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-54624 đến 11-54727 AF Medical	5,600,000	56,000,000
28	204	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	70	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	29,750,000
29	205	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	4,000,000
30	206	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại VII	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa xương đòn các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-54766 đến 11-54778 AF Medical	5,600,000	112,000,000
31	207	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	160	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	68,000,000
32	208	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	40	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	8,000,000
33	209	Nẹp khóa xương đòn đầu ngoài các cỡ trái/ phải loại VIII	Cái	40	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa xương đòn đầu ngoài các cỡ trái/phải, hợp kim titanium	Từ 11-54813 đến 11-54828 AF Medical	5,600,000	224,000,000
34	210	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	160	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 2.7mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50206 đến 16-50240 AF Medical	400,000	64,000,000
35	211	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	240	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	102,000,000
36	212	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	80	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	16,000,000
37	249	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ loại XIII	Cái	85	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-63105 đến 11-63213 AF Medical	6,800,000	578,000,000
38	250	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	850	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60420 đến 16-60490 AF Medical	425,000	361,250,000
39	251	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại XIII	Cái	255	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 4.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-0400 đến 16-0488 AF Medical	200,000	51,000,000
40	252	Vít xấp khóa đường kính 6.5mm loại XIII	Cái	425	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xấp khóa đường kính 6.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60630 đến 16-60710 AF Medical	620,000	263,500,000
41	278	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ loại II	Cái	50	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-63012 đến 11-63056 AF Medical	7,700,000	385,000,000
42	279	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	300	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60420 đến 16-60490 AF Medical	425,000	127,500,000

20

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
43	280	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại II	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 4.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-0400 đến 16-0488 AF Medical	200,000	20,000,000
44	281	Vít xỏ khớp khóa đường kính 6.5mm loại II	Cái	50	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xỏ khớp khóa đường kính 6.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60630 đến 16-60710 AF Medical	620,000	31,000,000
45	282	Vít xỏ khớp khóa rỗng nóng 7.3mm loại II	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xỏ khớp khóa rỗng nóng 7.3mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60830 đến 16-60945 AF Medical	1,100,000	110,000,000
46	314	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại II	Cái	30	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài, các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-55105 đến 11-55221 AF Medical	6,000,000	180,000,000
47	315	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	420	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	178,500,000
48	316	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	90	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	18,000,000
49	317	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại III	Cái	30	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong, các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-62804 đến 11-62844 AF Medical	6,000,000	180,000,000
50	318	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	420	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	178,500,000
51	319	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	90	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	18,000,000
52	339	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ loại I	Cái	60	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-62605 đến 11-62713 AF Medical	6,000,000	360,000,000
53	340	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	600	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60420 đến 16-60490 AF Medical	425,000	255,000,000
54	341	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại I	Cái	180	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 4.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-0400 đến 16-0488 AF Medical	200,000	36,000,000
55	342	Vít xỏ khớp khóa đường kính 6.5mm loại I	Cái	180	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xỏ khớp khóa đường kính 6.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60630 đến 16-60710 AF Medical	620,000	111,600,000
56	370	Nẹp khóa xương gót chân các cỡ, trái/phải, hợp kim titanium loại II	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa xương gót chân các cỡ, trái/phải, hợp kim titanium	Từ 11-55510 đến 11-55522 AF Medical	5,000,000	100,000,000
57	371	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	220	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	93,500,000
58	372	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	80	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	16,000,000
59	387	Nẹp khóa đầu dưới xương mác loại II	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-55403 đến 11-55431 AF Medical	5,200,000	26,000,000
60	388	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	45	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	19,125,000
61	389	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	2,000,000
62	398	Nẹp khóa chữ T loại I	Cái	26	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa chữ T nhỏ/ vit 3.5 các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-52033 đến 11-52038 Từ 11-52133 đến 11-52236 AF Medical	3,000,000	78,000,000
63	399	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	182	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	77,350,000
64	400	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	52	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	10,400,000
65	401	Nẹp khóa chữ T loại II	Cái	26	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa chữ T/ vit 5.0 các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-62303 đến 11-62312 AF Medical	3,000,000	78,000,000

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
66	402	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	156	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60420 đến 16-60490 AF Medical	425,000	66,300,000
67	403	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại II	Cái	104	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 4.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-0400 đến 16-0488 AF Medical	200,000	20,800,000
68	411	Nẹp khóa lồng máng loại I	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa lồng máng 1/3 các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-52424 đến 11-52432 AF Medical	4,250,000	42,500,000
69	412	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	80	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	34,000,000
70	413	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	4,000,000
71	420	Nẹp khóa chữ L	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp khóa chữ L các cỡ, hợp kim titanium	Từ 11-62103 đến 11-62210 AF Medical	3,000,000	30,000,000
72	421	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	70	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-60420 đến 16-60490 AF Medical	425,000	29,750,000
73	422	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	Cái	30	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 4.5mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Từ 16-0400 đến 16-0488 AF Medical	200,000	6,000,000
74	425	Nẹp DHS thép không gỉ các cỡ loại I	Cái	2	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp DHS 135 độ thép không gỉ các cỡ	Từ 10-0082 đến 10-0090 AF Medical	3,675,000	7,350,000
75	426	Vít DHS các cỡ thép không gỉ loại I	Cái	2	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít DHS các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-3000 đến 15-3038 AF Medical	150,000	300,000
76	427	Vít nén DHS các cỡ thép không gỉ loại I	Cái	2	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít nén DHS, thép không gỉ	15-3050 AF Medical	140,000	280,000
77	428	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	1,800,000
78	429	Nẹp DCS thép không gỉ các cỡ loại II	Cái	2	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp DCS thép không gỉ các cỡ	Từ 10-0250 đến 10-0266 AF Medical	3,675,000	7,350,000
79	430	Vít DCS các cỡ thép không gỉ loại II	Cái	2	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít DCS các cỡ thép không gỉ	Từ 15-3000 đến 15-3038 AF Medical	150,000	300,000
80	431	Vít nén DCS các cỡ thép không gỉ loại II	Cái	2	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít nén DCS các cỡ thép không gỉ	15-3050 AF Medical	140,000	280,000
81	432	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	16	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	1,440,000
82	433	Nẹp bán hợp thép không gỉ các cỡ loại I	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp bán hợp 5, 6, 7, 8 lỗ thép không gỉ	Từ 10-0700 đến 10-0730 AF Medical	620,000	3,100,000
83	434	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	40	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	3,600,000
84	435	Vít xếp đường kính 6.5mm các cỡ loại I	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xếp đường kính 6.5mm các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-0700 đến 15-0746 AF Medical	105,000	1,050,000
85	436	Nẹp bán hợp thép không gỉ các cỡ loại II	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp bán hợp 10 lỗ, thép không gỉ	10-0716 AF Medical	700,000	3,500,000
86	437	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	50	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	4,500,000
87	438	Vít xếp đường kính 6.5mm các cỡ loại II	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xếp đường kính 6.5mm các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-0700 đến 15-0746 AF Medical	105,000	1,050,000
88	439	Nẹp bán hợp thép không gỉ các cỡ loại III	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical	Nẹp bán hợp 12, 14 lỗ, thép không gỉ	10-0720; 10-0724 AF Medical	750,000	3,750,000

11

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
89	440	Vit xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	70	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	6,300,000
90	441	Vit xỏp đường kính 6.5mm các cỡ, cỡ loại III	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xỏp đường kính 6.5mm các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-0700 đến 15-0746 AF Medical	105,000	1,050,000
91	446	Nep bán nhỏ thép không gỉ các cỡ loại VI	Cái	40	Thụy Sĩ	AF Medical	Nep bán nhỏ 5, 6, 7, 8 lỗ, thép không gỉ	Từ 10-1306 đến 10-1312 AF Medical	570,000	22,800,000
92	447	Vit xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	320	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 3.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0900 đến 15-0966 AF Medical	75,000	24,000,000
93	448	Vit xỏp đường kính 4.0mm các cỡ	Cái	80	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xỏp đường kính 4.0mm các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-1400 đến 15-1432 AF Medical	100,000	8,000,000
94	449	Nep bán nhỏ thép không gỉ các cỡ loại VII	Cái	40	Thụy Sĩ	AF Medical	Nep bán nhỏ 10 lỗ, thép không gỉ	10-1316 AF Medical	630,000	25,200,000
95	450	Vit xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	400	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 3.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0900 đến 15-0966 AF Medical	75,000	30,000,000
96	451	Vit xỏp đường kính 4.0mm các cỡ	Cái	80	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xỏp đường kính 4.0mm các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-1400 đến 15-1432 AF Medical	100,000	8,000,000
97	456	Nep bán rộng thép không gỉ các cỡ loại I	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Nep bán rộng 6, 7, 8, 9, 10 lỗ, thép không gỉ	Từ 10-0800 đến 10-0808 AF Medical	835,000	8,350,000
98	457	Vit xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	9,000,000
99	458	Vit xỏp đường kính 6.5mm các cỡ loại I	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xỏp đường kính 6.5mm các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-0700 đến 15-0746 AF Medical	105,000	2,100,000
100	459	Nep bán rộng thép không gỉ các cỡ loại II	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Nep bán rộng 12, 14 lỗ, thép không gỉ	10-0812; 10-0816 AF Medical	930,000	9,300,000
101	460	Vit xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	140	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	12,600,000
102	461	Vit xỏp đường kính 6.5mm các cỡ loại II	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xỏp đường kính 6.5mm các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-0700 đến 15-0746 AF Medical	105,000	2,100,000
103	462	Nep bán rộng thép không gỉ các cỡ loại III	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Nep bán rộng 16 lỗ, thép không gỉ	10-0820 AF Medical	940,000	9,400,000
104	463	Vit xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	160	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	14,400,000
105	464	Vit xỏp đường kính 6.5mm các cỡ loại III	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xỏp đường kính 6.5mm các cỡ, thép không gỉ	Từ 15-0700 đến 15-0746 AF Medical	105,000	2,100,000
106	469	Nep chữ T thép không gỉ dùng vít 4.5mm các cỡ VI	Cái	8	Thụy Sĩ	AF Medical	Nep chữ T thép không gỉ dùng vít 4.5mm các cỡ	Từ 10-0920 đến 10-0928 AF Medical	890,000	7,120,000
107	470	Vit xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	64	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	5,760,000
108	473	Nep chữ T thép không gỉ các cỡ, dùng vít 3.5mm loại I	Cái	8	Thụy Sĩ	AF Medical	Nep chữ T thép không gỉ các cỡ, dùng vít 3.5mm	Từ 10-1390 đến 10-1396 AF Medical	452,000	3,616,000
109	474	Vit xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	48	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 3.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0900 đến 15-0966 AF Medical	75,000	3,600,000
110	477	Nep chữ L thép không gỉ trái, phải các cỡ loại I	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical	Nep chữ L thép không gỉ trái, phải các cỡ	Từ 10-0940 đến 10-094608 Từ 10-0948 đến 10-0956 AF Medical	970,000	4,850,000
111	478	Vit xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	40	Thụy Sĩ	AF Medical	Vit xương cứng đường kính 4.5mm, thép không gỉ	Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	3,600,000

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
112	481	Nẹp đầu trên xương cánh tay thép không gỉ 4, 5 lỗ, vít 3.5mm	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical		10-1412 10-1414 AF Medical	1,100,000	11,000,000
113	482	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	50	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 15-0900 đến 15-0966 AF Medical	75,000	3,750,000
114	483	Vít xoắn đường kính 4.0mm các cỡ	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 15-1400 đến 15-1432 AF Medical	100,000	2,000,000
115	484	Nẹp lòng máng thép không gỉ các cỡ loại I	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical		10-1348; 10-1352 AF Medical	270,000	1,350,000
116	485	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	40	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 15-0900 đến 15-0966 AF Medical	75,000	3,000,000
117	486	Nẹp ổ mấu chảy thép không gỉ, trái/phải các cỡ loại I	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 10-1130 đến 10-1148 AF Medical	2,515,000	12,575,000
118	487	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	55	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	4,950,000
119	488	Vít xoắn đường kính 6.5mm các cỡ loại I	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 15-0700 đến 15-0746 AF Medical	105,000	1,050,000
120	489	Nẹp ổ lồi cầu trái, phải thép không gỉ các cỡ loại I	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 10-0988 đến 10-1018 AF Medical	2,800,000	14,000,000
121	490	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	55	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 15-0010 đến 15-0100 AF Medical	90,000	4,950,000
122	491	Vít xoắn đường kính 6.5mm các cỡ loại I	Cái	10	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 15-0700 đến 15-0746 AF Medical	105,000	1,050,000
123	492	Nẹp mắt xích thép không gỉ các cỡ loại I	Cái	400	Thụy Sĩ	AF Medical		10-1852; 10-1856; 10-1860 AF Medical	800,000	320,000,000
124	493	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	4000	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 15-0900 đến 15-0966 AF Medical	75,000	300,000,000
125	506	Đinh nội tủy xương chảy các cỡ	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 05-1492 đến 05-1720 AF Medical	712,000	3,560,000
126	507	Đinh nội tủy xương đùi các cỡ	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical		Từ 05-1236 đến 05-1342 AF Medical	712,000	3,560,000
127	508	Đinh nội tủy có chốt xương đùi dài các cỡ	Cái	40	Thụy Sĩ	GPC Medical		Từ ILF09.30 đến ILF12.48 GPC Medical	3,200,000	128,000,000
128	509	Đinh nội tủy có chốt xương chảy dài các cỡ	Cái	40	Thụy Sĩ	GPC Medical		Từ ITL09.22 đến ITL12.44 GPC Medical	3,200,000	128,000,000
129	510	Vít chốt	Cái	200	Thụy Sĩ	GPC Medical		Từ ILB39.20 đến ILB39.60 Từ ILB49.20 đến ILB49.60 GPC Medical	74,000	14,800,000
130	511	Ốc đẩy đinh (Nắp đinh)	Cái	40	Thụy Sĩ	GPC Medical		ECTF51 GPC Medical	120,000	4,800,000
131	531	Đinh Schanz các cỡ	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical		5-0808-18; 5-0809; 5-0818-18; 5-0820; 5-0830-18; 5-0832 AF Medical	200,000	1,000,000

2/20

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
132	532	Định Steinman các cỡ	Cái	5	Thụy Sĩ	AF Medical	Định Steinman các cỡ	5-0696; 5-0698; 5-0708; 5-0710; 5-0720; 5-0722 AF Medical	180,000	900,000
133	533	Định Kit ne các cỡ	Cái	2000	Thụy Sĩ	AF Medical	Định Kit ne các cỡ	Từ 5-0202 đến 5-0218 AF Medical	63,000	126,000,000
134	536	Mũi khoan các cỡ	Cái	20	Thụy Sĩ	AF Medical	Mũi khoan các cỡ	Từ 1-0010 đến 1-0020 AF Medical	323,400	6,468,000
135	537	Chỉ thép mềm loại I	Cuộn	10	Thụy Sĩ	AF Medical	Chỉ thép mềm, dài 10m	Từ 5-0508 đến 5-0514 AF Medical	440,000	4,400,000
136	539	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	120	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 2.7mm, hộp kim titanium	Từ 16-50206 đến 16-50240 AF Medical	400,000	48,000,000
137	540	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 3.5mm, hộp kim titanium	Từ 16-50414 đến 16-50460 AF Medical	425,000	42,500,000
138	545	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa đường kính 5.0mm, hộp kim titanium	Từ 16-60420 đến 16-60490 AF Medical	425,000	42,500,000
139	553	Vít xóp đường kính 4.0mm loại I	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xóp khóa đường kính 4.0mm, hộp kim titanium	Từ 16-50614 đến 16-50660 AF Medical	425,000	42,500,000
140	559	Vít xóp khóa đường kính 6.5mm loại I	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xóp khóa đường kính 6.5mm, hộp kim titanium	Từ 16-60630 đến 16-60710 AF Medical	620,000	62,000,000
141	565	Vít xóp khóa rỗng nòng 7.3mm loại I	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít khóa rỗng nòng 7.3mm, hộp kim titanium	Từ 16-60830 đến 16-60945 AF Medical	1,100,000	110,000,000
142	572	Vít xương cứng 3.5mm, tự tạc	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 3.5mm, hộp kim titanium	Từ 16-1100 đến 16-1138 AF Medical	200,000	20,000,000
143	579	Vít xương cứng 4.5mm, tự tạc loại V	Cái	100	Thụy Sĩ	AF Medical	Vít xương cứng 4.5mm, hộp kim titanium	Từ 16-0400 đến 16-0488 AF Medical	200,000	20,000,000
Tổng cộng: 143 mặt hàng										9,217,834,000

Bảng chữ: Chín tỷ, hai trăm mười bảy triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng chẵn./.

Đạt

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Hà Nội Trường Sơn

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	582	Khung cố định cánh tay, cẳng tay	Bộ	20	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Tay (kiểu Muller)	CDN-CK8.1	1,420,000	28,400,000
2	583	Khung cố định ngoài cẳng chân	Bộ	30	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài (Cẳng Chân) Muller	CDN-CK1	1,450,000	43,500,000
3	584	Khung cố định ngoài loại 3 thanh	Bộ	10	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Ba Thanh	CDN-CK5	1,790,000	17,900,000
4	585	Khung cố định ngoài chữ T	Bộ	30	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Chữ T	CDN-CK2	1,780,000	53,400,000
5	586	Khung cố định ngoài đầu dưới xương quay	Bộ	20	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Đầu Dưới Xương Quay	CDN-CK8.2	1,890,000	37,800,000
6	587	Khung cố định ngoài gần khớp	Bộ	20	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Gần Khớp	CDN-CK3	2,180,000	43,600,000
7	588	Khung cố định ngoài khung chậu	Bộ	20	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Khung Chậu	CDN-CK7	1,800,000	36,000,000
8	589	Khung cố định ngoài ngón tay	Bộ	20	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Ngón Tay	CDN-CK10	1,100,000	22,000,000
9	590	Khung Cố Định Ngoài Qua Gối	Bộ	20	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Qua Gối	CDN-CK4	2,060,000	41,200,000
10	591	Khung cố định ngoài dạng vòng NDP (Khung cố định ngoài mâm chày)	Bộ	20	Việt nam	Công ty TNHH Cao Khả	Cổ Định Ngoài Mâm Chày (HYBRID)	CND-CK9	2,340,000	46,800,000
Tổng cộng: 10 mặt hàng										370,600,000

Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn./.

Handwritten mark

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần Thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	16	Nẹp khóa mắt xích các cỡ VII	Cái	120	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa mắt xích các cỡ VII	PNM1012-xxx	5,000,000	600,000,000
2	17	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	960	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 3.5mm	PNM2002-xxx	360,000	345,600,000
3	18	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	240	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	PNM2005-xxx	260,000	62,400,000
4	43	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ loại VII	Cái	130	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ loại VII	PNM1019-xxx	5,600,000	728,000,000
5	44	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1040	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 5.0mm	PNM2003-xxx	370,000	384,800,000
6	45	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	260	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	PNM2006-xxx	260,000	67,600,000
7	72	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ loại VIII	Cái	70	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ loại VIII	PNM1010-xxx	3,700,000	259,000,000
8	73	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	700	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 3.5mm	PNM2002-xxx	360,000	252,000,000
9	97	Nẹp khóa bán rộng các cỡ loại VII	Cái	135	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa bán rộng các cỡ loại VII	PNM1020-xxx	6,200,000	837,000,000
10	98	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1620	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 5.0mm	PNM2003-xxx	370,000	599,400,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
11	99	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	270	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	PNM2006-xxx	260,000	70,200,000
12	128	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ loại VIII	Cái	5	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ loại VIII	PNM1005-0xx PNM1005-1xx	7,900,000	39,500,000
13	129	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	50	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 3.5mm	PNM2002-xxx	360,000	18,000,000
14	130	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	15	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 2.7mm	PNM2001-xxx	560,000	8,400,000
15	157	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ loại VII	Cái	30	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ loại VII	PNM1004-xxx	6,600,000	198,000,000
16	158	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	450	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 3.5mm	PNM2002-xxx	360,000	162,000,000
17	159	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	60	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	PNM2005-xxx	260,000	15,600,000
18	177	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ loại V	Cái	30	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ loại V	PNM1011-0xx PNM1011-1xx	5,500,000	165,000,000
19	178	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	240	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 3.5mm	PNM2002-xxx	360,000	86,400,000
20	179	Vít khóa đường kính 2.4mm	Cái	210	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 2.4mm	PNM2021-xxx	835,000	175,350,000
21	183	Nẹp khóa đầu trên xương cẳng tay loại VII	Cái	30	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu trên xương cẳng tay loại VII	PNM1034-0xx PNM1034-1xx	6,600,000	198,000,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
22	184	Vít khóa đường kính 2.4mm	Cái	360	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 2.4mm	PNM2021-xxx	835,000	300,600,000
23	234	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại VIII	Cái	80	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại VIII	PNM1002-0xx PNM1002-1xx	5,900,000	472,000,000
24	235	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	480	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 3.5mm	PNM2002-xxx	360,000	172,800,000
25	236	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	160	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	PNM2005-xxx	260,000	41,600,000
26	237	Nẹp khóa móc xương đòn, các cỡ loại VIV	Cái	18	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa móc xương đòn, các cỡ loại VIV	PNM1003-0xx PNM1003-1xx	6,100,000	109,800,000
27	238	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	126	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 3.5mm	PNM2002-xxx	360,000	45,360,000
28	264	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ loại XVIII	Cái	120	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ loại XVIII	PNM1022-0xx PNM1022-1xx	6,800,000	816,000,000
29	265	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1800	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 5.0mm	PNM2003-xxx	370,000	666,000,000
30	266	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	240	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	PNM2006-xxx	260,000	62,400,000
31	296	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ loại VI	Cái	100	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ loại VI	PNM1021-0xx PNM1021-1xx	7,300,000	730,000,000
32	297	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1200	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 5.0mm	PNM2003-xxx	370,000	444,000,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
33	298	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	200	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	PNM2006-xxx	260,000	52,000,000
34	305	Nẹp khóa đầu trên cổ xương đùi loại VIV	Cái	50	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu trên cổ xương đùi loại VIV	PNM3001-0xx PNM3001-1xx	5,000,000	250,000,000
35	306	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	500	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 5.0mm	PNM2003-xxx	370,000	185,000,000
36	307	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	100	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	PNM2006-xxx	260,000	26,000,000
37	330	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại IV (mặt trong) loại VIII	Cái	80	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại IV (mặt trong) loại VIII	PNM1014-0xx PNM1014-1xx	6,700,000	536,000,000
38	331	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	1200	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 3.5mm	PNM2002-xxx	360,000	432,000,000
39	332	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	160	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	PNM2005-xxx	260,000	41,600,000
40	333	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại IV (mặt ngoài) loại VIV	Cái	50	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại IV (mặt ngoài) loại VIV	PNM1028-0xx PNM1028-1xx	6,700,000	335,000,000
41	334	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	650	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 5.0mm	PNM2003-xxx	370,000	240,500,000
42	335	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	100	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	PNM2006-xxx	260,000	26,000,000
43	359	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ loại VIII	Cái	120	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ loại VIII	PNM1026-0xx PNM1026-1xx	6,400,000	768,000,000
44	360	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1680	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 5.0mm	PNM2003-xxx	370,000	621,600,000
45	361	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	240	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	PNM2006-xxx	260,000	62,400,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
46	408	Nẹp khóa chữ T dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình loại V	Cái	50	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Nẹp khóa chữ T dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình loại V	PNM1029-xxx	2,990,000	149,500,000
47	409	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1080	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa đường kính 5.0mm	PNM2003-xxx	370,000	399,600,000
48	410	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	240	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	PNM2006-xxx	260,000	62,400,000
49	550	Vít khóa rỗng nòng titanium đường kính 6.5mm	Cái	100	Thổ Nhĩ Kỳ	Normmed Medikal Ve Makina sanayi Ticaret Limited sirketi	Vít khóa rỗng nòng titanium đường kính 6.5mm	PNM3018-xxx	1,300,000	130,000,000
Tổng cộng: 49 mặt hàng										13,450,410,000

Bảng chữ: Mười ba tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH đầu tư công nghệ Bách Việt

STT	STT trong HSMST	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	13	Nẹp khóa mài xích các cỡ loại VI	Cái	156	Siora	Án Độ	Locking Re-Construction Plate	Ti.144.xxx	2,730,000	425,880,000
2	14	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	1248	Siora	Án Độ	3.5mm Locking Head Screw	Ti.102.xxx	340,000	424,320,000
3	15	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	624	Siora	Án Độ	Cortical Screw - Self Tapping 3.5 mm	Ti.102.xxx	200,000	124,800,000
4	37	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ loại V	Cái	80	Siora	Án Độ	Narrow locking compression plate	Ti.157.xxx	3,140,000	251,200,000
5	38	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	800	Siora	Án Độ	5.0mm Locking Head Screw	Ti.106.xxx	440,000	352,000,000
6	39	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại V	Cái	320	Siora	Án Độ	Cortical Screw - Self Tapping 4.5 mm	Ti.106.xxx	200,000	64,000,000
7	69	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ loại VII	Cái	65	Siora	Án Độ	Small locking compression plate	Ti.140.xxx	3,000,000	195,000,000
8	70	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	520	Siora	Án Độ	3.5mm Locking Head Screw	Ti.102.xxx	340,000	176,800,000
9	71	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	260	Siora	Án Độ	Cortical Screw - Self Tapping 3.5 mm	Ti.102.xxx	200,000	52,000,000
10	94	Nẹp khóa bán rộng các cỡ loại VI	Cái	90	Siora	Án Độ	Broad locking compression plate	Ti.158.xxx	5,150,000	463,500,000
11	95	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1080	Siora	Án Độ	5.0mm Locking Head Screw	Ti.106.xxx	440,000	475,200,000
12	96	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại VI	Cái	540	Siora	Án Độ	Cortical Screw - Self Tapping 4.5 mm	Ti.106.xxx	200,000	108,000,000
13	124	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, phải/trái loại VII	Cái	5	Siora	Án Độ	Locking Distal Humerus Plate(R/L)	Ti.862.xxx	4,050,000	20,250,000
14	125	Vít khóa xương cứng 2.7 mm, tự taro	Cái	15	Siora	Án Độ	Locking head screw-self tapping, 2.7mm	Ti.101.xxx	350,000	5,250,000
15	126	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	30	Siora	Án Độ	3.5mm Locking Head Screw	Ti.102.xxx	340,000	10,200,000
16	127	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	15	Siora	Án Độ	Cortical Screw - Self Tapping 3.5 mm	Ti.102.xxx	200,000	3,000,000
17	154	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ loại VI	Cái	15	Siora	Án Độ	PHMA Locking plate	Ti.861.xxx	4,050,000	60,750,000
18	155	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	120	Siora	Án Độ	3.5mm Locking Head Screw	Ti.102.xxx	340,000	40,800,000
19	156	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	30	Siora	Án Độ	Cortical Screw - Self Tapping 3.5 mm	Ti.102.xxx	200,000	6,000,000
20	227	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại VI	Cái	30	Siora	Án Độ	Calvical Locking plate	Ti.877.xxx	4,150,000	124,500,000

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
21	228	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	240	Siora	Ấn Độ	3.5mm Locking Head Screw	Ti.102.xxx	340,000	81,600,000
22	229	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	120	Siora	Ấn Độ	Cortical Screw - Self Tapping 3.5 mm	Ti.102.xxx	200,000	24,000,000
23	230	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn loại VII	Cái	10	Siora	Ấn Độ	Locking superior anterior Clavicle Plate	Ti.868.xxx	4,150,000	41,500,000
24	231	Vít khóa xương cứng 2.7 mm, tự tào	Cái	20	Siora	Ấn Độ	Locking head screw-self tapping, 2.7mm	Ti.101.xxx	350,000	7,000,000
25	232	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	60	Siora	Ấn Độ	3.5mm Locking Head Screw	Ti.102.xxx	340,000	20,400,000
26	233	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	20	Siora	Ấn Độ	Cortical Screw - Self Tapping 3.5 mm	Ti.102.xxx	200,000	4,000,000
27	261	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ loại XVII	Cái	120	Siora	Ấn Độ	Locking - Distal femur plate	Ti.853.xxx	5,880,000	705,600,000
28	262	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1920	Siora	Ấn Độ	5.0mm Locking Head Screw	Ti.106.xxx	440,000	844,800,000
29	263	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào loại XVII	Cái	720	Siora	Ấn Độ	Cortical Screw - Self Tapping 4.5 mm	Ti.106.xxx	200,000	144,000,000
30	292	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ loại V	Cái	85	Siora	Ấn Độ	Proximal Femur Bone Plate	Ti.870.xxx	5,660,000	481,100,000
31	294	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	765	Siora	Ấn Độ	5.0mm Locking Head Screw	Ti.106.xxx	440,000	336,600,000
32	295	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào loại V	Cái	255	Siora	Ấn Độ	Cortical Screw - Self Tapping 4.5 mm	Ti.106.xxx	200,000	51,000,000
33	328	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại VII	Cái	10	Siora	Ấn Độ	Locking distal tibia plate	Ti.854.xxx	4,050,000	40,500,000
34	329	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	120	Siora	Ấn Độ	5.0mm Locking Head Screw	Ti.106.xxx	440,000	52,800,000
35	356	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ loại VII	Cái	120	Siora	Ấn Độ	Lateral tibial head buttress plate	Ti.165.xxxR/ Ti -165.xxxL	5,160,000	619,200,000
36	357	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1200	Siora	Ấn Độ	5.0mm Locking Head Screw	Ti.106.xxx	440,000	528,000,000
37	358	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào loại VII	Cái	480	Siora	Ấn Độ	Cortical Screw - Self Tapping 4.5 mm	Ti.106.xxx	200,000	96,000,000
38	442	Nẹp bán hẹp thép không gỉ các cỡ loại IV	Cái	38	Siora	Ấn Độ	DCP Plate Narrow	157.xxx	515,000	19,570,000
39	443	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	456	Siora	Ấn Độ	4.5mm Cortical Screw	106.xxx	79,000	36,024,000
40	452	Nẹp bán nhỏ thép không gỉ các cỡ loại VIII	Cái	170	Siora	Ấn Độ	DCP Plate Small	140.xxx	440,000	74,800,000
41	453	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	1700	Siora	Ấn Độ	3.5mm Cortical Screw	102.xxx	70,000	119,000,000
42	465	Nẹp bán rộng thép không gỉ các cỡ loại IV	Cái	38	Siora	Ấn Độ	DCP Plate Broad	158.xxx	698,000	26,524,000
43	466	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	608	Siora	Ấn Độ	4.5mm Cortical Screw	106.xxx	79,000	48,032,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
44	494	Nẹp mắt xích thép không gỉ các cỡ loại I	Cái	900	Siora	Ấn Độ	Locking reconstruction plate	144.xxx-145.xxx	645,000	580,500,000
45	495	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	9000	Siora	Ấn Độ	3.5mm Cortical Screw	102.xxx	70,000	630,000,000
46	535	Đinh Kitzner các loại, các cỡ loại III	Cái	9000	Siora	Ấn Độ	Kitzner	185.xxx	54,000	486,000,000
47	543	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	360	Siora	Ấn Độ	3.5mm Locking Head Screw	Ti.102.xxx	340,000	122,400,000
48	544	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	40	Siora	Ấn Độ	5.0mm Locking Head Screw	Ti.106.xxx	440,000	17,600,000
49	548	Vít khóa xương xóp 5.0 mm	Cái	100	Siora	Ấn Độ	5.0 Locking Cancellous screw	Ti.110.xxx	510,000	51,000,000
50	549	Vít khóa xương xóp 4.0 mm	Cái	100	Siora	Ấn Độ	4.0 Locking Cancellous screw	Ti.105.xxx	455,000	45,500,000
51	556	Vít xóp đường kính 4.0mm các cỡ	Cái	700	Siora	Ấn Độ	4.0 Cancellous screw	104.xxx	95,000	66,500,000
52	564 VI	Vít xóp đường kính 6.5mm các cỡ loại VI	Cái	150	Siora	Ấn Độ	6.5 Cancellous screw	109.xxx	105,000	15,750,000
53	574	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	410	Siora	Ấn Độ	Cortical Screw - Self Tapping 3.5 mm	Ti.102.xxx	200,000	82,000,000
54	577	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào loại II	Cái	90	Siora	Ấn Độ	Cortical Screw - Self Tapping 4.5 mm	Ti.106.xxx	200,000	18,000,000
Tổng cộng: 54 mặt hàng										9,900,750,000

Bảng chữ: Chín tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 28/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Hà Nội IEC

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Nẹp khóa mắt xích các cỡ loại I	Cái	5	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa mắt xích, các cỡ, Titan	750.5981xx	7,200,000	36,000,000
2	2	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	70	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	33,600,000
3	22	Nẹp khóa ổ mâm chày ngoài, trong, phải, trái, các cỡ	Cái	15	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa ổ mâm chày ngoài, trong, phải, trái, các cỡ, Titan	900.596xxx/ 750.596xxx	9,300,000	139,500,000
4	23	Vít khóa 4.5mm, các cỡ	Cái	105	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	500,000	52,500,000
5	24	Vít nén ép 4.5 mm, các cỡ	Cái	60	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	480,000	28,800,000
6	25	Vít khóa 5.5mm, xương xốp, các cỡ	Cái	60	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 5.5mm, xương xốp, các cỡ, titan	750.3560xx	510,000	30,600,000
7	26	Nẹp khóa bán hẹp, các cỡ loại I	Cái	20	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa bán hẹp, các cỡ, Titan	900.5351xx	7,900,000	158,000,000
8	27	Vít khóa 4.5mm, các cỡ	Cái	180	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	500,000	90,000,000
9	28	Vít nén ép 4.5 mm, các cỡ	Cái	100	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	480,000	48,000,000
10	52	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ loại I	Cái	20	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa bán nhỏ, thẳng, các cỡ, Titan	900.5250xx	5,100,000	102,000,000
11	53	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	160	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	76,800,000
12	54	Vít nén ép 3.5 mm, các cỡ	Cái	120	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	450,000	54,000,000
13	80	Nẹp khóa bán rộng các cỡ loại I	Cái	18	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa bán rộng, các cỡ, Titan	900.5352xx	8,900,000	160,200,000
14	81	Vít khóa 4.5mm, các cỡ	Cái	144	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	500,000	72,000,000
15	82	Vít nén ép 4.5 mm, các cỡ	Cái	108	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	480,000	51,840,000
16	103	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, phải/trái loại I	Cái	5	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, phải, trái các cỡ, Titan	750.59xxxx	8,500,000	42,500,000
17	104	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	70	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	33,600,000
18	105	Vít nén ép 3.5 mm, các cỡ	Cái	15	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	450,000	6,750,000
19	139	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ loại I	Cái	5	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, các cỡ, Titan	900.590xxx	8,600,000	43,000,000
20	140	Vít khóa 4.5mm, các cỡ	Cái	30	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	500,000	15,000,000

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
21	141	Vít nén ép 4,5 mm, các cỡ	Cái	15	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	480,000	7,200,000
22	142	Vít khóa 5.5mm, xương xốp, các cỡ	Cái	25	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 5.5mm, xương xốp, các cỡ, titan	750.3560xx	510,000	12,750,000
23	166	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ loại I	Cái	5	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, các cỡ, titan	750.592xxx	6,200,000	31,000,000
24	167	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	20	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	9,600,000
25	168	Vít nén ép 3.5 mm, các cỡ	Cái	40	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	450,000	18,000,000
26	197	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại IV	Cái	5	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại, trái phải, các cỡ, Titan	750.598xxx	7,200,000	36,000,000
27	198	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	25	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	12,000,000
28	199	Vít nén ép 3.5 mm, các cỡ	Cái	20	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	450,000	9,000,000
29	200	Nẹp khóa móc xương đòn, các cỡ loại V	Cái	2	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa móc xương đòn, trái phải các cỡ, Titan	900.596xxx	8,300,000	16,600,000
30	201	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	16	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	7,680,000
31	202	Vít nén ép 3.5 mm, các cỡ	Cái	2	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	450,000	900,000
32	245	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ loại XII	Cái	8	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, phải trái, các cỡ, Titan	900.594xxx	9,300,000	74,400,000
33	246	Vít khóa 4.5mm, các cỡ	Cái	56	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	500,000	28,000,000
34	247	Vít nén ép 4.5 mm, các cỡ	Cái	32	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít nén ép 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	480,000	15,360,000
35	248	Vít khóa 5.5mm, xương xốp, các cỡ	Cái	56	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 5.5mm, xương xốp, các cỡ, titan	750.3560xx	510,000	28,560,000
36	273	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, các cỡ, titan loại I	Cái	10	CHLB Đức, G7	MAHE	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, các cỡ, titan	004-047-xxx/ 104-004-047-xxx	12,000,000	120,000,000
37	274	Vít khóa rỗng nông, xương xốp, 7.3mm, các cỡ loại I	Cái	20	CHLB Đức, G7	MAHE	Vít khóa rỗng nông, xương xốp, 7.3mm, các cỡ, titan	004-045-xxx/ 104-004-045-xxx	2,100,000	42,000,000
38	275	Vít khóa xương xốp 5.0mm, các cỡ loại I	Cái	10	CHLB Đức, G7	MAHE	Vít khóa xương xốp 5.0mm, các cỡ, titan	004-045-xxx/ 104-004-045-xxx	1,100,000	11,000,000
39	276	Vít khóa 5.0mm, các cỡ	Cái	90	CHLB Đức, G7	MAHE	Vít khóa 5.0mm, các cỡ, titan	004-044-1xx/ 104-004-044-1xx	650,000	58,500,000
40	277	Vít nén 4.5mm, các cỡ loại I	Cái	30	CHLB Đức, G7	MAHE	Vít nén 4.5mm, các cỡ, titan	001-0008-0xx/ 104-001-0008-0xx	650,000	19,500,000
41	308	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại I	Cái	5	CHLB Đức, G7	Intercus	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong, ngoài, các cỡ, Titan	900.596xxx 750.596xxx 750.597xxx	10,400,000	52,000,000
42	309	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	100	CHLB Đức, G7	Intercus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	48,000,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
43	310	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ	Cái	5	CHLB Đức, G7	Intericus	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	450,000	2,250,000
44	311	Vít khóa 4,5mm, các cỡ	Cái	40	CHLB Đức, G7	Intericus	Vít khóa 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	500,000	20,000,000
45	312	Vít nén ép 4,5 mm, các cỡ	Cái	25	CHLB Đức, G7	Intericus	Vít nén ép 4,5 mm, các cỡ, Titan	750.34xxxx	480,000	12,000,000
46	313	Vít khóa 5.5mm, xương xộp, các cỡ	Cái	25	CHLB Đức, G7	Intericus	Vít khóa 5.5mm, xương xộp, các cỡ, titan	750.3560xx	510,000	12,750,000
47	368	Nẹp khóa xương gồ, đa trục, các cỡ, titan loại I	Cái	8	CHLB Đức, G7	Intericus	Nẹp khóa xương gồ, đa trục, các cỡ, titan	750.598xxx	12,500,000	100,000,000
48	369	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	120	CHLB Đức, G7	Intericus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	57,600,000
49	384	Nẹp khóa xương mác các loại, các cỡ, titan loại I	Cái	2	CHLB Đức, G7	Intericus	Nẹp khóa xương mác các loại, các cỡ, titan	750.597xxx	7,400,000	14,800,000
50	385	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ	Cái	20	CHLB Đức, G7	Intericus	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	480,000	9,600,000
51	386	Vít khóa 3.5mm, các cỡ	Cái	2	CHLB Đức, G7	Intericus	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, Titan	750.33xxxx	450,000	900,000
Tổng cộng: 51 mặt hàng										2,162,640,000

Bảng chữ: Hai tỷ, một trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VP ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Medison Việt Nam

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	10	Nẹp khóa tái cấu trúc các cỡ (nẹp khóa mắt xích)	Cái	150	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa tái cấu trúc các cỡ (nẹp khóa mắt xích)	SDZB - A 201	3,590,000	538,500,000
2	11	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	300	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	HAQ03	209,000	62,700,000
3	12	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	900	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 3.5mm	SDSL	348,000	313,200,000
4	40	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ loại VI	Cái	184	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ	SDZB - A 203	3,690,000	678,960,000
5	41	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào loại VI	Cái	552	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào	HAQ03	209,000	115,368,000
6	42	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1840	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 5.0mm	SDSL	448,000	824,320,000
7	63	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ loại V	Cái	160	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ	SDZB - 202	3,690,000	590,400,000
8	64	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	480	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	HAQ03	209,000	100,320,000
9	65	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	1280	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 3.5mm	SDSL	348,000	445,440,000
10	91	Nẹp khóa bán rộng các cỡ loại V	Cái	200	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa bán rộng các cỡ	SDZB - A 204	6,000,000	1,200,000,000
11	92	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào loại VI	Cái	600	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào	HAQ03	209,000	125,400,000
12	93	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	2400	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 5.0mm	SDSL	448,000	1,075,200,000
13	151	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ loại V	Cái	80	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	SDJP - A 016	4,190,000	335,200,000
14	152	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	240	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	HAQ03	209,000	50,160,000
15	153	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	960	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 3.5mm	SDSL	348,000	334,080,000
16	174	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ loại I	Cái	160	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	SDJP - 004	4,140,000	662,400,000
17	175	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	480	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	HAQ03	209,000	100,320,000
18	176	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	960	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 3.5mm	SDSL	348,000	334,080,000
19	224	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại V	Cái	120	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa xương đòn các cỡ	SDJP - A 079	4,490,000	538,800,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
20	225	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	240	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	HAQ03	209,000	50,160,000
21	226	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	720	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 3.5mm	SDSL	348,000	250,560,000
22	258	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ loại XVI	Cái	300	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	SDJP - A 043	6,048,000	1,814,400,000
23	259	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại XVI	Cái	1500	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	HAQ03	209,000	313,500,000
24	260	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	4200	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 5.0mm	SDSL	448,000	1,881,600,000
25	288	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ loại IV	Cái	450	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	SDJP - A 047	5,798,000	2,609,100,000
26	289	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại IV	Cái	1350	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	HAQ03	209,000	282,150,000
27	290	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	4500	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 5.0mm	SDSL	448,000	2,016,000,000
28	291	Vít rỗng khóa loại IV	Cái	1350	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít rỗng khóa	SDKL	1,280,000	1,728,000,000
29	325	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại II (quy định xoắn theo cấu trúc xương, 0m khi) loại VI	Cái	360	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ	SDJP - A 027	3,995,000	1,438,200,000
30	326	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại VI	Cái	1080	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	HAQ03	209,000	225,720,000
31	327	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	4320	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 5.0mm	SDSL	448,000	1,935,360,000
32	353	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ loại VI	Cái	435	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ	SDJP - A 037	5,210,000	2,266,350,000
33	354	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại VI	Cái	1305	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	HAQ03	209,000	272,745,000
34	355	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	5220	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 5.0mm	SDSL	448,000	2,338,560,000
35	378	Nẹp khóa xương gối loại V	Cái	20	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa xương gối	SDJP - A 065/SDJP A 066	5,500,000	110,000,000
36	379	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	40	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	HAQ03	209,000	8,360,000
37	380	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	200	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 3.5mm	SDSL	348,000	69,600,000
38	395	Nẹp khóa đầu dưới xương mác (có thể dùng nẹp khóa mắt xích hoặc tự liên, chỉ một số trường hợp mới dùng dùng nẹp khóa đầu dưới xương mác) loại IV	Cái	10	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	SDJP A- 034	4,200,000	42,000,000
39	396	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	20	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	HAQ03	209,000	4,180,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
40	397	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	100	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 3.5mm	SDSL	348,000	34,800,000
41	525	Đỉnh nôi tủy rỗng nông xương dùi đa phương diện loại II	Cái	12	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Đỉnh nôi tủy rỗng nông xương dùi đa phương diện	SZF	4,640,000	55,680,000
42	526	Vít khóa đỉnh các cỡ	Cái	24	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đỉnh các cỡ	MD	390,000	9,360,000
43	527	Vít chốt khóa	Cái	12	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít chốt khóa	HD	640,000	7,680,000
44	528	Đỉnh nôi tủy rỗng nông xương chày đa phương diện loại II	Cái	140	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Đỉnh nôi tủy rỗng nông xương chày đa phương diện	SZE	4,640,000	649,600,000
45	529	Vít khóa đỉnh các cỡ	cái	720	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đỉnh các cỡ	MD	390,000	280,800,000
46	530	Vít chốt khóa	Cái	140	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít chốt khóa	HD	640,000	89,600,000
47	541	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	100	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 3.5mm	SDSL	348,000	34,800,000
48	546	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	100	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít khóa đường kính 5.0mm	SDSL	448,000	44,800,000
49	560	Vít xóp đường kính 6.5mm loại II	Cái	40	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xóp đường kính 6.5mm	HBQ	150,000	6,000,000
50	566	Vít xóp rỗng đường kính 7.3 mm loại II	Cái	50	Trung Quốc	Beijing Libier Bioengineering Institute Co.,Ltd	Vít xóp rỗng đường kính 7.3 mm	HK01	2,700,000	135,000,000
Tổng cộng: 50 mặt hàng										29,429,513,000

Bảng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	534	Định Kitsner các loại, các cỡ loại II	cái	95	Mikromed	Mikromed/Ba Lan	311xxx, 312xxx	Ba Lan	72,000	6,840,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										6,840,000
Bảng chữ: Sáu triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn/.										

52

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH TM và DVKT Tài Lộc

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	444	Nẹp bán hẹp thép không gỉ các cỡ loại V	Cái	15	Ấn Độ	Sharma	DYNAMIC COMPRESSION PLATE (DCP) NARROW	SP05.SSxxx	515,000	7,725,000
2	445	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	210	Ấn Độ	Sharma	CORTICAL SCREW 4.5MM	SP05.SSxxx	76,500	16,065,000
3	454	Nẹp bán nhỏ thép không gỉ các cỡ loại IX	Cái	35	Ấn Độ	Sharma	DYNAMIC COMPRESSION PLATE (DCP) SMALL	SP05.SSxxx	440,000	15,400,000
4	455	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	490	Ấn Độ	Sharma	CORTICAL SCREW 3.5MM	SP05.SSxxx	63,000	30,870,000
5	467	Nẹp bán rộng thép không gỉ các cỡ loại V	Cái	12	Ấn Độ	Sharma	DYNAMIC COMPRESSION PLATE (DCP) BROAD	SP05.SSxxx	616,000	7,392,000
6	468	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	168	Ấn Độ	Sharma	CORTICAL SCREW 4.5MM	SP05.SSxxx	76,500	12,852,000
7	479	Nẹp chữ L thép không gỉ trái, phải các cỡ loại II	Cái	5	Ấn Độ	Sharma	SMALL L-PLATE (LEFT, RIGHT)	SP05.SSxxx	680,000	3,400,000
8	480	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	30	Ấn Độ	Sharma	CORTICAL SCREW 3.5MM	SP05.SSxxx	63,000	1,890,000
9	496	Nẹp mắt xích thép không gỉ các cỡ loại II	Cái	60	Ấn Độ	Sharma	RECONSTRUCTION PLATE	SP05.SSxxx	585,000	35,100,000
10	497	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	600	Ấn Độ	Sharma	CORTICAL SCREW 3.5MM	SP05.SSxxx	63,000	37,800,000
11	554	Vít xoắn đường kính 4.0mm các cỡ	Cái	50	Ấn Độ	Sharma	CANCELLOUS SCREW 4.0 MM	SP05.SSxxx	85,000	4,250,000
12	562	Vít xoắn đường kính 6.5mm loại IV	Cái	50	Ấn Độ	Sharma	CANCELLOUS SCREW 6.5 MM	SP05.SSxxx	98,000	4,900,000
13	571	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	50	Ấn Độ	Sharma	CORTICAL SCREW 3.5MM	SP05.SSxxx	63,000	3,150,000
14	578	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	50	Ấn Độ	Sharma	CORTICAL SCREW 4.5MM	SP05.SSxxx	76,500	3,825,000
Tổng cộng										184,619,000

Bảng chữ: 14 mặt hàng

Bảng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng chẵn./.

Mr

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH XNK TMTH An Phú Mỹ

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	8	Nẹp khóa mắt xích các cỡ loại IV	Cái	180	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa mắt xích. Vật liệu titanium	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 225510xx	4,500,000	810,000,000
2	9	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	1500	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	750,000,000
3	34	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ loại IV	Cái	200	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa bán hẹp cỡ loại nén ép. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 225210xx	4,050,000	810,000,000
4	35	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1840	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 5.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314520xx	550,000	1,012,000,000
5	36	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào loại IV	Cái	368	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 4.5mm, tự tào. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395279xx	150,000	55,200,000
6	60	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ loại IV	Cái	80	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp bán nhỏ mỏng, dày 3.0mm	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 260010xx	3,200,000	256,000,000
7	61	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	640	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	320,000,000
8	62	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	160	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	19,200,000
9	66	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ loại VI	Cái	135	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa bán nhỏ loại 3.6mm các cỡ. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 225010xx	3,060,000	413,100,000
10	67	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	1080	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	540,000,000
11	68	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào	Cái	270	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự tào. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	32,400,000
12	88	Nẹp khóa bán rộng các cỡ loại IV	Cái	200	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa bán rộng cỡ loại nén ép. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 225870xx	5,200,000	1,040,000,000
13	89	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1750	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 5.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314520xx	550,000	962,500,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
14	90	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại IV	Cái	350	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395279xx	150,000	52,500,000
15	116	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ loại V	Cái	40	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, mặt trong, mặt ngoài, có nén ép, các cỡ. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22594xxx 22579xxx	5,800,000	232,000,000
16	117	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	160	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 2.7mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 325800xx	500,000	80,000,000
17	118	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	240	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	120,000,000
18	119	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	80	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	9,600,000
19	148	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ loại IV	Cái	65	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, có nén ép, các cỡ. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 225080xx, 225090xx	6,800,000	442,000,000
20	149	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	780	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	390,000,000
21	150	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	130	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	15,600,000
22	171	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ loại III	Cái	110	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu dưới xương quay chữ T các cỡ, có nén ép. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 225570xx	3,000,000	330,000,000
23	172	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	660	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 2.7mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 325800xx	500,000	330,000,000
24	173	Vít xương cứng đường kính 2.7mm loại III	Cái	110	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng đường kính 2.7mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 303750xx	150,000	16,500,000
25	188	Nẹp khóa đầu trên xương cẳng tay (Nẹp khóa mỏm khuỷu) các cỡ loại I	Cái	24	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa mỏm khuỷu có nén ép. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22573xxx	6,800,000	163,200,000
26	189	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	192	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	96,000,000
27	190	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	48	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	5,760,000
28	215	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại II	Cái	70	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa chữ S xương đòn, trái/phải các cỡ. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22554xxx	4,300,000	301,000,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
29	216	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	560	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	280,000,000
30	217	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ loại III	Cái	50	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22578xxx	6,800,000	340,000,000
31	218	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	250	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 2.7mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 325800xx	500,000	125,000,000
32	219	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	250	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	125,000,000
33	220	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	100	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	12,000,000
34	221	Nẹp khóa xương đòn tái tạo mặt trước trên loại IV	Cái	30	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa xương đòn tái tạo mặt trước trên. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22563xxx	6,800,000	204,000,000
35	222	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	180	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	90,000,000
36	223	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	60	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	7,200,000
37	255	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ loại XV	Cái	230	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22577xxx	6,500,000	1,495,000,000
38	256	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	2760	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 5.0mm, vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314520xx	550,000	1,518,000,000
39	257	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại XV	Cái	690	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro, vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395279xx	150,000	103,500,000
40	285	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ loại IV	Cái	115	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, có nén ép. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22575xxx	6,500,000	747,500,000
41	286	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1610	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 5.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314520xx	550,000	885,500,000
42	287	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại IV	Cái	345	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro, vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395279xx	150,000	51,750,000
43	322	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại V	Cái	162	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22574xxx, 22561xxx	6,000,000	972,000,000
44	323	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	1944	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 5.0mm, vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	972,000,000

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
45	324	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	486	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	58,320,000
46	349	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ loại V	Cái	300	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong/ngoài/ trái/ phải các loại. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22526xxx, 22591xxx, 22589xxx	6,000,000	1,800,000,000
47	350	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	3000	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 5.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314520xx	550,000	1,650,000,000
48	351	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại V	Cái	600	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395279xx	150,000	90,000,000
49	352	Vít xoắn đường kính 6.5mm loại V	Cái	600	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương xoắn đường kính 6.5. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 304051xx 304072xx 304062xx	220,000	132,000,000
50	375	Nẹp khóa xương gối, các cỡ loại IV	Cái	26	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa xương gối chân các loại. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 225980xx	6,300,000	163,800,000
51	376	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	312	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	156,000,000
52	377	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	52	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	6,240,000
53	390	Nẹp khóa đầu dưới xương mác loại III	Cái	138	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa đầu dưới xương mác/ trái/ phải các loại. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 22550xxx	4,200,000	579,600,000
54	391	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	690	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 2.7mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 325800xx	500,000	345,000,000
55	392	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	690	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 3.5mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314510xx	500,000	345,000,000
56	393	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	276	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	33,120,000
57	394	Vít xoắn đường kính 4.0mm	Cái	138	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương xoắn đường kính 4.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 304032xx 304031xx	160,000	22,080,000
58	416	Nẹp khóa thẳng các cỡ chất liệu titanium loại I	Cái	20	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa thẳng các cỡ, vít 2.7mm, chất liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 242060xx	2,000,000	40,000,000
59	417	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	120	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 2.7mm	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 325800xx	500,000	60,000,000
60	418	Nẹp khóa thẳng (nẹp bản ngón), vít 2.0mm, chất liệu titanium các cỡ loại II	Cái	86	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa thẳng, vít 2.0mm, chất liệu titanium	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 294754xx	1,800,000	154,800,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
61	419	Vít khóa đường kính 2.0mm	Cái	430	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 2.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 394756xx	550,000	236,500,000
62	498	Nẹp bản ngón sử dụng vít 2.0mm loại I	Cái	50	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp bản ngón sử dụng vít 2.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 20110xx	1,050,000	52,500,000
63	499	Vít xương cứng đường kính 2.0mm loại I	Cái	300	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng đường kính 2.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 394755xx	150,000	45,000,000
64	500	Nẹp chữ L, T các loại sử dụng vít 2.0mm loại I	Cái	65	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp chữ L các loại sử dụng vít 2.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 2013xxxx	1,300,000	84,500,000
65	501	Vít xương cứng đường kính 2.0mm loại II	Cái	325	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng đường kính 2.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 394755xx	150,000	48,750,000
66	502	Nẹp mắt xích thẳng (titanium)	Cái	120	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp mắt xích thẳng các cỡ vít 3.5. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 201160xx	1,200,000	144,000,000
67	503	Nẹp khóa chữ T,Y, vít 2.0mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	30	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Nẹp khóa chữ T,Y vít 2.0mm, chất liệu titanium	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 29476xxx	3,150,000	94,500,000
68	504	Vít khóa đường kính 2.0mm	Cái	50	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 2.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 394756xx	550,000	27,500,000
69	505	Vít xương cứng đường kính 2.0mm	Cái	50	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng đường kính 2.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 394755xx	150,000	7,500,000
70	514	Đinh nội tủy rỗng nông xương chày đa phương diện loại I	Cái	200	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Đinh nội tủy rỗng nông Neogen xương chày đa phương diện. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 3314xxxx	7,000,000	1,400,000,000
71	515	Vít chốt khóa	Cái	700	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít chốt khóa đường kính từ 4.5 đến 5.0mm dùng với đinh nội tủy rỗng nông Neogen	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 331110xx, 331120xx	700,000	490,000,000
72	516	Vít nấp đinh dùng với đinh nội tủy rỗng nông I	Cái	200	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít nấp đinh dùng với đinh nội tủy rỗng nông Neogen	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 331100xx	360,000	72,000,000
73	517	Đinh nội tủy rỗng nông xương đùi đa phương diện loại I	Cái	134	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Đinh nội tủy rỗng nông xương đùi đa phương diện	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 3310xxxx	7,000,000	938,000,000
74	518	Vít chốt khóa	Cái	268	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít chốt khóa đường kính từ 4.5 đến 5.0mm dùng với đinh nội tủy rỗng nông Neogen	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 331110xx, 331120xx	700,000	187,600,000
75	519	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy rỗng nông	Cái	268	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy rỗng nông Neogen	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 331130xx	1,350,000	361,800,000
76	520	Vít nấp đinh dùng với đinh nội tủy rỗng nông	Cái	134	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít nấp đinh dùng với đinh nội tủy rỗng nông Neogen	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 331100xx	360,000	48,240,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
77	521	Đinh nội tủy cổ xương đùi loại I	Cái	40	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Đinh nội tủy rỗng nông xương đùi đa phương diện	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 328050xx 395911xx	13,480,000	539,200,000
78	522	Vít chốt cổ xương đùi	Cái	40	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy rỗng nông Neogen	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 328010xx	2,495,000	99,800,000
79	523	Vít chốt khóa	Cái	40	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít chốt khóa đường kính từ 4.5 đến 5.0mm dùng với đinh nội tủy rỗng nông Neogen	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 3311xxxx	595,000	23,800,000
80	524	Vít nắp đinh loại III	Cái	40	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít nắp đinh dùng với đinh nội tủy rỗng nông Neogen	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 328060xx	400,000	16,000,000
81	538	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	20	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít khóa đường kính 2.7mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 325800xx	500,000	10,000,000
82	555	Vít xoắn đường kính 4.0mm loại III	Cái	400	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương xoắn đường kính 4.0mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 304032xx, 304031xx	160,000	64,000,000
83	563	Vít xoắn đường kính 6.5mm loại V	Cái	200	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương xoắn đường kính 6.5. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 304072xx, 304062xx, 304051xx	220,000	44,000,000
84	567	Vít xoắn rỗng	Cái	195	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xoắn rỗng. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 314210xx, 314050xx, 314110xx, 314010xx, 314040xx	1,275,000	248,625,000
85	568	Vít xoắn rỗng nông 2 bước ren các cỡ	Cái	100	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xoắn rỗng nông 2 bước ren các cỡ	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 3146xxxx	2,800,000	280,000,000
86	569	Long đen các cỡ, vật liệu titan	Cái	200	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Long đen các cỡ, vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 3140x000, 31410000, 39781000	120,000	24,000,000
87	570	Vít xương cứng đường kính 2.7mm	Cái	20	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng đường kính 2.7mm. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 303750xx	150,000	3,000,000
88	573	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	200	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395135xx	120,000	24,000,000
89	580	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại VI	Cái	200	Trung Quốc	Kanghui Medtronic	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro. Vật liệu titan	Kanghui Medtronic/ Mỹ - Trung Quốc 395279xx	150,000	30,000,000
Tổng cộng: 89 mặt hàng										28,813,785,000

Bảng chữ: Hai mươi tám tỷ, tám trăm mười ba triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 23/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Liên danh Công ty cổ phần Tràng Thi và Công ty TNHH thiết bị y tế Hà Ninh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	19	Nep khóa mắt xích các cỡ VIII	Cái	30	Đức	MAT GmbH	Nep khóa mắt xích các cỡ	3-12xx	4,990,000	149,700,000
2	20	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	210	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	109,200,000
3	21	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	60	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	18,000,000
4	49	Nep khóa bán hẹp các cỡ loại VIV	Cái	30	Đức	MAT GmbH	Nep khóa bán hẹp các cỡ	3-60xx	3,990,000	119,700,000
5	50	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	300	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 5.0mm	3-41xx; 3-50xx	540,000	162,000,000
6	51	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại VIV	Cái	60	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	3-40xx	350,000	21,000,000
7	77	Nep khóa bán nhỏ các cỡ loại X	Cái	30	Đức	MAT GmbH	Nep khóa bán nhỏ các cỡ	3-11xx	3,690,000	110,700,000
8	78	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	240	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	124,800,000
9	79	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	60	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	18,000,000
10	100	Nep khóa bán rộng các cỡ loại VIII	Cái	30	Đức	MAT GmbH	Nep khóa bán rộng các cỡ	3-61xx	5,690,000	170,700,000
11	101	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	450	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 5.0mm	3-41xx; 3-50xx	540,000	243,000,000
12	102	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại VIII	Cái	60	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	3-40xx	350,000	21,000,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
13	135	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ loại X	Cái	5	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ	3-13xx; 3-14xx; 3-15xx; 3-16xx; 3-17xx; 3-18xx; 3-19xx	6,390,000	31,950,000
14	136	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	20	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 2.7mm	3-00xx	400,000	8,000,000
15	137	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	30	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	15,600,000
16	138	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	10	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	3,000,000
17	163	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ loại VTV	Cái	15	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	3-22xx	6,590,000	98,850,000
18	164	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	150	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	78,000,000
19	165	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	30	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	9,000,000
20	180	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ loại VI	Cái	35	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	3-21xx; 3-10xx	5,490,000	192,150,000
21	181	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	245	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	127,400,000
22	182	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	70	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	21,000,000
23	194	Nẹp khóa mỏm khuỷu loại III	Cái	5	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa mỏm khuỷu	3-20xx; 3-21xx	6,050,000	30,250,000
24	195	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	60	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	31,200,000
25	196	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	10	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	3,000,000
26	239	Nẹp khóa xương đòn các cỡ loại X	Cái	10	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa xương đòn các cỡ	3-33xx	5,590,000	55,900,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
27	240	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	70	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	36,400,000
28	241	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	20	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	6,000,000
29	242	Nẹp khóa xương đòn đầu ngoài các cỡ trái/ phải loại XI	Cái	20	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa xương đòn đầu ngoài các cỡ trái/phải	3-33xx	5,590,000	111,800,000
30	243	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	80	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	41,600,000
31	244	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	40	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	12,000,000
32	270	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ loại XX	Cái	40	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	3-68xx; 3-69xx; 3-70xx; 3-71xx	6,790,000	271,600,000
33	271	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	560	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 5.0mm	3-41xx; 3-50xx	540,000	302,400,000
34	272	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	Cái	80	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	3-40xx	350,000	28,000,000
35	301	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ loại VIII	Cái	25	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	3-72xx; 3-73xx	7,690,000	192,250,000
36	302	Vít khóa đường kính 7.3mm loại VIII	Cái	50	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 7.3mm	3-52xx; 3-53xx; 3-54xx; 3-55xx	1,500,000	75,000,000
37	303	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	250	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 5.0mm	3-41xx; 3-50xx	540,000	135,000,000
38	304	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại VIII	Cái	50	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	3-40xx	350,000	17,500,000
39	336	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ loại X	Cái	30	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ	3-27xx; 3-28xx; 3-29xx; 3-30xx; 3-31xx	5,990,000	179,700,000
40	337	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	360	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	187,200,000
41	338	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	60	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	18,000,000

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
42	365	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ loại X	Cái	30	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ	3-31xx; 3-32xx; 3-35xx; 3-36xx; 3-37xx; 3-66xx; 3-67xx	5,990,000	179,700,000
43	366	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	300	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 5.0mm	3-41xx; 3-50xx	540,000	162,000,000
44	367	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro loại X	Cái	60	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	3-40xx	350,000	21,000,000
45	381	Nẹp khóa xương gót chân các cỡ, trái/ phải, hợp kim titanium loại VI	Cái	10	Đức	MAT GmbH	Nẹp khóa xương gót chân các cỡ, trái/phải	3-25xx; 3-26xx	4,990,000	49,900,000
46	382	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	100	Đức	MAT GmbH	Vít khóa đường kính 3.5mm	3-01xx; 3-03xx	520,000	52,000,000
47	383	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Cái	20	Đức	MAT GmbH	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	3-02xx	300,000	6,000,000
Tổng cộng: 47 mặt hàng										4,058,150,000

Bảng chữ: Bốn tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Phụ

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật y tế Trường Sinh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	53	Kéo sinh học	Tuýp	750	Đức	Aesculap AG	Histoacryl Blue	1050044	294,000	220,500,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										220,500,000
Bảng chữ: Hai trăm hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.										

h

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333 /QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần TBYT VNT

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	20	Bóng nong đường mật dùng để nong và đặt stent đường mật	Cái	65	Mỹ	Ev3	Bóng nong mạch ngoại vi Evercross	Evercross	7,000,000	455,000,000
2	33	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi	Cái	5	Mỹ	Ev3	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi Spider FX	Spider FX	26,000,000	130,000,000
3	45	Giá đỡ (Stent) động mạch cảnh	Cái	5	Mỹ	Ev3	Giá đỡ mạch cảnh Protégé RX	Protégé RX	26,500,000	132,500,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										717,500,000
Bảng chữ: Bảy trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.										

2333

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần thương mại và giải pháp y tế Việt Linh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	Bộ bơm bóng áp lực cao gồm đầy đủ phụ kiện đi kèm	Bộ	28	Brazil	Scitech	Angiflator KIT	IND0325205	1,650,000	46,200,000
2	5	Bộ dẫn lưu loại IV	Bộ	100	Mỹ	Uresil	Origin Drainage Catheter	GPL2-xxxxH GPL2-xxxxHB CCL2-xxxxHB	2,400,000	240,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										286,200,000

Bảng chữ: Hai trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THÀU

(Kèm theo Quyết định số: 2329/QĐ-VĐ ngày 28/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Đỗ Gia

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	86	Vật liệu nút mạch [Hạt nút mạch có gắn hoá chất điều trị ung thư gan] loại II	Lọ	40	Anh	Biocompatibles	DC Bead	DC2Vxxx	31,500,000	1,260,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										
Bảng chữ: Một tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./.										
1,260,000,000										

huy

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Đại Dương

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	97	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng loại 1.9F	Bộ	100	Nhật Bản	Tokai	Tokai Microcatheter Camelian	MSBxxxxx	7,560,000	756,000,000
2	99	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 1.8F	Cái	200	Nhật Bản	Tokai	Tokai Microcatheter Camelian	MSVxxxxx	7,560,000	1,512,000,000
3	101	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 2.2F	Cái	500	Nhật Bản	Tokai	Tokai Microcatheter Camelian	MCVxxxxx	7,560,000	3,780,000,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										6,048,000,000

Bảng chữ: Sáu tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần TTBYT Đức Tín

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	100	Ví ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng, có khung đầu được uốn sẵn	Cái	200	Thái Lan	Asahi Intecc	Asahi Masters Parkway Soft	WMST105-18PWSF, WMST125-18PWSF, WMST150-18PWSF, WMST45A-18PWSF, WMST45A-18PWSF	8,900,000	1,780,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										1,780,000,000
Bảng chữ: Một tỷ, bảy trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.										

12/12/20

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 27/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Hoàng Nga

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	4	Bộ dẫn lưu loại III	Cái	550	Đài Loan	Bioteque	Neo Hydro Pigtail Drainage Catheter Set	BT-PD1-0630-W; BT-PD1-0830-W; BT-PD1-0930-W; BT-PD1-1030-W; BT-PD1-1230-W; BT-PD1-1430-W;	1,800,000	990,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										990,000,000
Bảng chữ: Chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 21/2/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần thương mại Công Vàng

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	60	Kim đốt khối u bằng vi sóng	Cái	15	Trung Quốc	Covidien Medical Products (Shanghai) Manufacturing, LLC	Emprint TM Reinforced Percutaneous Antenna with Thermosphere TM Technology - Kim đốt khối u bằng vi sóng	CA15L2; CA20L2; CA30L2	30,000,000	450,000,000
2	61	Kim đốt sóng cao tần dùng cho máy Cool tips loại 1	Cái	100	Mỹ	Covidien	Cool-tip RF ablation Single Electrode Kit - Kim đốt sóng cao tần đơn cực	RFA1520; RFA1530; RFA2020; RFA2030	17,500,000	1,750,000,000
3	62	Kim đốt sóng cao tần dùng cho máy Cool tips loại 2	Cái	30	Mỹ	Covidien	Cool - tip RF Ablation Multiple Electrode Kit E Series - Kim đốt sóng cao tần bộ 2 kim	RFA15302	27,800,000	834,000,000
4	64	Kim đốt sóng cao tần dùng cho máy Cool tips loại 4	Cái	15	Mỹ	Covidien	Cool - tip RF Ablation Multiple Electrode Kit E Series - Kim đốt sóng cao tần bộ 3 kim	RFA15303; RFA15403	37,000,000	555,000,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										3,589,000,000
Bảng chữ: Ba tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn./.										

23

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THÀU

(Kèm theo Quyết định số: 2329/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Trọng Minh

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	90	Ví dây dẫn can thiệp	Cái	100	Nhật	Piolax Medical Devices, INC	RUN & RUN	RUN135-16; RUN165-16; RUN165-16A; RUN180-16; RUN180-16A	3.200.000	320.000.000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										320.000.000

Bảng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.

(Kèm theo Quyết định số 2399/QĐ-VĐ ngày 21/10/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	52	Vật liệu nút mạch [Hạt nút mạch hình cầu]	Ống	100	Ireland	Boston Scientific	Hạt nút mạch Embocenz Color Advanced Microspheres, 2ml	XXXX20-S1 XXXXX20-S1	6,500,000	650,000,000
2	87	Vật liệu nút mạch [Hạt nút mạch có gắn hoá chất điều trị ung thư gan] loại III	Ống	100	Ireland	Boston Scientific	Hạt nút mạch Embocenz Tandem Microspheres điều trị ung thư gan, 2ml	XXXX20-TS0	33,000,000	3,300,000,000
3	102	Ví ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 2,4F	Hộp	50	Ireland	Boston Scientific	Ví ống thông can thiệp mạch máu Renegade STC-18	M001181XXX	9,900,000	495,000,000
4	121	Vòng xoắn kim loại cỡ 0.018"	Cái	200	Ireland	Boston Scientific	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch Complex Helical-18/Figure 8-18/Straight -18/VortX Diamond - 18/VortX-18/VortX-35/Multi-Loop-18	M0013XXXXXXX	6,200,000	1,240,000,000
Tổng cộng: 04 mặt hàng										5,685,000,000

Bảng chữ: Năm tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.

Bảng chữ: Năm tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-VĐ ngày 25/10/2020 của Giám đốc Bệnh viện Lừa ngừ Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu ngừ Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH DP và trang thiết bị y tế Hoàng Đức

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	15	Bóng 1 nóng chẹn cổ tử phình mạch não có 2 đánh dấu vị trí ngã ba mạch các cổ trên vị dây dẫn 0,014"	Cái	5	Ireland	Stryker Neurovascular	Transform Occlusion Balloon Catheter	M003ERC-... M003ESC-...	16,500,000	82,500,000
2	21	Bóng nong mạch máu não	Cái	10	Mỹ, Costa Rica	Boston Scientific Corporation	Gateway PTA Balloon Catheter (Over-the-Wire)	M00320722...	9,600,000	96,000,000
3	34	Dụng cụ cắt coil chuyên chạy bằng điện	Cái	2	Mỹ, Ireland	Benchmark Electronics, Inc	Inzone Detachment System	M0034500950	4,200,000	8,400,000
4	48	Giá đỡ can thiệp túi phình mạch não	Cái	5	Ireland	Stryker Neurovascular	Neuroform Atlas Stent System	M003EZAS-...	61,000,000	305,000,000
5	72	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não với cấu trúc trục dạng chuyển tiếp giữa đầu cứng và đầu mềm	Cái	20	Mỹ, Costa Rica	Boston Scientific Corporation	Guidet Softip XF Guide Catheters	M003100... M003101... H965100...	3,590,000	71,800,000
6	81	Giá đỡ (Stent) điều trị hẹp mạch máu não	Cái	3	Ireland	Stryker Neurovascular	Wingspan Stent System	M003WE-... M003WS-...	73,500,000	220,500,000
7	91	Ví dây dẫn can thiệp mạch máu não	Cái	400	Mỹ, Costa Rica	Boston Scientific Corporation	Transend Guidewire	M00146-... M00346-...	5,550,000	2,220,000,000
8	98	Ví ống thông can thiệp mạch não có 2 marker các cỡ 1.7 F- 1.9F có khung đầu uốn sẵn, bên trong phủ TFE- fluoropolymer, phù hợp coil 10-18	Cái	20	Ireland	Stryker Neurovascular	Excelsior SL 10, 1018, XT 27 Microcatheters	M003168-... M003144-... M003XT27-...	12,630,000	252,600,000
9	125	Vòng xoắn kim loại lõi trần loại 360 độ	Cái	50	Ireland	Stryker Neurovascular	Target Detachable Coils, Target XXL 360 Detachable Coils	M00354-... M00361-...	14,820,000	741,000,000
Tổng cộng: 09 mặt hàng										3,997,800,000

Bảng chữ: Ba tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn./.

(Kèm theo Quyết định số: 233/QĐ-VĐ ngày 12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

[illegible]

Bảng chữ: Ba tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, một trăm nghìn đồng chẵn.

Tổng cộng: 08 mặt hàng

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 232/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH KIGEN

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	59	Kim chiba can thiệp giảm đau	Cái	150	Nhật Bản	TSK	Kim chiba can thiệp giảm đau	MS: CBN	340,000	51,000,000
2	67	Kim sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng	Cái	100	Đức	Pajunk	Kim sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng	MS: 18200	760,000	76,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										127,000,000
Bảng chữ: Một trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn./.										

me

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Lưu trữ Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Sang Thu

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	24	Bóng tắc mạch não không dây	Cái	80	Pháp	Balt	Bóng tắc mạch không dây Goldbal	REF GOLDBAL1 REF GOLDBAL2 REF GOLDBAL3 REF GOLDBAL4	5,500,000	440,000,000
2	78	Ống thông trợ giúp can thiệp loại 6F	Cái	20	Pháp	Balt	Ống thông can thiệp đầu mềm Fargomax	REF FRGMAX....	10,300,000	206,000,000
3	110	Vi ống thông dùng gắn bóng tắc mạch não loại I	Cái	20	Pháp	Balt	Vi ống thông siêu nhỏ mềm mang bóng Magic Mabdte	REF MABDTE	14,000,000	280,000,000
4	111	Vi ống thông dùng gắn bóng tắc mạch não loại II	Cái	7	Pháp	Balt	Vi ống thông siêu nhỏ mềm mang bóng Baltaccibdpce	REF BALTACCIBDPE	14,500,000	101,500,000
5	123	Vòng xoắn kim loại dạng lò xo	Cái	250	Pháp	Balt	Vòng xoắn kim loại Cirrus	REF FIB 2X25P15 REF FIB 3X25P15 REF FIB 3X50P15 REF FIB 4X30P15 REF FIB 4X50P15 REF FIB 5X30P15 REF FIB 5X60P15 REF FIB 7X60P15	6,000,000	1,500,000,000
Tổng cộng: 05 mặt hàng										2,527,500,000

Bảng chữ: Hai tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./.

Handwritten signature/initials.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số 2399/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thanh Phương

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	8	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Bộ	450	Việt Nam	TERUMO	Radifocus Introducer II	Radifocus Introducer II	482,790	217,255,500
2	11	Bộ mở thông vào lòng động mạch quay	Bộ	205	Nhật Bản	TERUMO	Radifocus Introducer II Mcoat	Radifocus Introducer II Mcoat	669,900	137,329,500
3	12	Bộ mở thông vào lòng mạch máu cỡ 5F, 6F	Bộ	30	Việt Nam	TERUMO	Radifocus Introducer II	Radifocus Introducer II	482,790	14,483,700
4	13	Bộ mở thông vào lòng mạch máu cỡ 8F	Bộ	40	Việt Nam	TERUMO	Radifocus Introducer II	Radifocus Introducer II	482,790	19,311,600
5	14	Bộ mở thông vào lòng mạch máu cỡ 9F, 10F	Bộ	20	Nhật Bản	TERUMO	Radifocus Introducer II	Radifocus Introducer II	509,880	10,197,600
6	29	Dây dẫn đường kính 0.035" dài 150 và 260 cm loại thông thường	Cái	940	Việt Nam	TERUMO	Radifocus Guidewire M	Radifocus Guidewire M	584,000	548,960,000
7	30	Dây dẫn đường kính 0.035" dài 150 cm có thân cứng (super stiff)	Cái	50	Việt Nam	TERUMO	Radifocus Guidewire M	Radifocus Guidewire M	535,000	26,750,000
8	69	Ống thông dùng trong can thiệp	Cái	990	Nhật Bản	TERUMO	Radifocus Glidecath	Radifocus Glidecath	945,000	935,550,000
9	104	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 2.7F	Cái	500	Nhật Bản	TERUMO	Progreat 2.7	Progreat 2.7	8,295,000	4,147,500,000
Tổng cộng : 09 mặt hàng										6,057,337,900

Bảng chữ: Sáu tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm đồng/.

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thiên Việt

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	10	Bộ kim chọc sinh thiết gan qua tĩnh mạch cảnh trong	Bộ	5	Mỹ	Argon	TLAB	TL-18N; TL-18S; TL-18C TL-19N; TL-19S; TL-19	18,000,000	90,000,000
2	58	Kim cắt vòng xoắn 0.020"	Cái	2	Mỹ	Penumbra	Detachment Handle	DH1	2,226,000	4,452,000
3	68	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới	Cái	20	Mỹ	Argon	Option ELITE	352506070E 352506100E	29,400,000	588,000,000
4	77	Ống thông hút huyết khối trực tiếp	Cái	15	Mỹ	Penumbra	Reperfusion Catheter (ACE64 ; ACE68;...)	5MAXACE068 5MAXACE064	35,910,000	538,650,000
5	79	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch máu não loại 6F	Cái	70	Mỹ	Penumbra	Neuron Max 088; Neuron 070 Delivery	PND6F0701058M, PNMML6F088804M; PNMML6F088904M;	8,400,000	588,000,000
6	80	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch máu não loại 8F	Cái	35	Mỹ	Penumbra	Neuron Max 088	PNMML6F088804M; PNMML6F088904M;	8,400,000	294,000,000
7	82	Stent đỡ (stent) tĩnh mạch	Cái	15	Đức	Optimed	Stent Sinus Venous;	8712-XXXXX 8714-XXXXX 8716-XXXXX 8718-XXXXX	46,500,000	697,500,000
8	84	Stent đường mật loại II	Cái	200	Đức	Optimed	Stent Sinus - SuperFlex 635;	8606-XXXXX; 8607-XXXXX 8608-XXXXX; 8609-XXXXX 8610-XXXXX; 8612-XXXXX	20,000,000	4,000,000,000
9	105	Vi ống thông dùng cho vòng xoắn kim loại đường kính lớn 0.020"	Cái	20	Mỹ	Penumbra	Pxslim Delivery Microcatheter;	PXSLIM045; PXSLIMSTR	12,500,000	250,000,000
10	114	Vi ống thông hút huyết khối đường kính nhỏ dùng cho mạch não	Cái	10	Mỹ	Penumbra	Reperfusion Catheter 3Max; Reperfusion Catheter 4Max; Reperfusion Catheter 054/5Max;	3MAXC 4MAXC PSC054	19,500,000	195,000,000
11	115	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên loại lớn các cỡ	Cái	5	Mỹ	Penumbra	Indigo 8	CAT8TORQ85; CAT8XTORQ115;	33,600,000	168,000,000
12	116	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên loại nhỏ các loại	Cái	5	Mỹ	Penumbra	Indigo 3; Indigo 5	CAT3; CAT5.	19,500,000	97,500,000
13	124	Vòng xoắn kim loại đường kính 0,020 inch	Cái	100	Mỹ	Penumbra	Coil 400; Ruby coil;	RBY2C-XXXX; RBY4C-XXXX 4002C-XXXX 4004C-XXXX	19,000,000	1,900,000,000
Tổng cộng : 13 mặt hàng										
Bảng chữ: Chín tỷ, bốn trăm mười một triệu, một trăm linh hai nghìn đồng chẵn./.										
9,411,102,000										

W

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2339/QĐ-VĐ ngày 25/11/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Tuốt bị y tế Danh

STT	STT trong HSMIT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	16	Bóng chèn cổ tử cung mạch não 2 nồng đoạn thẳng	Cái	20	Mỹ, Costa Rica	Microvention	Bóng chèn cổ tử cung mạch não 2 nồng Scepter C các cỡ	BC04xxC	25,000,000	500,000,000
2	17	Bóng chèn cổ tử cung mạch não 2 nồng các cỡ	Cái	5	Mỹ, Costa Rica	Microvention	Bóng chèn cổ tử cung mạch não 2 nồng Scepter XC các cỡ	BC04xxXC	30,000,000	150,000,000
3	35	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại 0.010"	Cái	10	Mỹ	Microvention	Kim cắt coil MicroVention	VG501	2,000,000	20,000,000
4	47	Giá đỡ (Stent) nội mạch thay đổi dòng chảy mạch não 2 lớp	Cái	15	Mỹ, Costa Rica	Microvention	Giá đỡ nội mạch (Stent) thay đổi dòng chảy mạch não 2 lớp FRED, FREDJR	FREDxxxx FREDJRxxxx	202,000,000	3,030,000,000
5	51	Giá đỡ (Stent) chèn cổ tử cung mạch não các cỡ	Cái	10	Mỹ, Costa Rica	Microvention	Stent chèn cổ tử cung mạch não LVIS các cỡ	xxxxxx-CAS	53,000,000	530,000,000
6	54	Keo sinh học nút dị dạng động tĩnh mạch não	Lọ	20	Mỹ	Microvention	Keo sinh học nút dị dạng động tĩnh mạch não - PHIL	LENxxxx	12,600,000	252,000,000
7	73	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch não	Cái	35	Mỹ, Costa Rica	Microvention	Ống thông Headway các loại	MCxxxxxx MCxxxxxx	10,000,000	350,000,000
8	74	Ống thông dẫn đường kép 2 nồng Chaparon các loại	Cái	70	Mỹ, Nhật	Microvention Ashitaka factory of Terumo Corp	Ống thông dẫn đường kép 2 nồng Chaparon các loại	GCxxxxxx	6,000,000	420,000,000
9	76	Ống thông hút huyết khối	Cái	35	Mỹ, Costa Rica	Microvention	Ống thông hút huyết khối đường kính 0.07" SOFIA Plus	DA6xxxx	30,500,000	1,067,500,000
10	94	Ví dây dẫn dùng cho can thiệp mạch máu não	Cái	50	Mỹ, Nhật	Microvention, Ashitaka factory of Terumo Corp	Dây dẫn Traxcess các loại	GWxxxxxx	6,000,000	300,000,000
11	117	Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não loại có phủ gel]	Cái	40	Mỹ, Costa Rica	Microvention	Coil nút mạch não loại có phủ Gel các loại, các cỡ: Hydrocoil, Hydrosoft, Hydroframe.	1xxxxxH2HS-V*, 1xxxxxH2HS-V, 1xxxxxHFRM-V, 1xxxxxHFRM-V*, 1xxxxxHES-V, 1xxxxxHFIL-V, 1xxxxxHFIL-V*	14,000,000	560,000,000
12	119	Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não loại không phủ gel]	Cái	100	Mỹ, Costa Rica	Microvention	Coil nút mạch não loại không phủ Gel các loại, các cỡ: Complex, Cosmos, Compass, Hypersoft, Hypersoft 3D, Helical, VFC.	1xxxxxCSSR-V, 1xxxxxHCR-V,, 1xxxxxHS-V, 1xxxxxCC-V, 1xxxxxCMR-V, 1xxxxxCM-V, 1xxxxxHC-R-V, 1xxxxxHC-S-V, 1xxxxxCS-V, VFCxxxx-V	13,400,000	1,340,000,000
Tổng cộng: 12 mặt hàng										
Bảng chữ: Tám tỷ, năm trăm mười chín triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn/.										
8,519,500,000										

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2323/QĐ-VĐ ngày 28/11/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thiết bị y tế Tait Thành

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	65	Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u gan, u phổi	Cái	10	Hàn Quốc	STARmed	Kim đốt sóng cao tần VIVA (VIVA RF)	15-20V05-30X/ 15-20V15-40X/ 17-20V05-30X/ 17-25V15-40X	22,600,000	226,000,000
2	66	Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u tuyến giáp, u vú, u gan	Cái	10	Hàn Quốc	STARmed	Kim đốt sóng cao tần Star fixed (Star RF Electrode - Fixed)	19-07s05F/19-07s07F/18-07s05F/ 18-07s07F/ 18-07s10F/ 17-15s20F/17-15s25F/ 17-15s30F/17-20s20F/17-20s25F/ 17-20s30F/17-25s20F/17-25s25F/ 17-25s30F/ 15-15s20F/ 15-15s25F/15-15s30F/ 15-20s20F/15-20s25F/15-20s30F/ 15-25s20F/15-25s25F/15-25s30F	18,200,000	182,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										408,000,000
Bảng chữ: Bốn trăm linh tám triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2338/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Việt Thắng

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	31	Dây dẫn đường kính 0.035" dùng để đặt stent đường mật	Cái	90	Costa Rica	Boston Scientific	Amplatz Super Stiff Guidewire	Amplatz Super Stiff Guidewire M00664010xx; M001465xxx; ...	2,300,000	207,000,000
2	89	Vật liệu nút mạch [Hạt PVA]	Cái (Lo)	200	Ireland	Boston Scientific	Contour PVA	Contour PVA M0017600xxx; M0017601xxx; ...	2,200,000	440,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										647,000,000
Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2333/QĐ-VĐ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Minh Phương

STT	STT trong HSM	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	18	Bóng chèn cổ tử cung tại động mạch não đoạn thẳng	Cái	10	Mỹ	Ev3	Bóng tắc mạch Hyperglide	104-4112	17,000,000	170,000,000
2	19	Bóng chèn cổ tử cung tại động mạch não ở vị trí ngã ba động mạch não	Cái	5	Mỹ	Ev3	Bóng tắc mạch Hyperform	104-4470	26,000,000	130,000,000
3	26	Keo onyx	Lọ	60	Mỹ	Ev3	Chất tắc mạch dạng lỏng Onyx	105-7000-xxx	17,500,000	1,050,000,000
4	40	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não	Cái	15	Mỹ	Ev3	Giá đỡ (stent) mạch não Solitaire Platinum	SFR3-x-xx-10	45,000,000	675,000,000
5	44	Dụng cụ tách rời cuộn kim loại trong nút mạch não	Cái	5	Mỹ	Ev3	Phụ kiện cắt coils ID	ID-1-5	2,250,000	11,250,000
6	46	Giá đỡ (stent) mạch máu não dùng cho các túi phình cổ rộng	Cái	10	Mỹ	Ev3	Giá đỡ (stent) mạch não Solitaire AB	SAB-x-xx	45,000,000	450,000,000
7	56	Khung giá đỡ nội mạch thay đổi dòng chảy mạch não 2 lớp	Cái	32	Mỹ	Ev3	Giá đỡ (stent) mạch não Pipeline Flex with shield	PED2-xxx-xx	220,000,000	7,040,000,000
8	93	Vi dây dẫn có kích thước 0.014" dùng cho can thiệp mạch não	Cái	50	Mỹ	Ev3	Vi dây dẫn can thiệp mạch thần kinh Avigo	103-0606-200	6,000,000	300,000,000
9	106	Vi ống thông dùng để bơm Onyx gây tắc dị dạng mạch não phức tạp có đầu tách rời	Cái	40	Mỹ	Ev3	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh Apollo	105-509x-000	19,800,000	792,000,000
10	107	Vi ống thông dùng để đặt khung giá đỡ làm thay đổi dòng chảy mạch não	Cái	5	Mỹ	Ev3	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh Marksmen	FA-551xx-1030	18,000,000	90,000,000
11	108	Vi ống thông dùng để nút coil, đầu cong, kích thước đầu xa 1.7 hoặc 1.9F	Cái	40	Mỹ	Ev3	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh Echelon gấp góc	145-5091-150; 145-5092-150; 190-5091-150; 190-5092-150	12,000,000	480,000,000
12	109	Vi ống thông dùng để nút coil, đầu thẳng, kích thước 1.7 và 1.9F	Cái	30	Mỹ	Ev3	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh Echelon	105-5091-150; 105-5092-150	10,000,000	300,000,000
13	112	Vi ống thông dùng trong can thiệp dị dạng mạch não loại I	Cái	12	Mỹ	Ev3	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh Marathon	105-5056	10,000,000	120,000,000
14	113	Vi ống thông dùng trong can thiệp dị dạng mạch não loại II	Cái	5	Mỹ	Ev3	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh Rebar	105-5081-153	9,000,000	45,000,000
15	118	Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não loại IV]	Cái	50	Mỹ	Ev3	Cuộn nút mạch não (coils) Axiom Prime	APB-x-x-IX-ES; APB-x-x-3D-ES	14,000,000	700,000,000
16	120	Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não] loại III	Cái	200	Mỹ	Ev3	Cuộn nút mạch não (coils) Axiom	QC-xx-xx-3D; QC-xx-xx-HELIX	13,500,000	2,700,000,000
17	126	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch máu não loại 5F	Cái	5	Mỹ	Ev3	Ống thông can thiệp mạch thần kinh Navien	RFX058-115-08; RFX072-115-08MP	21,000,000	105,000,000
Tổng cộng: 17 mặt hàng										15,158,250,000

Bảng chữ: Mười lăm tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 23/2020/QĐ-VĐ ngày 25/11/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH thương mại vật tư thiết bị kỹ thuật y tế

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	83	Stent đường mật loại I	Cái	165	Hàn Quốc	M.I.TECH	Stent đường mật	SHC-10-050-060, SHC-10-060-060, SHC-10-080-060, SHS-10-050-060, SHS-10-060-060, SHS-10-080-060, SHS-10-100-060	17,200,000	2,838,000,000
Tổng cộng: 01 mặt hàng										2,838,000,000
Bảng chữ: Hai tỷ, tám trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn/.										

5/11

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-1Đ ngày 25/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH tư vấn, TMDV KHKT Transmed

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	41	Dụng cụ nút mạch bằng dù loại I	Cái	10	Mỹ	Abbott Medical	Amplatzer Vascular Plug	Ký mã hiệu: 9-PLUG-xxx Nhãn mác: Amplatzer Vascular Plug	10,700,000	107,000,000
2	42	Dụng cụ nút mạch bằng dù loại II	Cái	10	Mỹ	Abbott Medical	Amplatzer Vascular Plug II	Ký mã hiệu: 9-AVP2-xxx Nhãn mác: Amplatzer Vascular Plug II	17,200,000	172,000,000
3	43	Dụng cụ nút mạch bằng dù loại III	Cái	10	Mỹ	Abbott Medical	Amplatzer Vascular Plug 4	Ký mã hiệu: 9-AVP38-xxx Nhãn mác: Amplatzer Vascular Plug 4	17,200,000	172,000,000
Tổng cộng: 03 mặt hàng										451,000,000
Bảng chữ: Bốn trăm năm mươi một triệu đồng chẵn./.										

Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRUNG THẦU

Kèm theo Quyết định số: 239/QĐ-VĐ ngày 25/10/2020 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Cung cấp vật tư y tế kỹ thuật cao của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020 - 2021 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

Tên Nhà Thầu: Công ty TNHH Xuân Vy

STT	STT trong HSMT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng chào thầu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Tên thương mại của sản phẩm	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	127	Giá đỡ (Stent) chuyển hướng dòng chảy	Cái	5	Đức	Acandis	Giá đỡ (stent) chuyển hướng dòng chảy Derivo	01-000xxxx	220,000,000	1,100,000,000
2	128	Vi ống thông can thiệp mạch máu não có lớp phủ ái nước hai lớp	Cái	5	Đức	Acandis	Vi ống thông NeuroSlider	01-0002xx	15,800,000	79,000,000
Tổng cộng: 02 mặt hàng										1,179,000,000

Bảng chữ: Một tỷ, một trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn./.